



Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai
ubndtinh@gialai.gov.vn
Tỉnh Gia Lai
20.01.2020 09:34:18 +07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 20 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin năm 2006;

Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4;

Thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại;

Căn cứ Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/08/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1017/QĐ-TTg ngày 14/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ Chính phủ điện tử đến năm 2020, định hướng đến 2025;

Thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

Thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp

hạng của Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 829/QĐ-BTTTT ngày 31/5/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Khung tham chiếu ICT phát triển đô thị thông minh (phiên bản 1.0);

Căn cứ văn số 58/BTTTT-KHCN ngày 11/01/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn các nguyên tắc định hướng về Công nghệ thông tin và Truyền thông trong xây dựng đô thị thông minh ở Việt Nam; văn bản số 3098/BTTTT-KHCN ngày 13/9/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam giai đoạn đến năm 2025 (Phiên bản 1.0); văn bản số 1468/BTTTT-THH ngày 13/5/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về góp ý Đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh”; văn bản số 25/BXD-PTĐT ngày 16/5/2019 của Bộ Xây dựng về góp ý Đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh”;

Thực hiện Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai “Về chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ Năm, HĐND tỉnh khóa XI” đối với nội dung: Xây dựng Đô thị thông minh;

Căn cứ Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Gia Lai về phê duyệt Khung kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 22/01/2018 của UBND tỉnh Gia Lai về phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Pleiku đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 về việc ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 21/01/2019 của UBND tỉnh Gia Lai về ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 648/KH-UBND ngày 29/3/2019 của UBND tỉnh Gia Lai về thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

Thực hiện Thông báo kết luận số 1875-TB/TU ngày 10/01/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thống nhất chủ trương ban hành Đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030” với các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu: Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh nhằm khai thác, phát huy các tiềm năng, lợi thế, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực, bảo vệ môi trường bền vững; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và các dịch vụ đô thị; hạn chế các rủi ro và nguy cơ tiềm ẩn; đồng thời đảm bảo tạo điều kiện đối với các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng, giám sát, quản lý phát triển đô thị; nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế của thành phố, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội phát triển, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

2. Các nhiệm vụ, đề án trọng tâm, ưu tiên thực hiện:

- a) Nhóm nhiệm vụ về phát triển hạ tầng kỹ thuật.
- b) Nhóm nhiệm vụ về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.
- c) Nhóm nhiệm vụ về cơ sở dữ liệu.
- d) Nhóm nhiệm vụ về xây dựng chính quyền điện tử.
- e) Nhóm nhiệm vụ về kinh tế.
- g) Nhóm nhiệm vụ về y tế, chăm sóc sức khỏe dân cư.
- h) Nhóm nhiệm vụ về giáo dục.
- i) Nhóm nhiệm vụ về quản lý trật tự xã hội.
- k) Nhóm nhiệm vụ về môi trường.
- l) Bố trí nhân lực, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin cho đô thị thông minh.

(Nội dung chi tiết theo Đề án được phê duyệt kèm theo Quyết định này).

3. Giải pháp thực hiện:

- a) Giải pháp về chính sách:
 - Lồng ghép, đưa các nhiệm vụ của Đề án vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; kế hoạch đầu tư công; kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của tỉnh...để làm căn cứ triển khai thực hiện.
 - Khai thác hiệu quả các ứng dụng công nghệ thông tin trong đô thị thông minh nhằm tăng cường quản lý tác nghiệp, phục vụ cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp, quản lý nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp.
 - Rà soát, điều chỉnh Quy chế đảm bảo an toàn thông tin theo Luật An

ninh mạng; tăng cường quản lý an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng đô thị thông minh; tăng cường quản lý và tạo điều kiện thúc đẩy công tác hợp tác khu vực và quốc tế về xây dựng đô thị thông minh.

- Ban hành chính sách, quy định công khai cơ sở dữ liệu chuyên ngành được phép chia sẻ từ các cơ quan chuyên môn của tỉnh; khuyến khích người dân và doanh nghiệp thực hiện các giao dịch điện tử, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng công nghệ, dịch vụ thông minh vào cuộc sống để nâng cao chất lượng sinh hoạt, học tập và làm việc.

- Hoàn thiện hệ thống pháp lý, chuẩn hoá thông tin, chuẩn hoá các chỉ số báo cáo, thống kê, đảm bảo dữ liệu đầy đủ và chính xác phục vụ mục đích phát triển, khai thác các ứng dụng thông minh.

- Đẩy mạnh thực hiện hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin; thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu đối với các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực thông tin và truyền thông. Việc triển khai thực hiện một số nội dung, nhiệm vụ theo hình thức thuê dịch vụ CNTT phải đảm bảo nguyên tắc nâng cao hiệu quả về đầu tư và quản lý; các dịch vụ theo hình thức thuê phải đảm bảo tính tương thích về công nghệ, liên thông, kết nối và khai thác tối đa các hệ thống thông tin đã có; ưu tiên áp dụng hình thức thuê dịch vụ tập trung đối với các dịch vụ công nghệ thông tin có tính chất, tính năng giống nhau mà nhiều cơ quan, đơn vị cùng có nhu cầu sử dụng và công nghệ có sự thay đổi nhanh về công nghệ cần phải liên tục đầu tư. Thông tin, dữ liệu hình thành trong quá trình thuê dịch vụ và phần mềm được đặt hàng riêng để phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ (nếu có) là tài sản thuộc sở hữu của bên thuê.

b) Giải pháp về tài chính, nguồn vốn:

Về nguồn vốn, tổng mức đầu tư thực tế cho các nhóm nhiệm vụ, dự án thành phần trong Đề án sẽ được các đơn vị chủ trì khảo sát, tính toán khi thực hiện bước phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc lập dự án đầu tư, trong đó:

- Một số nội dung ngân sách nhà nước phải đầu tư: Ngân sách nhà nước đảm bảo vốn đầu tư theo chủ trương đầu tư hoặc dự án đầu tư trong phạm vi đề án được phê duyệt; ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các chương trình, dự án ứng dụng và phát triển CNTT hàng năm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương để đẩy mạnh ứng dụng CNTT phục vụ mô hình thành phố thông minh.

- Đề nghị hỗ trợ từ Trung ương trong lĩnh vực phát triển ứng dụng CNTT và truyền thông.

- Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước; nghiên cứu, áp dụng các mô hình hợp tác công tư PPP, vốn xã hội hóa và các mô hình đầu tư khác để đầu tư chiều sâu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, đầu tư hạ tầng kỹ thuật đô thị thông minh, trang thiết bị phục vụ quản lý đô thị và thực hiện các nội dung nhiệm vụ khác của Đề án.

- Huy động nguồn lực từ nhân nhân, các thành phần trong xã hội; huy động các doanh nghiệp công nghệ thông tin, viễn thông tổ chức đầu tư theo hình thức thuê dịch vụ; các doanh nghiệp đầu tư, cơ quan nhà nước thuê để giảm chi phí ngân sách hằng năm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để tổ chức thực hiện Đề án.

c) Giải pháp về nguồn nhân lực:

- Tổ chức đào tạo, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức; đặc biệt là cán bộ trẻ các kỹ năng ứng dụng CNTT, đi đầu trong sử dụng thành thạo ứng dụng CNTT, ứng dụng đô thị thông minh.

- Có chính sách thu hút nhân lực CNTT, trong đó có nhân lực CNTT chất lượng cao về công tác tại các cơ quan chuyên môn tham mưu triển khai các ứng dụng CNTT của tỉnh;

- Hỗ trợ người dân tiếp cận các ứng dụng CNTT, ứng dụng thông minh. Hằng năm, cần tiếp tục tổ chức cuộc thi Tin học trẻ cho học sinh các cấp để tiếp tục thúc đẩy việc nghiên cứu, học tập CNTT trong học sinh. Tổ chức các hoạt động, các sự kiện khoa học công nghệ từ đó để hình thành thói quen, tư duy về đô thị thông minh trong các tầng lớp công dân của tỉnh.

- Phát huy vai trò của lãnh đạo, đặc biệt là người đứng đầu trong việc thu hút, thuyết phục các chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực CNTT về công tác tại thành phố hoặc phối hợp nghiên cứu, hợp tác trong các dự án của thành phố.

- Huy động sự hợp tác tham gia tư vấn, chuyển giao kinh nghiệm của các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức từ các tỉnh thành trong cả nước.

- Các cơ quan nhà nước cần phát huy hơn nữa việc ứng dụng CNTT; tăng cường sử dụng các ứng dụng có liên quan tới công dân, để giúp công dân tăng khả năng ứng dụng CNTT trong việc giao tiếp với cơ quan nhà nước. Tổ chức các mô hình đa dạng bồi dưỡng, đào tạo nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng, hướng dẫn sử dụng các tiện ích về đô thị thông minh.

d) Giải pháp về tuyên truyền, hợp tác, huy động nguồn lực xã hội:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cơ quan quản lý nhà nước, các thành phần kinh tế - xã hội và cộng đồng về vai trò và lợi ích về đô thị thông minh; tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về vai trò, ý nghĩa của đô thị thông minh, khuyến khích sự chủ động tham gia; tạo sự đồng thuận trong các cấp chính quyền và nhân dân trong triển khai thực hiện.

- Tổ chức các sự kiện, truyền thông về phát triển đô thị thông minh nhằm cung cấp thông tin về tình hình triển khai cũng như thu hút sự quan tâm, góp ý của các cấp, các ngành và cộng đồng xã hội.

- Định kỳ tổ chức đánh giá, công bố, biểu dương khen thưởng các tổ chức cá nhân có thành tích tiêu biểu, các đơn vị đã đạt được hiệu quả tích cực trong triển khai xây dựng phát triển đô thị thông minh.

- Đẩy mạnh các giải pháp thu hút nguồn lực xã hội trong hỗ trợ kỹ thuật, kêu gọi đầu tư để phát triển nghiên cứu, ứng dụng có hiệu quả công nghệ giải pháp phát triển đô thị thông minh.

- Ban hành các cơ chế chính sách ưu tiên, ưu đãi về thuế, tín dụng, đất đai và các ưu đãi khác để khuyến khích thu hút các thành phần tham gia phát triển đô thị thông minh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai thực hiện Đề án.

- Tham mưu cho UBND tỉnh các vấn đề liên quan đến chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án công nghệ thông tin trong việc xây dựng đô thị thông minh với chức năng là cơ quan quản lý ngành, đảm bảo sự đồng bộ của toàn bộ hệ thống.

- Chủ trì tham mưu xây dựng cơ chế, kế hoạch, hướng dẫn và tổ chức thực hiện; trong đó hàng năm xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh, phù hợp với Đề án được phê duyệt.

- Tham mưu, đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển công nghệ thông tin trong xây dựng đô thị thông minh trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định để hướng dẫn và tổ chức thực hiện; sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện chương trình, kế hoạch theo yêu cầu của tỉnh.

- Tăng cường mối quan hệ, tranh thủ sự giúp đỡ của các Bộ, ngành Trung ương, đặc biệt là sự chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ và sự hỗ trợ, tăng cường năng lực quản lý, ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về công nghệ thông tin trong xây dựng đô thị thông minh của mọi lĩnh vực trong đời sống kinh tế xã hội.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các chương trình, dự án đô thị thông minh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt trong phạm vi nhiệm vụ được giao; đồng thời phối hợp đề xuất huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai Đề án.

- Phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo triển khai trên địa bàn tỉnh các nhiệm vụ trong Chương trình quốc gia phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào lĩnh vực xây dựng

ứng dụng thông minh trên địa bàn tỉnh. Đề xuất các giải pháp nhằm huy động các nguồn lực, thu hút đầu tư trong và ngoài nước để phát triển công nghiệp, công nghệ thông tin.

- Tổng hợp danh mục các dự án triển khai thực hiện đề án (thuộc nguồn vốn đầu tư phát triển) do các cơ quan được giao nhiệm vụ trình báo cáo UBND tỉnh và đưa vào kế hoạch đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công.

3. Sở Tài chính:

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở ngành liên quan và UBND thành phố Pleiku tham mưu, trình cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án phù hợp với từng giai đoạn và danh mục ưu tiên của Đề án theo phân cấp ngân sách khi Đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đúng với quy định của Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các sở ngành có liên quan để tham mưu UBND tỉnh bố trí trụ sở, cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng phục vụ vận hành Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh (triển khai Chính quyền điện tử); Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Gia Lai; Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng tập trung (SOC)...

4. Sở Xây dựng:

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông để hướng dẫn, đơn đốc việc triển khai thực hiện Đề án; đảm bảo sự đồng bộ giữa hạ tầng kỹ thuật đô thị thành phố và hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông phục vụ xây dựng, phát triển đô thị thông minh.

5. Sở Nội vụ:

- Phối hợp với UBND thành phố Pleiku, Sở Thông tin và Truyền thông, các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh các nội dung liên quan đến công tác bố trí nhân sự vận hành, quản lý các Trung tâm Điều hành đô thị thông minh.

- Đưa nội dung thu hút, phát triển nguồn nhân lực cho đô thị thông minh vào Đề án, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức hàng năm và giai đoạn của tỉnh.

6. Các sở, ngành thuộc tỉnh Gia Lai:

Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị liên quan, thực hiện, hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ, dự án ĐTTM trong lĩnh vực mình phụ trách. Trong đó tuân thủ Khung tham chiếu về công nghệ thông tin và truyền thông trong đô thị thông minh, Khung kiến trúc Chính quyền điện tử và các hướng của cơ quan chuyên ngành liên quan đến phát triển đô thị thông minh, nhằm đảm bảo sự kết nối, chia sẻ số liệu và đồng bộ trong triển khai, thực hiện các nhiệm vụ, dự án đã đề ra.

7. Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku:

- Chủ trì thực hiện Đề án; xây dựng Kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện và tổ chức đánh giá, báo cáo tiến độ, kết quả triển khai trên địa bàn thành phố cho UBND tỉnh và cơ quan liên quan định kỳ trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.

- Đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển thành phố theo hướng đô thị thông minh; ưu tiên nguồn lực để triển khai thực hiện Đề án; lựa chọn triển khai thí điểm ở những nơi, khu vực đủ điều kiện từ đó đánh giá, rút kinh nghiệm và triển khai nhân rộng trong phạm vi thành phố.

- Có trách nhiệm phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện các chương trình, dự án trên địa bàn, đảm bảo tính thống nhất giữa ngành với địa phương và của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành để triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng phù hợp để đáp ứng các yêu cầu, nhiệm vụ của Đề án; trong đó trọng tâm là việc triển khai xây dựng, quản lý, vận hành Trung tâm Điều hành đô thị thông minh.

8. Các doanh nghiệp, hiệp hội:

Trong xây dựng chiến lược kinh doanh cần đảm bảo phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển Đô thị thông minh của tỉnh, vừa bảo đảm mục tiêu kinh doanh của đơn vị, vừa góp phần thiết thực thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội nói chung và phát triển thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh nói riêng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Thông tin và Truyền thông; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Xây dựng và Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Pleiku và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Thông tin và Truyền thông (báo cáo);
- T/T Tỉnh ủy (báo cáo);
- T/T HĐND tỉnh (báo cáo);
- Các hội, đoàn thể của tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Thành ủy, UBND TP. Pleiku;
- Báo Gia Lai; Đài PTTH tỉnh (đưa tin);
- Công TTĐT của tỉnh;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC, TTTH, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Tiến Đông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

ĐỀ ÁN
XÂY DỰNG THÀNH PHỐ PLEIKU THEO HƯỚNG
ĐÔ THỊ THÔNG MINH GIAI ĐOẠN 2020 - 2025,
ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

Gia Lai, tháng 01 năm 2020

THUẬT NGỮ, TỪ VIẾT TẮT

Cụm từ	Diễn giải	
UBND	Ủy ban nhân dân	
HĐND	Hội đồng nhân dân	
CNTT	Công nghệ thông tin	
CSDL	Cơ sở dữ liệu	
TPTM	Thành phố thông minh	
ĐTTM	Đô thị thông minh	
TT&TT	Thông tin và Truyền thông	
TN&MT	Tài nguyên và Môi trường	
VHTT&DL	Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
ICT	Công nghệ thông tin và truyền thông	
QR code	Mã phản hồi nhanh	
GPS	Hệ thống định vị toàn cầu	
KHCN	Khoa học và công nghệ	

MỤC LỤC

1. Cơ sở pháp lý:	6
2. Cơ sở thực tiễn:	7
II. ĐÁNH GIÁ CÁC ĐIỀU KIỆN XÂY DỰNG THÀNH PHỐ PLEIKU THEO HƯỚNG THÔNG MINH.	13
1. Tổng quan về đô thị thông minh:	13
2. Đặc điểm tự nhiên - xã hội của thành phố Pleiku:	15
3. Đánh giá hiện trạng thành phố Pleiku:	17
4. Các chỉ tiêu dự kiến giai đoạn 2019-2025 nếu triển khai Đề án:	28
III. XÂY DỰNG THÀNH PHỐ PLEIKU THEO HƯỚNG ĐÔ THỊ THÔNG MINH	29
1. Quan điểm, mục tiêu:	29
2. Kiến trúc tổng thể xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh:	33
3. Các nhiệm vụ xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh:	34
IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	51
1. Nhóm giải pháp về chính sách:	51
2. Nhóm giải pháp về tài chính, nguồn vốn:	52
3. Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực:	52
4. Nhóm giải pháp về tuyên truyền, hợp tác, huy động nguồn lực xã hội:	53
V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	54
1. Sở Thông tin và Truyền thông:	54
3. Sở Tài chính:	54
4. Sở Xây dựng:	55
6. Các sở, ngành thuộc tỉnh Gia Lai:	55
7. Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku:	55
8. Các doanh nghiệp, hiệp hội:	55
VI. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ	56
PHỤ LỤC :	57

ĐẶT VẤN ĐỀ

Những năm qua, quá trình đô thị hóa ở nước ta diễn ra mạnh mẽ, Việt Nam luôn nằm trong nhóm dẫn đầu trong khu vực Đông Nam Á về tốc độ đô thị hóa. Đây là một xu thế tất yếu mang tính tích cực và cũng là một phần cần thiết trong chiến lược phát triển kinh tế của Việt Nam. Tuy nhiên, quá trình đô thị hóa cũng đang đối mặt với nhiều khó khăn. Các đô thị luôn phải trăn trở với việc quản lý tốt công tác quản lý, quy hoạch, xây dựng phát triển đô thị; làm thế nào để cung cấp hiệu quả nhất các dịch vụ hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho đô thị, nâng cao chất lượng sống của người dân; sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên và giảm thiểu tác động bất lợi về môi trường... Trong bối cảnh hiện nay khi cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang bùng phát mạnh mẽ trên thế giới, trong đó có Việt Nam; việc xây dựng thành công mô hình đô thị thông minh sẽ có khả năng tạo ra giải pháp đột phá trong giải quyết những vướng mắc nêu trên; đồng thời, giúp Việt Nam bắt kịp với xu hướng phát triển đô thị bền vững trên thế giới và ứng phó được với những thách thức trong tương lai.

Hiện nay trên thế giới, có rất nhiều cách hiểu khác nhau về “Đô thị thông minh”, qua nhiều hội thảo quốc tế trong và ngoài nước thì các chuyên gia chỉ ra rằng: một thành phố chỉ thực sự thông minh khi hội tụ 3 yếu tố: *hạ tầng hiệu quả, phát triển bền vững và môi trường sống thân thiện*, dựa trên 6 tiêu chí: *nền kinh tế thông minh, di chuyển thông minh, công dân thông minh, môi trường thông minh, quản lý điều hành thông minh và cuộc sống thông minh*. Dù có đến 6 tiêu chí để xác định một đô thị thông minh, tuy nhiên, ngay cả trên thế giới, mỗi thành phố cũng lại xác định một hướng trọng tâm, chẳng hạn như các nước châu Âu thường hướng tới môi trường xanh, tiết kiệm năng lượng, đặc biệt là các ứng dụng trong lĩnh vực giao thông thông minh. Các nước ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương hướng nhiều hơn đến việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong các lĩnh vực chính quyền điện tử, y tế, giao thông, giáo dục, quản lý đô thị...

Ở nước ta, việc tiếp cận và thực hiện đô thị thông minh chủ yếu lấy “Chính quyền điện tử” làm nền tảng và phát triển thông minh hơn một số các tiêu chí phù hợp với nhu cầu, điều kiện và nguồn lực có thể có của từng thành phố và từng giai đoạn, cụ thể như:

Năm 2012, Đà Nẵng là đô thị đầu tiên của nước ta được tập đoàn công nghệ IBM chọn là 1 trong 33 thành phố trên thế giới triển khai đô thị thông minh. Đà Nẵng khi đó được nhận tài trợ từ chương trình đô thị thông minh hơn với tổng giá trị tài trợ hơn 50 triệu USD, sử dụng giải pháp điều hành trung tâm thông minh để đảm bảo chất lượng nguồn nước phục vụ người dân, cung cấp giao thông công cộng tốt nhất và giảm thiểu ách tắc giao thông, song song với đó là hoàn thiện mô hình Chính quyền điện tử.

Năm 2014, UBND thành phố Đà Nẵng đã phê duyệt “Đề án xây dựng đô thị thông minh hơn”. Trên cơ sở đó, từ năm 2014 đến nay thành phố Đà Nẵng đã phối hợp với các doanh nghiệp CNTT (Viettel, VNPT, FPT,...) triển khai thí điểm các ứng dụng thông minh trong một số lĩnh vực chuyên ngành.

Năm 2015, Hà Nội đã làm đề án xây dựng đô thị thông minh hơn với trọng tâm là chính quyền điện tử, hiệu quả trong quản lý điều hành, phát triển giáo dục, y tế, văn hoá, giao thông... hướng đến hình thành và phát triển kinh tế

tri thức đưa thủ đô tham gia vào các diễn đàn đô thị thông minh trên thế giới.

Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã có những bước triển khai cụ thể về những khía cạnh khác nhau của đô thị thông minh như thử nghiệm sử dụng thẻ thay vì bán vé xe bus truyền thống,...

Cuối tháng 11/2017, UBND TP.HCM đã chính thức công bố đề án “Xây dựng TP.HCM trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2017 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025” với mục tiêu đưa TP.HCM trở thành một đô thị thông minh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển các lĩnh vực công nghệ cao, và quản trị đô thị hiệu quả trên cơ sở áp dụng các công nghệ mới.

Ngoài ra, một số thành phố cũng đã triển khai wifi miễn phí ở một số điểm du lịch, những tuyến phố chính và khu tập trung đông dân cư, những đề xuất về việc sử dụng điện thoại di động để truyền tải thông tin tình trạng giao thông hay ý tưởng số hoá những sinh hoạt trong đời sống hàng ngày....

Có thể nói xây dựng đô thị thông minh đã là một xu hướng tất yếu và việc phát triển một đô thị thông minh cần có sự tham gia đầy đủ các thành phần như Chính phủ, chính quyền địa phương, doanh nghiệp và cộng đồng; các hoạt động kết nối thành phố đa chiều và đa cấp, linh hoạt đòi hỏi phải có cơ chế liên kết phối hợp từ quản trị, đầu tư đến vận hành và thụ hưởng.

Cùng với cả nước, Gia Lai cũng không nằm ngoài xu thế chung, định hướng xây dựng các đô thị thông minh cũng là một xu thế tất yếu. Nhất là đối với thành phố Pleiku là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh thì việc xây dựng thành phố Pleiku trở thành đô thị thông minh là thật sự cần thiết. Việc định hướng và thiết lập những bước đi cụ thể cho lộ trình trở thành đô thị thông minh là cần thiết và có ý nghĩa hết sức quan trọng với sự nghiệp xây dựng, phát triển bền vững, lâu dài của thành phố Pleiku nói riêng, tỉnh Gia Lai nói chung. Tuy nhiên, trong khuôn khổ đề án này chúng ta xây dựng đô thị thông minh trên quan điểm ứng dụng CNTT làm công cụ, phương tiện và đổi mới phương pháp trên nền tảng CNTT để làm cho chính quyền phục vụ người dân tốt hơn, môi trường sống và hoạt động sản xuất kinh doanh trở nên hoàn thiện hơn. Hay nói cách khác chúng ta xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh với nền tảng là chính quyền điện tử và chú trọng các tiêu chí về y tế, giáo dục, giao thông, tài nguyên môi trường, xây dựng...nhằm mục tiêu phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

Đô thị thông minh (ĐTTM) hay thành phố thông minh (TPTM): Là đô thị hoặc khu vực cư dân ứng dụng công nghệ thông tin và viễn thông phù hợp, tin cậy, có tính đổi mới sáng tạo và các phương thức khác nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác phân tích, dự báo, cung cấp các dịch vụ, quản lý các nguồn lực của đô thị có sự tham gia của người dân; nâng cao chất lượng cuộc sống và làm việc của cộng đồng; thúc đẩy đổi mới, sáng tạo phát triển kinh tế; đồng thời bảo vệ môi trường trên cơ sở tăng cường liên thông, chia sẻ dữ liệu, an toàn, an ninh thông tin giữa các hệ thống và dịch vụ.

Các ứng dụng thông minh: là việc triển khai ứng dụng CNTT trên từng lĩnh vực cụ thể, thực hiện theo một khung kiến trúc ĐTTM dựa trên công nghệ Internet vạn vật (IoT), có cơ sở dữ liệu lớn (BIG DATA), dữ liệu mở (OPEN DATA) và sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để cung cấp các dịch vụ thông minh và hỗ trợ lãnh đạo ra quyết định trên cơ sở thông tin thu thập được.

I. SỰ CẦN THIẾT

1. Cơ sở pháp lý:

1.1. Chủ trương, chính sách của Trung ương:

- Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Hội nghị Trung ương 4 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII đã chỉ rõ: “Sớm triển khai xây dựng một số khu hành chính - kinh tế đặc biệt; ưu tiên phát triển một số đô thị thông minh”;

- Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2012 của Bộ Chính trị về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

- Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Bộ Chính trị về thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế và Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW.

- Nghị quyết số 05/NQ-TW ngày 01 ngày 11 tháng 2016 Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương khóa XII về Một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

- Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020.

- Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại;

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam;

- Quyết định số 1017/QĐ-TTg ngày 14/8/2018 về việc phê duyệt Đề án giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ Chính phủ điện tử đến năm 2020, định hướng đến 2025;

- Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01 tháng 08 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 829/QĐ-BTTTT ngày 31/5/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Ban hành Khung tham chiếu ICT phát triển đô thị thông

minh (phiên bản 1.0);

- Công văn số 58/BTTTT-KHCN ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn các nguyên tắc định hướng về Công nghệ thông tin và Truyền thông trong xây dựng đô thị thông minh ở Việt Nam;

- Công văn số 3098/BTTTT-KHCN ngày 13/9/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam giai đoạn đến năm 2025 (Phiên bản 1.0);

- Công văn số 1468/BTTTT-THH ngày 13/5/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về góp ý Đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh”;

- Công văn số 25/BXD-PTĐT ngày 16/5/2019 của Bộ Xây dựng về góp ý Đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh”;

1.2. Chủ trương, chính sách của tỉnh:

- Thông báo số 1875-TB/TU ngày 10/01/2020 của Tỉnh ủy Gia Lai về thông báo Kết luận Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh”;

- Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai “Về chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ Năm, HĐND tỉnh khóa XI” đối với nội dung: Xây dựng Đô thị thông minh;

- Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 “Về việc ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018”;

- Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 21/01/2019 của UBND tỉnh Gia Lai về ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP “về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019”;

- Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của UBND Gia Lai về việc ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020.

- Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Gia Lai về phê duyệt Khung kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai.

- Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 22/01/2018 của UBND tỉnh Gia Lai về phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Pleiku đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Kế hoạch hành động số 648/KH-UBND ngày 29/3/2019 của UBND tỉnh Gia Lai về thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025.

2. Cơ sở thực tiễn:

2.1. Xu hướng phát triển đô thị thông minh trên thế giới:

Hiện nay trên thế giới khoảng 50% dân số tập trung sống và làm việc ở các thành phố. Theo dự báo đến năm 2030 sẽ có khoảng 60% và đến năm 2050 sẽ có khoảng trên 70% dân số sẽ tập trung ở các thành phố. Thế giới còn khoảng 60% thành phố sẽ phải xây dựng để đáp ứng xu hướng dân số chuyển

dịch về thành phố. Các thành phố trong lịch sử là trung tâm kinh tế, văn hóa và xã hội của mỗi quốc gia. Và các thành phố là đi đầu trong hoạt động sáng tạo. Thành phố là nơi có mật độ dân cư, lực lượng lao động, lực lượng sản xuất cao nhất.

Bên cạnh các khía cạnh tích cực, các thành phố đang tạo ra khoảng 70% lượng khí nhà kính và 60-80% tiêu thụ năng lượng toàn cầu. Quá trình đô thị hóa gia tăng tạo ra nhiều sức ép về ô nhiễm môi trường, thiếu hụt nguồn lực như nước sạch, đất đai, không gian, giao thông, năng lượng... Đó là những vấn đề mà các đô thị phải giải quyết.

Công nghệ thông tin và truyền thông đã có những bước phát triển vượt bậc về năng lực thu thập dữ liệu, lưu trữ, truyền dẫn, tính toán... với chi phí giảm nhanh, đặc biệt là xu hướng phổ biến của thiết bị di động cá nhân thông minh (smartphone, wearables), điện toán đám mây, Internet vạn vật, xử lý dữ liệu lớn và các mạng xã hội. CNTT càng ngày càng đóng một vai trò quan trọng như là một giải pháp giải quyết các áp lực ngày càng lớn trong quản lý và cung cấp dịch vụ cho thành phố, giảm thiểu tác động xấu của các ngành công nghiệp lên môi trường sống qua các giải pháp giao thông thông minh, quản lý tiêu thụ nước, năng lượng và chất thải thông minh... Khái niệm đô thị thông minh hoặc thành phố thông minh đã ra đời và phát triển.

Có thể thấy, việc phát triển một thành phố trở thành đô thị thông minh (ĐTTM) đã và đang trở thành xu thế phát triển mạnh mẽ của thời đại. Đô thị thông minh là một cuộc cách mạng về quản lý điều hành thông minh theo hình thức, phương thức mới thông minh và hiệu quả hơn.

Đã có nhiều thành phố trên thế giới đã và đang xây dựng ĐTTM. Đây là xu hướng tất yếu của quá trình phát triển của xã hội loài người. Phần sau trình bày một số kinh nghiệm xây dựng ĐTTM và bài học rút ra cho việc xây dựng ĐTTM.

Trên thế giới chưa có các tiêu chuẩn chính thức về đô thị thông minh, tuy nhiên, một số tiêu chí chính sau đây được các tổ chức, các nước lựa chọn để đánh giá và làm tiêu chí xây dựng đô thị thông minh (6 tiêu chí chủ yếu) là:

- Nền kinh tế thông minh;
- Di chuyển thông minh;
- Môi trường thông minh;
- Quản lý điều hành thông minh;
- Công dân thông minh;
- Cuộc sống thông minh.

Để thực hiện được 06 tiêu chí này thì hoạt động quản lý nhà nước của bộ máy chính quyền (hay "Chính quyền điện tử", "Chính quyền thông minh", "Chính quyền số") đóng vai trò quan trọng.

Hiện nay trên thế giới có một số tổ chức tiến hành đánh giá và chứng nhận cho một ĐTTM hay một cộng đồng thông minh, như: Nhóm đô thị thông minh (BSI smartcities group); Diễn đàn cộng đồng thông minh (ICF-Intelligent Community Forum); Đối tác sáng tạo Châu Âu về thành phố và cộng đồng Châu Âu (European Innovation Partnership on Smart cities and communities), trong đó có quy mô và uy tín nhất là tổ chức công nhận đô thị thông minh ICF - Diễn đàn cộng đồng thông minh, được thành lập vào năm 1999 để trao giải

thường và chứng nhận một cộng đồng thông minh, tòa nhà thông minh, công nghệ cộng đồng thông minh và tầm nhìn đô thị thông minh trong 1 năm.

Các đô thị thông minh được nhóm trong 04 khu vực bao gồm Bắc Mỹ, Châu Âu, Châu Á-Thái Bình Dương và Mỹ Latinh; trong đó Châu Âu có nhiều đô thị thông minh nhất trên thế giới.

Các nước Châu Âu hướng tới việc môi trường xanh, tiết kiệm năng lượng, đặc biệt là các ứng dụng trong lĩnh vực giao thông thông minh,...

Khu vực Châu Á-Thái Bình Dương hướng nhiều hơn đến việc ứng dụng CNTT trong các lĩnh vực để triển khai dịch vụ thông minh trong chính quyền, y tế, giao thông, giáo dục, quản lý đô thị...

Qua nghiên cứu một số mô hình: San Francisco, Rio de Janeiro, Amsterdam, Copenhagen, Seoul, Tokyo, Hồng Kông, Thượng Hải, Singapore, Đài Bắc.. cho thấy các thành phố trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương đang trên con đường để trở thành đô thị thông minh.

2.2. Xu hướng xây dựng đô thị thông minh ở Việt Nam:

Tính đến tháng 2/2019, nước ta có 819 đô thị, tỷ lệ đô thị hóa ước đạt 38,4%. Mặc dù tổng diện tích đất tự nhiên của các đô thị hiện chiếm hơn 10% diện tích cả nước, nhưng những đóng góp của khu vực này lại rất lớn, hơn 70% tổng thu ngân sách toàn quốc, trong đó, 5 thành phố trực thuộc Trung ương chiếm 50% GDP cả nước.

Theo báo cáo số liệu năm 2018 của Tổng cục Thống kê, Niên giám Thống kê đối với 5 thành phố trực thuộc Trung ương, tỉnh Bình Dương và tỉnh Đồng Nai (7 tỉnh, thành phố) tuy chỉ chiếm 5,5% diện tích cả nước và 26,7% dân số nhưng đóng góp hơn 56,6% GDP cả nước; so sánh với 56 tỉnh, thành phố còn lại thì: năng suất lao động bình quân gấp 3,3 lần, cường độ hoạt động kinh tế (GDP/diện tích) gấp 19 lần, cường độ thu ngân sách (thu ngân sách/diện tích) gấp 42,7 lần. Mặc dù số lượng đô thị tăng nhanh, nhưng đa số đều đối mặt với thách thức về chất lượng đô thị chưa bảo đảm, hạ tầng kỹ thuật chưa theo kịp đà phát triển của đô thị, xuống cấp nhanh dẫn đến những hậu quả về kẹt xe, thiếu nước sinh hoạt, ngập úng nước thải, nước mưa, rác thải ô nhiễm môi trường...Thiếu các nguồn lực và cơ chế, chính sách, giải pháp ứng phó với các tác động tiêu cực của xu thế đô thị hóa. Xu hướng xây dựng thành phố/ đô thị thông minh sẽ là xu hướng tất yếu.

Trong thời gian qua, ứng dụng CNTT ở các cơ quan nhà nước chủ yếu tập trung xây dựng Chính quyền điện tử các cấp. Ứng dụng ở các lĩnh vực khác thì chủ yếu mạng tính tự phát, cục bộ và chưa có giải pháp đồng bộ để tác động đến chất lượng, hiệu quả công tác quản lý đô thị.

Nhận thức được xu thế tất yếu này, Đảng và Nhà nước đã có những chủ trương định hướng cho phát triển ĐTTM. Nghị quyết số 05/NQ-TW ngày 01/11/2016 Hội nghị Trung ương 4 khóa XII về “Một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế” đã đề cập đến một nội dung “ưu tiên phát triển một số đô thị thông minh” (mục 2.2). Mới đây, ngày 27/9/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW "Về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư", trong đó có nhiều nội dung liên quan đến xây dựng, phát triển đô thị

thông minh. Trong quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước đã đưa ra các mục tiêu và nhiệm vụ: “triển khai đô thị thông minh ít nhất tại 3 địa điểm theo các tiêu chí do Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn”.

Ở góc độ các địa phương, thành phố Hồ Chí Minh là một trong những thành phố lớn nhất cả nước đã có Quyết định số 4693/QĐ-UBND ngày 8/9/2016 về thành lập Ban Điều hành thực hiện Đề án “Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh”. Đề án này tập trung 3 nội dung lớn, đó là: xây dựng chính quyền điện tử nhằm nâng cao công tác quản lý nhà nước, tăng tính công khai, minh bạch của chính quyền, giảm phiền hà cho người dân và doanh nghiệp; xây dựng trung tâm dữ liệu mở dùng chung cho xã hội và cung cấp các dịch vụ tiện ích cho người dân trong các lĩnh vực, như: quy hoạch thông minh, giáo dục thông minh, y tế thông minh, giao thông thông minh.

Đến tháng 01/2019, thành phố Hồ Chí Minh đã đạt được một số kết quả nhất định như xây dựng các kế hoạch triển khai các nhiệm vụ trọng tâm Kho dữ liệu dùng chung, Trung tâm điều hành đô thị thông minh, Trung tâm mô phỏng và dự báo kinh tế - xã hội, Trung tâm An toàn thông tin, Kiến trúc chính quyền điện tử thành phố, tổ chức Hội nghị kêu gọi đầu tư triển khai Đề án,...

Ngày 25/3/2014, Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng đã ký Quyết định 1797/QĐ-UBND phê duyệt Đề án Xây dựng đô thị thông minh hơn tại Đà Nẵng giai đoạn 2014 – 2020. Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng đã ra Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng đô thị thông minh hơn tại Đà Nẵng. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ tham mưu cho UBND thành phố ban hành Đề án xây dựng đô thị thông minh hơn tại Đà Nẵng giai đoạn 2016 – 2020 trên cơ sở điều chỉnh, bổ sung nội dung Đề án xây dựng đô thị thông minh hơn tại Đà Nẵng được phê duyệt tại Quyết định nêu trên. Thành phố Đà Nẵng đã lựa chọn 05 vấn đề để thực hiện đô thị thông minh hơn cho lộ trình 5 năm, đây là các vấn đề được xem là có nhu cầu lớn nhất và có tính khả thi cao. Cụ thể:

- Kết nối thành phố: xây dựng hạ tầng mạng kết nối trên toàn thành phố để phục vụ nhu cầu kết nối, chia sẻ thông tin của chính quyền, doanh nghiệp, người dân, du khách và truyền dẫn cho các ứng dụng đô thị thông minh hơn.

- Hệ thống giao thông thông minh: ứng dụng CNTT-TT vào công tác quản lý giao thông đô thị của thành phố một cách chủ động và hiệu quả hơn.

- Hệ thống cấp nước thông minh: ứng dụng CNTT-TT để nâng cao chất lượng xử lý và phân phối nước sạch cho người dân thành phố.

- Hệ thống thoát nước thông minh: ứng dụng CNTT-TT nhằm hỗ trợ theo dõi thường xuyên chất lượng môi trường nước, chất lượng xử lý nước thải và hoạt động của các hệ thống thoát nước nhằm ngăn ngừa ảnh hưởng xấu đến đời sống sinh hoạt của người dân.

- Kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm thông minh: tăng cường ứng dụng CNTT-TT trong kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm, cho phép các cơ quan chia sẻ dữ liệu vệ sinh an toàn thực phẩm, tự động hóa công tác báo cáo lên các cơ quan quản lý cấp trên, hướng đến việc chia sẻ thông tin cho người dân, khuyến khích sự phản hồi và tham gia giám sát của người dân.

- Sau hơn 1 năm, Đà Nẵng đã triển khai và đạt được một số kết quả sau:

thành phố đã triển khai hạ tầng cáp quang băng rộng phủ rộng toàn thành phố, đây là một tiền đề quan trọng để Đà Nẵng triển khai các thành phố tiếp theo, ngay sau đó Đà Nẵng đã triển khai cung cấp hệ thống truy nhập Wifi công cộng phục vụ nhu cầu kết nối, chia sẻ thông tin của chính quyền, doanh nghiệp, người dân, du khách. Đồng thời Đà Nẵng cũng bắt đầu triển khai hệ thống camera giao thông để xây dựng giao thông minh.

Tuy nhiên, có một số vấn đề Đà Nẵng cần phải tiếp tục triển khai và có những bổ sung, điều chỉnh phù hợp với nhu cầu của người dân, cũng như định hướng kiến trúc phát triển đô thị thông minh trong dài hạn, đó là: Chưa có sự nghiên cứu kiến trúc đô thị thông minh, vì vậy nhiều yếu tố cơ bản làm nền tảng cho sự phát triển đô thị thông minh trong dài hạn chưa được xác định như: hạ tầng tích hợp, Trung tâm điều hành đô thị thông minh các cấp độ, ứng dụng IoT, dữ liệu lớn... Thực tế còn nhiều ứng dụng thông minh có nhu cầu lớn và tính khả thi cao, như trong các lĩnh vực: giáo dục, y tế, tài nguyên môi trường, xây dựng, đảm bảo an toàn xã hội.

Một số tỉnh, thành phố khác trong đó có Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Thanh Hóa, Thừa Thiên – Huế, Lâm Đồng, Bình Dương, Cần Thơ, Kiên Giang... cũng đã có những hoạt động để xây dựng ĐTTM.

Có thể nói xây dựng đô thị thông minh đã là một xu hướng tất yếu và việc phát triển một đô thị thông minh cần có sự tham gia đầy đủ các thành phần như Chính phủ, chính quyền địa phương, doanh nghiệp và cộng đồng, trong đó triển khai chính quyền điện tử là có thể được xem là yếu tố quan trọng để xây dựng thành công mô hình ĐTTM. Bên cạnh đó cần có các hoạt động kết nối thành phố đa chiều và đa cấp, linh hoạt đòi hỏi phải có cơ chế liên kết phối hợp từ quản trị, đầu tư đến vận hành và thụ hưởng.

2.3. Sự cần thiết xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh:

“Đô thị thông minh” là nơi mà CNTT và các giải pháp đồng bộ được ứng dụng vào mọi hoạt động của thành phố đem lại hiệu quả trong quản lý nhà nước, phát triển kinh tế, thương mại, văn hóa, giáo dục, y tế, giao thông, cộng đồng xã hội, chính quyền điện tử... được ứng dụng CNTT trong mọi hoạt động của mình nhằm phục vụ nhân dân tốt hơn, hiệu quả hơn. Bên cạnh chính quyền điện tử, các thành phần khác của đô thị thông minh là trường học thông minh, bệnh viện thông minh, giao thông hiện đại và cộng đồng thông minh...

Sự phát triển của đô thị thông minh chính là hướng tới sự thay đổi về chất cho quá trình phát triển đô thị mới, một mặt áp dụng khoa học kỹ thuật hiện đại, tri thức để thay đổi cách thức quản lý đô thị, một mặt đem đến hiệu quả và môi trường sống ổn định, lành mạnh và tiện ích hơn cho người dân.

Sự phát triển ĐTTM trong điều kiện thế giới đang diễn ra cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, làm thay đổi cơ bản phương thức tạo ra của cải vật chất và vì thế cũng sẽ thay đổi cả tương lai của nhân loại. Việc xây dựng ĐTTM là một giải pháp tiếp cận đến cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư thông qua quá trình số hóa, quản trị thông minh, xây dựng hạ tầng kết nối số và an ninh mạng, tạo nguồn nhân lực số, xây dựng công nghiệp công nghệ số, nông nghiệp thông minh, du lịch thông minh; xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; xây dựng đô thị thông minh.

Quan điểm, chủ trương, định hướng xây dựng đô thị thông minh làm nền tảng cơ bản để định hướng các dự án/nhiệm vụ thành phần (chính quyền điện tử, trường học thông minh, bệnh viện thông minh, giao thông đô thị hiện đại, đồng bộ...) đã được ban hành tại Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/08/2018 của Thủ tướng Chính phủ; định hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong đô thị thông minh cũng đã được Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành tại Công văn 58/BTTTT-KHCN ngày 11/01/2018; Bộ Thông tin và Truyền thông cũng đã công bố Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam giai đoạn 2025 (phiên bản 1.0) để các đô thị nghiên cứu, xây dựng ĐTTM, giúp các đô thị xác định được điểm xuất phát ban đầu, đích đến của ĐTTM, trên cơ sở đó xác định các điều kiện cần thiết cho quá trình xây dựng ĐTTM. Đây được xem là các cơ sở, khung kiến trúc về mặt công nghệ thông tin và viễn thông để xây dựng, theo dõi, kiểm soát việc xây dựng ĐTTM.

Trong những năm qua, quá trình đô thị hóa của thành phố Pleiku cũng diễn ra mạnh mẽ, có tác động tích cực đến mọi mặt đời sống, kinh tế, văn hóa-xã hội của thành phố. Tuy nhiên thành phố cũng phải đối mặt với nhiều vấn đề như: quản lý đô thị, quy hoạch, giao thông, môi trường, quản lý trật tự an toàn xã hội, chăm sóc sức khỏe nhân dân,... Đây là những thách thức mà thành phố phải đối mặt hiện nay cũng như trong tương lai. Từ những kinh nghiệm giải quyết vấn đề của của nhiều đô thị trên thế giới cũng như trong nước; ứng dụng công nghệ thông tin, hướng tới xây dựng đô thị thông minh được xem là một giải pháp hàng đầu để góp phần giải quyết các thách thức này. Trong đó đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử là khâu đột phá để xây dựng thành phố Pleiku theo định hướng đô thị thông minh.

Thời gian qua ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh Gia Lai nói chung, thành phố Pleiku nói riêng đã có những bước phát triển mạnh mẽ, đã tạo dựng được một nền tảng ban đầu để xây dựng chính quyền điện tử, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn. Với thực trạng kinh tế - xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin hiện tại, thành phố Pleiku đang có nhiều thuận lợi và có điều kiện để có thể xây dựng thành phố theo hướng “đô thị thông minh” trong giai đoạn 2019 - 2025. Việc xây dựng thành phố theo hướng đô thị thông minh sẽ thúc đẩy việc ứng dụng và phát triển CNTT trên mọi phương diện trong một tổng thể thống nhất lấy phát triển “Chính quyền điện tử” là trung tâm. Hiệu quả mang lại sẽ cao hơn nhiều do có sự tích hợp và tương tác từ nhiều thành phần, sự thống nhất các nguồn lực để xây dựng các thành phần đô thị thông minh trong đó có Chính quyền điện tử và tất cả cùng hướng đến một mục đích chung: xây dựng một thành phố văn minh, hiện đại và phát triển bền vững trên nền phát triển CNTT.

Việc xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh sẽ tác động mạnh đến phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh thể hiện trên các khía cạnh sau: Việc đẩy mạnh áp dụng CNTT trong các lĩnh vực sẽ mở rộng thị trường CNTT phát triển góp phần chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế; việc xây dựng thành phố theo hướng ĐTTM tập trung chủ yếu tại thành phố Pleiku sẽ làm cho Pleiku trở thành thành phố an toàn, môi trường quản lý tốt và các dịch vụ du lịch được hoàn thiện; việc xây dựng thành phố theo hướng ĐTTM sẽ cung cấp

đầy đủ thông tin hỗ trợ lãnh đạo ra quyết định nhanh chóng kịp thời, giúp cho công tác chỉ đạo điều hành hiệu quả và tiết kiệm, đặc biệt công tác quản lý đô thị sẽ được thay đổi căn bản sẽ giúp cho nó hiệu quả, không chồng chéo và tiết kiệm từ đó đảm bảo phát triển đô thị bền vững; góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần người dân thành phố...

Về tính ưu việt của đô thị thông minh, sẽ giúp người dân có thể tiếp cận các dịch vụ được tốt hơn, nhanh hơn (như dịch vụ Y tế, Giáo dục...), có cuộc sống dễ dàng và thuận tiện hơn, môi trường sống không ô nhiễm, cơ sở hạ tầng của đô thị được cải thiện để phục vụ người dân tốt hơn, an ninh trật tự đô thị được tăng cường hơn. Chính quyền thành phố Pleiku, các sở, ngành sẽ chuyển từ thụ động xử lý sang chủ động quản trị.

Việc xây dựng, triển khai Đề án "Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh" là hết sức cần thiết, phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước và của tỉnh. Qua nghiên cứu tình hình kinh tế - xã hội và thực trạng ứng dụng CNTT của thành phố Pleiku, và kinh nghiệm của các tỉnh thành trong cả nước, có thể nhận thấy thành phố Pleiku cần lựa chọn hướng tiếp cận ứng dụng CNTT với Chính quyền điện tử làm trọng tâm để đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào một số lĩnh vực liên quan trực tiếp đến người dân như: đô thị, giáo dục, y tế, giao thông, môi trường... nhằm tạo ra những chuyển biến tích cực góp phần đưa thành phố Pleiku trở thành đô thị thông minh.

II. ĐÁNH GIÁ CÁC ĐIỀU KIỆN XÂY DỰNG THÀNH PHỐ PLEIKU THEO HƯỚNG THÔNG MINH.

1. Tổng quan về đô thị thông minh:

1.1. Các quan niệm về đô thị thông minh:

Năm 2016, Liên minh viễn thông thế giới (ITU) định nghĩa: “Đô thị thông minh phát triển bền vững là đô thị đổi mới sáng tạo, sử dụng ICT và các phương tiện khác để cải thiện chất lượng cuộc sống, hiệu quả quản lý vận hành, cung cấp dịch vụ và mức độ cạnh tranh của đô thị, trong khi vẫn đảm bảo đáp ứng những nhu cầu của các thế hệ hiện tại và tương lai về mọi khía cạnh kinh tế, môi trường, văn hóa và xã hội”.

Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc gia BSI của Anh định nghĩa (tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO) và Ủy ban kỹ thuật điện quốc tế (IEC) đã dẫn chiếu định nghĩa này khi đề cập về thuật ngữ đô thị thông minh trong tiêu chuẩn ISO/IEC 30182:2017): “Đô thị thông minh là sự tích hợp hiệu quả các hệ thống vật lý, số và con người để xây dựng một môi trường sống tương lai thịnh vượng, toàn diện và bền vững cho người dân”.

Trong dự luật của Hoa Kỳ “Luật về Đô thị và Cộng đồng thông minh”, khái niệm đô thị thông minh được định nghĩa: “Đô thị thông minh hoặc cộng đồng thông minh là một cộng đồng ở đó được ứng dụng các công nghệ thông tin, truyền thông đổi mới sáng tạo, tiên tiến và đáng tin cậy; các công nghệ năng lượng và các cơ chế liên quan khác để:

- Cải thiện sức khỏe và chất lượng cuộc sống của người dân;
- Tăng hiệu lực và hiệu quả chi phí vận hành và cung cấp các dịch vụ dân sự;
- Thúc đẩy phát triển kinh tế;

- Tạo ra một cộng đồng ở đó người dân cảm thấy tốt hơn về các mặt an toàn, an ninh, bền vững, có sức chống chịu, đáng sống và đáng làm việc”.

Theo Bộ TT&TT, đô thị thông minh là đô thị hoặc khu vực cư dân ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông phù hợp, tin cậy, có tính đổi mới sáng tạo và các phương thức khác nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác phân tích, dự báo, cung cấp các dịch vụ, quản lý các nguồn lực của đô thị có sự tham gia của người dân; nâng cao chất lượng cuộc sống và làm việc của cộng đồng; thúc đẩy đổi mới, sáng tạo phát triển kinh tế; đồng thời bảo vệ môi trường trên cơ sở tăng cường liên thông, chia sẻ dữ liệu, an toàn, an ninh thông tin giữa các hệ thống và dịch vụ.

1.2. Các nguyên tắc, định hướng về CNTT trong đô thị thông minh:

a) Lấy người dân làm trung tâm: Việc xây dựng đô thị thông minh phải dựa trên nhu cầu thực tế của người dân, làm cho tất cả người dân được hưởng thành quả từ xây dựng đô thị thông minh.

- Đảm bảo hầu hết người dân có nhận thức đầy đủ về các lợi ích cụ thể của đô thị thông minh.

- Đảm bảo người dân, doanh nghiệp, hiệp hội và các bên liên quan được khảo sát nhu cầu, lấy ý kiến rộng rãi trong quá trình xây dựng và triển khai các kế hoạch, đề án, dự án đô thị thông minh.

- Đào tạo, hướng dẫn mọi người dân có thể tiếp cận được các dịch vụ đô thị thông minh một cách thuận tiện.

b) Đảm bảo năng lực cơ sở hạ tầng thông tin tạo ra hệ sinh thái số đáp ứng nhu cầu phát triển các ứng dụng, dịch vụ đô thị thông minh. Đây mạnh mẽ dùng chung cơ sở hạ tầng thông tin, khuyến khích dữ liệu mở (open data) bao gồm những dữ liệu có thể hiểu được (được mô tả tường minh), sử dụng và khai thác được bởi tất cả các bên tham gia xây dựng đô thị thông minh. Dữ liệu mở do chính quyền địa phương sở hữu và chia sẻ cho các bên liên quan (nếu cần).

c) Đảm bảo tính trung lập về công nghệ; chú trọng áp dụng các công nghệ ICT phù hợp với đô thị thông minh như Internet Vạn vật (IoT), điện toán đám mây, phân tích dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo... và có khả năng tương thích với nhiều nền tảng; tận dụng, tối ưu cơ sở hạ tầng ICT sẵn có.

d) Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, năng lực ứng cứu, xử lý sự cố mất an toàn thông tin, đặc biệt là hạ tầng thông tin trọng yếu; bảo vệ thông tin riêng tư của người dân.

đ) Các nhiệm vụ, dự án CNTT phải theo các nguyên tắc chính sau:

- Ưu tiên các dự án nền tảng dài hạn có tính tổng thể và phục vụ liên ngành bao gồm Kiến trúc ICT cho đô thị thông minh, đảm bảo an toàn thông tin, hạ tầng băng rộng...; cho phép xây dựng trên nền tảng đó các dự án phát huy được thế mạnh của thành phố Pleiku, các dự án có tính cấp bách theo nhu cầu quản lý và nguyện vọng của người dân;

- Kiến trúc ICT đô thị thông minh của thành phố Pleiku được xây dựng theo những nguyên tắc của Kiến trúc ICT cho đô thị thông minh theo hướng dẫn của Bộ TT&TT;

- Lựa chọn một số nhiệm vụ, dự án thí điểm có khả năng làm điển hình để nhân rộng; tránh triển khai đồng thời nhiều dự án trong khi chưa kịp rút kinh nghiệm các dự án thí điểm hoặc chưa xây dựng các dự án nền tảng tổng thể dài

hạn;

- Ưu tiên các nhiệm vụ, dự án thuê dịch vụ ICT và sử dụng các sản phẩm, giải pháp, dịch vụ ICT trong nước trong việc xây dựng thành phố theo hướng đô thị thông minh.

e) Kiến trúc hoặc các giải pháp ICT đơn lẻ cần được xem xét một cách tổng thể trong các mối quan hệ với hạ tầng vật lý cũng như quy hoạch của địa phương mình để đảm bảo tính đồng bộ, bền vững trong phát triển đô thị.

2. Đặc điểm tự nhiên - xã hội của thành phố Pleiku:

2.1. Vị trí địa lý:

Thành phố Pleiku có tổng diện tích tự nhiên là 26.076,86 ha, là trung tâm chính trị, văn hoá và kinh tế - xã hội của tỉnh Gia Lai, thành phố có địa giới hành chính như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Chư Păh;
- Phía Đông giáp huyện Đak Đoa;
- Phía Nam giáp huyện Chư Prông;
- Phía Tây giáp huyện Ia Grai.

Có tọa độ địa lý như sau:

- Kinh độ Đông từ $107^{\circ}49'30''$ đến $108^{\circ}06'22''$;
- Vĩ độ Bắc từ $13^{\circ}50'00''$ đến $14^{\circ}04'44''$.

2.2. Địa hình, địa mạo:

Thành phố Pleiku nằm ở khoảng trung tâm cao nguyên Pleiku, sản phẩm phun trào của đá Bazan bao phủ hầu hết diện tích tạo nên dạng địa hình cao nguyên lượn sóng, trừ một phần nhỏ diện tích ở phía Bắc và phía Tây Nam còn sót lại đỉnh núi Granít có độ cao trên 1.000m là dung nham của phức hệ vân canh tuổi Trias với dạng địa hình núi trung bình.

Độ cao tương đối của Pleiku vào khoảng 700-800m, như vậy cao hơn hẳn so với độ cao trung bình toàn cao nguyên, Pleiku có hai đỉnh cao hơn 1000m, ở phía Bắc có đỉnh Chư Jô (1042m), phía Nam có đỉnh Hàm Rồng (1028m).

Địa hình thành phố Pleiku có xu hướng thấp dần về hai phía: Tây Bắc và Đông Nam, là nơi bắt nguồn của nhiều suối nhánh thuộc các hệ thống suối lớn lân cận thành phố. Nhìn chung thành phố có ba dạng địa hình chính:

- + Địa hình núi trung bình.
- + Địa hình cao nguyên lượn sóng (trung bình và mạnh).
- + Địa hình vùng thung lũng.

Trong đó dạng địa hình cao nguyên lượn sóng là chủ yếu, mức độ lượn sóng từng khu vực khác nhau.

2.3. Khí hậu:

Thành phố Pleiku mang nét đặc trưng khí hậu nhiệt đới gió mùa, mùa hè mát dịu, mùa đông khô và lạnh, biểu hiện là sự phân hoá và tương phản sâu sắc giữa hai mùa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, tổng số giờ nắng trung bình 2.292 giờ/năm.

Nhiệt độ tương đối điều hoà, mùa nóng không rõ rệt, nhiệt độ trung bình, lượng mưa trung bình, biên độ nhiệt năm so với một số nơi khác thường thấp hơn. Theo quan trắc của trạm khí tượng thuỷ văn Pleiku ở tọa độ, độ cao quan trắc 800m cho thấy.

- Nhiệt độ hàng năm:

- + Nhiệt độ trung bình năm: 22°C .
- + Nhiệt độ tối cao: 36°C (tháng 4).
- + Nhiệt độ tối thấp: 5°C (tháng 01).

+ Nền nhiệt độ hầu như không phân hoá theo mùa, sự thay đổi nhiệt độ qua các tháng chênh lệch rất ít khoảng $0,1^{\circ}\text{C}$ - $3,2^{\circ}\text{C}$, dao động nhiệt độ ngày và đêm khá mạnh từ $6,6^{\circ}\text{C}$ - 14°C .

- Độ ẩm không khí:

+ Độ ẩm trung bình năm 81,6%, tháng có độ ẩm trung bình đạt trị số cao nhất 35% và độ ẩm thấp nhất tuyệt đối có thể xuống đến 12% rơi vào tháng 3, mùa khô từ tháng 1-2-3, độ ẩm thấp nhất trung bình đạt 7% (tháng 3).

+ Tổng số giờ nắng trung bình 2.292 giờ/năm, số ngày không có nắng trung bình 21 ngày. Tháng 2, 3 có giờ nắng lớn nhất. Tổng lượng bốc hơi cả năm 1.163mm. Lượng bốc hơi trung bình ngày 2,6mm, Ánh sáng 5,7 giờ/ngày.

+ Điều kiện nhiệt của vùng hơi hạn chế, tổng tích ôn 8.000°C . Điều kiện ẩm phong phú nhưng phân bố không đều theo các tháng trong năm.

- Mưa:

+ Mùa mưa bắt đầu vào cuối tháng 4 đến đầu tháng 10 chiếm 90% lượng mưa cả năm, tháng có lượng mưa cao nhất là tháng 7.

+ Tổng lượng mưa bình quân năm 2.861mm (Rmax:3.159mm), lượng mưa ngày lớn nhất 189mm (Rmin: 1.570mm). Số ngày mưa bình quân năm 142 ngày, số ngày mưa với cường độ 100mm/s trong năm là 1,4 ngày, lượng mưa biến đổi lớn (chênh lệch năm mưa nhiều mưa ít đến hai lần).

Từ những đặc điểm trên, thấy rằng khí hậu thành phố Pleiku có đặc điểm nổi bật là tính phân mùa rõ rệt, mùa khô kéo dài 6 tháng, ẩm độ giảm, lượng bốc hơi gây khô hạn nghiêm trọng. Hơn nữa hướng gió chủ đạo là Đông Bắc và Tây Nam. Hướng gió thịnh hành thay đổi theo mùa, mùa khô hướng Đông Bắc chiếm ưu thế 70% tần suất, mùa mưa hướng Tây Nam và Tây chiếm ưu thế 40-50% tần suất. Vận tốc gió trung bình 3,6m/s lớn nhất 18m/s, gió mạnh vào mùa khô vì vậy cần phải tính đến để có biện pháp hữu hiệu cho sản xuất.

2.4. Thủy văn:

- Thành phố Pleiku nằm trong lưu vực sông Sê San. Trên địa bàn có 2 nhánh suối chính là suối Ia Puch và suối Ia Ronhing cùng các nhánh suối phụ chạy qua đáng kể là suối IaRonhing có mô đun dòng chảy trung bình 451l/s/km^2 . Nhánh suối Ia Rodung và thượng nguồn là suối IaRomak chảy qua phía Đông và Đông Bắc Thành phố, chiều dài 25km, lưu vực 89km^2 . Nhánh suối Ia Kiêm chảy qua phía Tây và Tây Nam Thành phố Pleiku, chiều dài 20km, lưu vực 60km^2 .

- Thành phố Pleiku có Biển Hồ (Hồ Tơ Nưng) là hồ tự nhiên được thiết kế thông với đập thủy lợi Biển Hồ, nằm cách trung tâm thành phố khoảng 8 km về hướng Bắc, mặt hồ có diện tích 250 ha, phân bố hai xã là xã Biển Hồ và xã Tân Sơn dung lượng nước trung bình 23 triệu m^3 nước, đây là nguồn nước chủ yếu cung cấp nước sinh hoạt cho nhân dân thành phố và tưới tiêu cho cây cà phê tại xã Ia Sao thuộc huyện Ia Grai.

- Hồ thủy lợi Trà Đa nằm về hướng Đông Bắc thành phố, có diện tích khoảng 10 ha, lưu lượng nước khá lớn đảm bảo cung cấp tưới tiêu cho 200 ha lúa nước 2 vụ. Ngoài ra Công ty công trình thủy lợi tỉnh Gia Lai đang quản lý

một số hạng mục công trình thủy lợi tại xã An Phú.

- Về nước ngầm: Theo tài liệu điều tra địa chất thủy văn khả năng chứa nước của phức hệ đất đá Bazan vùng Pleiku khá dồi dào. Lưu lượng các giếng khoan thường đạt 3-5 l/s, chất lượng nước rất tốt.

3. Đánh giá hiện trạng thành phố Pleiku:

3.1. Hiện trạng về kinh tế - xã hội :

Gia Lai là 01 tỉnh miền núi trong 5 tỉnh Tây Nguyên, có vị trí chiến lược quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của cả nước. Thành phố Pleiku là trung tâm hành chính - kinh tế - xã hội của tỉnh Gia Lai; nằm trên trục giao thông giữa quốc lộ 14 và quốc lộ 19 và đường Hồ Chí Minh nối thông suốt cả nước; gần cửa khẩu Lê Thanh tiếp giáp Campuchia, cửa khẩu Bờ Y (tỉnh Kontum) tiếp giáp Lào. Thành phố Pleiku là đô thị lớn thứ 3 tại Tây Nguyên (sau Đà Lạt và Buôn Ma Thuột) hiện đang là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Gia Lai theo Quyết định số 249/QĐ-TTg ngày 25/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Sau khi được công nhận đô thị loại II, thành phố Pleiku đã có những bước phát triển mạnh mẽ về đầu tư xây dựng hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, tình hình an ninh quốc phòng ổn định, kinh tế - xã hội được cải thiện, đời sống của dân cư đô thị đã được nâng lên nhiều mặt. Hiện nay, thành phố Pleiku đang hoàn thiện hồ sơ để đề nghị Chính phủ công nhận là Đô thị loại I.

Thành phố Pleiku có tiềm năng, lợi thế to lớn về đất đai, khoáng sản, tài nguyên và hệ động - thực vật đa dạng, phong phú để phát triển nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa quy mô lớn; thành phố có tiềm năng phát triển các ngành kinh tế thương mại dịch vụ, nông lâm nghiệp và du lịch. Cơ cấu kinh tế năm 2018 của thành phố Pleiku là: Công nghiệp - xây dựng 43,91%; Dịch vụ 51,54%; Nông-Lâm-Ngư nghiệp 4,55%. Các ngành công nghiệp, xây dựng, dịch vụ luôn được xem là trọng điểm phát triển của thành phố Pleiku.

Tính đến ngày 31/12/2018, dân số toàn thành phố Pleiku (bao gồm dân số thường trú và dân số quy đổi) là 504.904 người; với khoảng 10% dân số là dân tộc thiểu số (chủ yếu là dân tộc Jrai và Bahna); có nhiều tập quán, văn hóa phong phú, đa dạng cùng các loại hình sinh hoạt văn hóa dân gian, sinh hoạt cộng đồng phong phú. Thành phố Pleiku là nơi hội tụ những nền văn hóa độc đáo, quy tụ từ nhiều vùng miền của cả nước, có Không gian Văn hóa cộng đồng Tây Nguyên đã được Unesco công nhận là Kiệt tác truyền khẩu phi vật thể của nhân loại. Trên địa bàn thành phố có 07 công trình văn hóa lớn với tổng diện tích hơn 7.000 m² cùng với 23 nhà văn hóa xã, phường đều được quan tâm, đầu tư xây dựng phục vụ đời sống văn hóa của nhân dân. Đặc biệt, thành phố Pleiku có Quảng trường Đại Đoàn kết là địa điểm tổ chức các sự kiện lớn, các lễ hội của tỉnh; cùng nhiều danh lam, thắng cảnh là tiềm năng phát triển du lịch cao.

3.1.1. Thương mại, dịch vụ:

Trong năm 2018, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trên địa bàn thành phố ước đạt 35.185,6 tỷ đồng, đạt 101,94% kế hoạch, tăng 15,84% so với năm 2017.

Toàn thành phố Pleiku có 01 trung tâm thương mại, 18 chợ và 09 siêu thị, trong đó có 02 công trình loại 1 (Trung tâm thương mại Pleiku, siêu thị

CoopMart), 03 chợ loại 2 (chợ Phù Đồng, chợ Hoa Lư, Vinamart), 17 chợ loại 3 nằm trên địa bàn các phường, xã, còn lại là các chợ tạm. Ngoài ra, trên địa bàn Thành phố còn có 28 Hợp tác xã, nhiều doanh nghiệp và hộ cá thể đang hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực dịch vụ, thương mại...

3.1.2. Thông tin liên lạc, bưu chính – viễn thông:

Dịch vụ viễn thông khu vực trung tâm thành phố được các doanh nghiệp tập trung phát triển, cung cấp nhiều loại hình dịch vụ mới, chất lượng cao, người dân có nhiều sự lựa chọn dịch vụ và nhà cung cấp phù hợp với điều kiện của mình.

Toàn thành phố Pleiku có 21 điểm phục vụ bưu chính (có 28 điểm bưu điện văn hóa xã, 01 bưu cục cấp I, 01 bưu cục hệ 1, 05 bưu cục cấp 3 và 01 thùng thư công cộng độc lập, 02 Chi nhánh công ty Bưu chính, 01 công ty TNHH một thành viên, 01 trạm trung chuyển, 01 điểm phát) đã phục vụ rất tốt cho nhu cầu thông tin liên lạc của nhiều tầng lớp nhân dân. Hệ thống thông tin, bưu chính viễn thông trên địa bàn thành phố phát triển nhanh và mạnh, việc sử dụng công nghệ thông tin, internet được áp dụng trong tất cả các cơ quan của thành phố và cơ bản phổ biến tại các trường học, công ty và trong sinh hoạt hàng ngày của cư dân.

Các doanh nghiệp không ngừng đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông bằng rộng để đáp ứng nhu cầu của người dân trên địa bàn thành phố. Đến nay 100% các xã, phường đã có sóng điện thoại 2G, 3G và 4G. Mạng truyền dẫn cáp thông tin được phát triển rộng khắp, trong đó mạng cáp đồng 23/23 xã, chiếm 100% xã, phường; mạng cáp quang là 23/23, chiếm 100% xã, phường. Khu vực nội thành có bình quân số thuê bao Internet và tỷ lệ phủ sóng thông tin di động đạt tỷ lệ lần lượt là: 29,44 thuê bao/1000 dân và 100% cho thấy tình hình phát triển, tiềm năng và nhu cầu tiếp cận thông tin của người dân thành phố Pleiku rất lớn.

3.1.3. Thu ngân sách:

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố năm 2018 đạt 1.073,9 tỷ đồng.

- Tổng thu nhập bình quân đầu người đạt 60,3 triệu đồng/người/năm, bằng 1,55 lần so với cả nước.

Bảng: Các chỉ tiêu kinh tế xã hội trên địa bàn thành phố Pleiku

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	1.276,79	1.538,82	1.073,9
2	Tổng chi ngân sách	Tỷ đồng	987,89	1.097,7	1.058,7
	<i>Trong đó: Chi thường xuyên</i>	Tỷ đồng	542,12	632,22	645,29
3	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng	45,27	52,21	60,3
4	Tăng trưởng kinh tế	%	10,16	10,29	10,19

(Theo số liệu thuộc Đề án đề nghị công nhận thành phố Pleiku là đô thị loại I đã trình Bộ Xây dựng để thẩm định)

3.1.4. Về nhà ở:

Trong thời gian gần đây, với tốc độ phát triển kinh tế khá nhanh, thành phố Pleiku đã mang vóc dáng đô thị hiện đại, sôi động, đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao; nhu cầu xây dựng nhà ở của cư dân, các công trình công cộng, phúc lợi xã hội phát triển mạnh, hình thành nên một đô thị khang trang, hiện đại, năng động.

Các công trình nhà ở được chia làm 03 loại chính: nhà ở kết hợp buôn bán, nhà ở kiểu đô thị và nhà ở nông thôn, trong đó: Nhà ở kết hợp buôn bán phát triển trong các khu trung tâm buôn bán sầm uất, bám dọc trục quốc lộ 14,19, đường chính Thành phố. Nhà ở kiểu đô thị (nhà lô, nhà biệt thự) phân bố trong các khu trung tâm thành phố, trung tâm các xã xen kẽ nhà ở kết hợp buôn bán. Còn lại nhà ở kiểu nông thôn phân bố tương đối tập trung tại 09 xã ngoại thành. Ngoài ra, trên địa bàn thành phố còn có một số chung cư đã đưa vào sử dụng cho thấy tình hình phát triển nhà ở của Thành phố khá sôi động, mang dáng dấp của đô thị hiện đại.

Khu vực trung tâm Thành phố là các công trình nhà ở kết hợp buôn bán và nhà ở đô thị được xây dựng tương đối kiên cố với tầng cao chủ yếu là 2-5 tầng dọc các trục đường chính với nhiều loại hình kiến trúc đẹp, hiện đại mang lại bộ mặt kiến trúc đô thị hiện đại, năng động. Còn lại phần lớn nhà ở tại các xã là kiên cố và bán kiên cố; chủ yếu là nhà cấp 4 khá kiên cố, bán kiên cố và một phần ít là nhà tạm, tầng cao trung bình 2-3 tầng.

Trong thời gian gần đây, thành phố đã triển khai nhiều khu quy hoạch đô thị mới, khu dân cư mới như: Khu quy hoạch đường Nguyễn Chí Thanh, đường Nguyễn Văn Linh, suối Hội Phú, đường Nguyễn Tất Thành, khu dân cư có thu nhập thấp phường Thắng Lợi, khu đô thị đường Lê Duẩn phường Trà Bá... đã đáp ứng nhu cầu nhà ở và tăng hình ảnh đô thị của nhân dân trên địa bàn thành phố Pleiku. Tổng diện tích sàn nhà ở khu vực nội thành là: 12.278.579 m², đạt bình quân 30,53 m² sàn/người. Tổng số hộ có nhà ở kiên cố, khá kiên cố, bán kiên cố khu vực nội thành là 45.193 hộ trên tổng số 45.783 hộ, đạt tỷ lệ nhà ở kiên cố 98,71%.

3.1.5. Giáo dục và Đào tạo:

Công tác giáo dục trên địa bàn thành phố Pleiku luôn được quan tâm chú trọng đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học theo hướng hiện đại hóa. Các dự án đầu tư xây dựng mới; cải tạo, nâng cấp trường học theo hướng đạt chuẩn quốc gia đang tiếp tục được triển khai thực hiện với quy mô lớn; trong năm 2016 tổng mức đầu tư thực hiện trên 130 tỷ đồng. Mạng lưới giáo dục của Thành phố được bố trí với quy mô phù hợp từ cấp học mầm non cho đến cấp học phổ thông.

Tính đến tháng 12/2018, trên địa bàn thành phố có 82 trường trong đó: 20 trường mầm non công lập, 11 trường tư thục và 02 trường thuộc quân đội quản lý; 31 trường tiểu học; 03 trường tiểu học và THCS; 15 trường THCS; 07 trường THPT công lập và 01 trường ngoài công lập; 01 Trung tâm GDTX tỉnh Gia Lai; 06 trường trung cấp, cao đẳng, đại học: Trung cấp Lâm nghiệp Gia Lai, trung cấp Văn hóa nghệ thuật Gia Lai, Cao đẳng sư phạm Gia Lai, Cao

đăng nghề Gia Lai, Đại học Nông lâm phân hiệu Gia Lai, Đại học Đông Á phân hiệu Gia Lai.

Với đặc điểm là đô thị vùng Tây Nguyên, ngành giáo dục của Thành phố đã nỗ lực nâng cao chất lượng thực hiện chương trình và áp dụng Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi; công tác phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi được chú trọng, số trẻ 5 tuổi đến lớp, trẻ học 2 buổi/ngày tăng so với các năm học trước. Công tác phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở cũng được thường xuyên quan tâm triển khai thực hiện có hiệu quả. Thành phố đã được UBND tỉnh Gia Lai công nhận thành phố Pleiku đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi từ năm 2015. Thành phố tiếp tục tích cực đầu tư xây dựng các trường đạt chuẩn quốc gia theo kế hoạch. Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được quan tâm, chỉ đạo, đầu tư có hiệu quả. Chất lượng đội ngũ giáo viên được chuẩn hóa đáp ứng yêu cầu dạy và học.

3.1.6. Y tế:

Trên địa bàn Thành phố có 09 cơ sở khám chữa bệnh nội trú với tổng số 1839 giường gồm: Bệnh viện đa khoa tỉnh, bệnh viện đa khoa thành phố, bệnh viện Đại học y dược thành phố Hồ Chí Minh – Hoàng Anh Gia Lai. Trong đó, bệnh viện Đại học y dược thành phố Hồ Chí Minh – Hoàng Anh Gia Lai có quy mô 500 giường bệnh, được đầu tư trang thiết bị hiện đại, tiên tiến, được đảm trách bởi đội ngũ giáo sư, tiến sĩ, bác sĩ được đào tạo chuyên môn bài bản đủ khả năng thực hiện những kỹ thuật y học tiên tiến trong nước và quốc tế, sẵn sàng đáp ứng cho nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Tất cả các xã, phường đều có trạm y tế với 115 giường bệnh cùng với 184 cơ sở, phòng khám chữa bệnh đã cơ bản đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn và các huyện lân cận.

Với 65% giường bệnh đáp ứng cho người dân khu vực Thành phố bình quân đạt: 2,2 giường/1.000 dân, khu vực nội thành đạt 2,97 giường/1000 dân.

Ngoài ra, mạng lưới y tế tuyến xã trên địa bàn cũng được quan tâm, đầu tư xây dựng một cách đồng bộ trên tất cả các xã, phường thuộc thành phố Pleiku. Triển khai kế hoạch thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về Y tế xã giai đoạn 2011-2020, đến nay có 23/23 xã, phường đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế đạt 100%. Công tác y tế dự phòng, chống dịch được đảm bảo, khoanh vùng không để dịch bùng phát trên diện rộng. Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm được triển khai tích cực, có hiệu quả.

3.1.7. Những vấn đề bức thiết đang gặp phải:

Với tốc độ đô thị hóa và gia tăng dân số cơ học nhanh chóng dẫn đến nhiều vấn đề về quy hoạch, giao thông, an ninh, y tế, giáo dục, năng lượng, phát triển nhà ở, xử lý ô nhiễm môi trường... Nhu cầu xây dựng một thành phố thông minh bảo đảm các yếu tố phát triển bền vững, mang lại tiện ích, an toàn, thân thiện cho người dân và doanh nghiệp đang ngày một trở nên cấp thiết. Những ứng dụng công nghệ mới, chủ chốt của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang được kỳ vọng là giải pháp hữu hiệu giúp đáp ứng nhu cầu này.

Đô thị thông minh có các đặc điểm chính là đô thị hiện đại, có nền kinh tế số, môi trường thông minh, quản trị thông minh, giao thông thông minh, năng lượng thông minh, y tế thông minh, giáo dục thông minh và nhiều yếu tố thông

minh khác, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, tăng năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Xây dựng thành phố trở thành đô thị thông minh nhằm hướng tới cuộc sống tốt đẹp cho người dân, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm để phục vụ.

3.2. Hiện trạng về cơ sở hạ tầng:

3.2.1. Công tác đầu tư, xây dựng cơ bản và chỉnh trang đô thị:

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước thực hiện 6.309,3 tỷ đồng, đạt 100,15% so với kế hoạch và tăng 14,52% so với cùng kỳ. Trong đó, vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước ước thực hiện 571,4 tỷ đồng, đạt 92,24% so với kế hoạch và tăng 84,73% so với cùng kỳ; vốn đầu tư của tổ chức, doanh nghiệp ngoài nhà nước ước thực hiện 3.084,9 tỷ đồng, tăng 9,92% so với cùng kỳ và vốn đầu tư của dân cư ước thực hiện 2.647,3 tỷ đồng, tăng 10,86% so với cùng kỳ.

Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2018 bố trí là 316,505 tỷ đồng cho 39 công trình (Khởi công mới: 34 công trình, chuyển tiếp 05 công trình), đã hoàn thành 22 công trình, 17 đang thi công, ước thực hiện và giải ngân đạt 100% kế hoạch.

Công tác chỉnh trang đô thị: Cấp 1.875 giấy phép xây dựng, tăng 2,83% so với năm 2017 (ước năm 2018 cấp 2.000 giấy phép xây dựng); cấp 960 Giấy chứng nhận biên số nhà tăng 27,4% so với năm 2017; cấp 166 Giấy phép ô tô vào đường cấm giảm 21,68% so với năm 2017. Tổ chức kiểm tra, hậu kiểm 359 trường hợp xây dựng nhà ở, phát hiện 31 trường hợp vi phạm, đã đình chỉ thi công và hướng dẫn nhân dân khắc phục theo quy định.

Đội Kiểm tra quy tắc quản lý đô thị cùng với UBND các xã phường đã tổ chức làm trật tự đô thị trên 300 đợt với trên 3.000 lượt người tham gia, trong đó tập trung giải tỏa các hộ kinh doanh lấn chiếm vỉa hè trên các trục đường chính, khu vực trung tâm thành phố; Đoàn kiểm tra liên ngành xử lý trật tự đô thị của thành phố cùng với UBND các phường đã xử lý và vận động nhân dân tự nguyện tháo dỡ 810/1.175 trường hợp công trình vi phạm, đạt 69%).

Xếp chậu hoa trang trí hoa tại các điểm trụ sở Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Thành ủy, UBND thành phố, Quảng trường Đại đoàn kết, làng Ôp, Lâm viên Biên Hồ; chỉnh trang các điểm công cộng, khu vực quảng trường Đại Đoàn kết, sửa chữa các hạng mục tại làng Ôp và cửa ngõ ra vào thành phố; xây dựng các hạng tại khu vực Lâm viên Biên Hồ, công trình tường rào, vỉa hè khu vực Bảo tàng Hồ Chí Minh chi nhánh Gia Lai – Kon Tum; vỉa hè đường Phan Đình Phùng; chỉ đạo các địa phương đã đồng loạt ra quân xử lý quảng cáo rao vặt với nhiều tổ chức, đoàn thể tham gia đã tháo các biển hiệu, bảng quảng cáo, tờ dán quảng cáo rao vặt trên các trục, tuyến phố chính.

Công tác quản lý quy hoạch và triển khai các đồ án quy hoạch được chú trọng. UBND tỉnh đã phê duyệt điều chỉnh Đồ án Quy hoạch chung thành phố Pleiku đến năm 2030, tầm nhìn 2050; thành phố đang triển khai lập, phê duyệt và quản lý các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết theo kế hoạch.

Thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 11/8/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố (khoá X): Kế hoạch xây dựng năm 2018, thành phố đầu tư 08 tuyến đường, tăng 03 tuyến so với năm 2017 (*Lương Thanh, KpaKlong, Nguyễn Đức Cảnh, Lê Đình Chinh, Bùi Dự, Cách Mạng Tháng Tám, Phạm Ngũ*

Lão và đường Phan Đăng Lưu). Đến nay, đã vận động được 335/411 hộ với diện tích hiến đất, di dời hàng rào, vật kiến trúc 5.900/7.410 m², đạt tỷ lệ đồng thuận 81%, các trường hợp còn lại đang tiếp tục vận động.

3.2.2. Công tác quản lý Tài nguyên - Môi trường:

Thành phố đã cấp 847 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu với diện tích: 102,59 ha (đất ở: 4,48 ha; đất nông nghiệp: 98,11 ha). Tính đến tháng 11/2018, tổng diện tích đất đã cấp giấy chứng nhận 16.281,64 ha/18.201,04 ha, đạt 89,45% (đất ở: 1.457,89 ha; đất nông nghiệp: 14.823,75 ha). Cho phép chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất ở xây dựng nhà ở 2.674 trường hợp với diện tích 23,55 ha; cấp 97 Kế hoạch bảo vệ môi trường và 07 Đề án bảo vệ môi trường đơn giản cho các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn thành phố (giảm 23 Kế hoạch bảo vệ môi trường và giảm 22 Đề án bảo vệ môi trường đơn giản so với cùng kỳ năm 2017).

Nguồn nước: Khu vực nội thành thành phố Pleiku được dùng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung Nhà máy nước Biển Hồ và Nhà máy nước Sài Gòn – Pleiku.

- Hệ thống cấp nước nhà máy nước Biển Hồ: Do ADB tài trợ có công suất thiết kế 20.000m³/ngày đêm, công suất đạt năm 2015 là 20.555m³/ngày đêm. Nhà máy lấy nguồn nước mặt Biển Hồ - diện tích hồ khoảng 250ha, dung tích chứa nước $W_{\max} = 42$ triệu m³, dung tích trung bình $W_{TB} = 23$ triệu m³, độ sâu trung bình 6 – 7m.

+ Trạm bơm cấp I nhà máy nước Biển Hồ được xây dựng cùng với hệ thống bể lắng, bể lọc, bể chứa nước sạch hoạt động tốt. Tuyến ống nước thô từ trạm bơm cấp I về khu xử lý là ống gang, đường kính 400;

+ Mạng lưới cấp nước: Trạm bơm cấp II Biển Hồ cùng với mạng lưới đài điều hòa, đài nước áp lực, trạm bơm tăng áp cấp nước cho khoảng 35% dân số khu vực nội thành thành phố Pleiku. Tổng chiều dài các tuyến truyền tải và phân phối chính khoảng 57,4km, đường kính từ D100÷D500

- Hệ thống cấp nước nhà máy nước Sài Gòn – Pleiku: Hiện nay có khoảng 62,88% dân số khu vực nội thành thành phố Pleiku được cấp nước sạch từ nhà máy nước Sài Gòn – Pleiku với công suất thực tế năm 2016 là 31.445m³/ngày đêm, lấy nguồn nước từ nguồn nước mặt Biển Hồ.

+ Nhà máy nước Sài Gòn – Pleiku được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh trên diện tích khoảng 5000m², với các hạng mục: cụm xử lý với thiết bị trộn – bể tiếp nhận và phân chia lưu lượng – bể phản ứng – bể tuyển nổi kết hợp bể lọc nhanh; Bể tiếp xúc Clo + bể chứa nước sạch 5.000 m³; Nhà hóa chất + Kho xường; Bể thu hồi nước rửa lọc và trạm bơm cấp II + nhà điều hành.

+ Mạng lưới cấp nước: Tổng chiều dài tuyến ống chuyển tải khoảng 19km, đường kính từ D300÷D600.

Ngoài ra, tại một số cụm dân cư thuộc khu vực ngoại thành vẫn sử dụng nước ngầm mạch sâu có chất lượng nước đạt tiêu chuẩn vệ sinh. Trung tâm nước sinh hoạt và môi trường nông thôn đang tiến hành cải tạo và mở rộng mạng lưới cung cấp nhằm phục vụ nhu cầu nước sạch cho tất cả người dân trên địa bàn.

Công tác giữ gìn vệ sinh, môi trường trong thời gian qua được chính quyền các cấp đặc biệt quan tâm, chỉ đạo. Rác thải trên địa bàn chủ yếu là rác

thải sinh hoạt. Rác thải sinh hoạt được công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Gia Lai thu gom, xử lý. Năm 2018, tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh là 42.150 tấn/năm, tổng lượng chất thải rắn thu gom, xử lý là 39.621 tấn/năm; tỷ lệ thu gom xử lý toàn thành phố đạt 94%, tỷ lệ chất thải rắn được xử lý hợp vệ sinh theo phương pháp chôn lấp, tái chế, đốt khu vực nội thành đạt 94%.

Hiện nay, Thành phố có 02 khu xử lý chất thải rắn với tổng diện tích 55ha. Trong đó khu xử lý tại xã Chư H'Drông có diện tích 30ha với công nghệ chôn lấp, đã lấp đầy và đóng cửa. Khu xử lý tại xã Gào cách trung tâm Thành phố 15km về phía Tây có diện tích 25ha sẽ xử lý toàn bộ khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh của thành phố Pleiku, công suất dự kiến đến năm 2030 là khoảng 150 tấn/ngày đêm. Hiện khu xử lý này có 10ha sử dụng công nghệ chôn lấp đã lấp đầy.

Chất thải rắn công nghiệp được Công ty Công trình đô thị Gia Lai thu gom và đưa về khu xử lý của Thành phố.

Chất thải rắn y tế đã được phân loại và xử lý. Chất thải lây nhiễm với khối lượng phát sinh, thu gom là 13.900kg, được xử lý bằng phương pháp đốt tại các cơ sở y tế, bệnh viện. Chất thải thông thường gồm chất thải sinh hoạt, chất thải tái chế được thu gom và đưa về khu xử lý của Thành phố.

Trên địa bàn Thành phố có 02 nghĩa trang tập trung: Nghĩa trang tại phường Iakring có diện tích 24,68ha đã đóng cửa, không chôn mới và nghĩa trang tại xã Trà Đa với quy mô 45,6ha. Tuy nhiên, do phong tục tập quán, vẫn còn tình trạng người dân sử dụng nghĩa trang tự phát.

3.2.3. Hạ tầng về giao thông:

Hiện nay trên địa bàn Thành phố có 02 doanh nghiệp tham gia hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe bus. Hệ thống giao thông công cộng trên địa bàn Thành phố bước đầu đáp ứng được nhu cầu đi lại của người dân, giảm hoạt động của phương tiện cá nhân trong Thành phố và các vùng lân cận vào trung tâm. Tuy nhiên, việc sử dụng chung các bến xe khách làm điểm trung chuyển hành khách cũng gây tình trạng mất trật tự, ảnh hưởng đến an toàn giao thông đô thị, công tác quản lý gặp nhiều khó khăn, chưa đảm bảo sự thuận lợi và tiện nghi nhất cho người dân khi tham gia các loại hình giao thông công cộng.

- Bến xe: Thành phố hiện có 02 bến xe, cơ bản đáp ứng được nhu cầu vận tải hành khách và hàng hóa nội tỉnh và liên tỉnh.

+ Bến xe liên tỉnh Đức Long: Nằm ở đường Lý Nam Đế, được đầu tư xây dựng với quy mô lớn, diện tích 2,4ha. Lượng xe ra vào bình quân 150 – 170 lượt xe ra vào bến/ ngày đêm.

+ Bến xe nội thành (bến xe Lam): Gần Trung tâm thương mại Thành phố, diện tích khoảng 1ha, lượng xe bình quân khoảng 100 – 300 lượt xe ra vào bãi/ ngày đêm.

- Bãi đỗ xe: Có 02 bãi đỗ xe tập trung do Công ty Công trình đô thị quản lý có tổng diện tích 28.488m² (thuộc phường Trà Bá và phường Ia Kring).

Trên địa bàn Thành phố có 34 bãi, điểm đậu đỗ xe rải rác, công suất sức chứa 1.899 xe (Trong đó: 03 bến đậu đỗ xe/công suất sức chứa 1.144 xe; 15 điểm đậu đỗ xe trên vỉa hè/công suất sức chứa 433 xe và 16 điểm đậu đỗ xe dưới lòng đường/công suất sức chứa 322 xe). Ngoài ra, tại các trụ sở, cơ quan,

doanh nghiệp, khách sạn... đều có bố trí khu vực đỗ xe riêng.

Sân bay Pleiku cách trung tâm thành phố 3km về phía Đông Bắc, sân bay Pleiku có đường băng dài 2.400m, rộng 45m, hệ thống trang thiết bị hiện đại, hệ thống đèn tín hiệu hàng không hoạt động 24h/24h, đảm bảo khai thác các loại máy bay A320/321, Boeing 737; có 05 vị trí đỗ máy bay theo phương thức tàu bay tự lăn vào/lăn ra, trong đó có 02 vị trí đậu máy bay A320, A321 và tương đương và 03 vị trí đậu máy bay ATR72 và tương đương.

Sân bay Pleiku hiện đang khai thác các tuyến vận tải là: Hà Nội tần suất 4 chuyến/ngày, TP.Hồ Chí Minh tần suất 8 chuyến/ngày, đã cơ bản đáp ứng nhu cầu vận chuyển hành khách - hàng hóa nối liền Pleiku với các thành phố lớn như Thủ đô Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, ... tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Gia Lai nói riêng và Tây Nguyên nói chung.

3.3. Hiện trạng về nguồn nhân lực trong các cơ quan hành chính nhà nước:

- Để chỉ đạo thực hiện tốt công tác ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn, UBND thành phố Pleiku đã thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử, trong đó đồng chí Chủ tịch UBND thành phố làm trưởng ban, Phó Chủ tịch UBND phụ trách lĩnh vực văn hóa xã hội làm Phó Trưởng ban, Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố kiêm Thư ký Ban chỉ đạo.

- Cán bộ phụ trách CNTT của các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố hầu hết là công chức kiêm nhiệm.

- Trình độ CNTT tại một số xã, phường chưa đảm bảo, chưa có cán bộ chuyên trách CNTT. Để đáp ứng trình độ CNTT phục vụ vào quản lý hành chính nhà nước tại địa phương, cần phải thường xuyên tổ chức các tập huấn về CNTT cho đội ngũ cán bộ phụ trách tại xã phường.

- Nguồn nhân lực công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động quản lý nhà nước tại địa phương còn thiếu; đa số cán bộ phụ trách CNTT tại các cơ quan, đơn vị và xã phường trên địa bàn thành phố là cán bộ kiêm nhiệm, nên việc triển khai các kế hoạch phát triển CNTT còn chậm.

3.4. Hiện trạng về CNTT:

3.4.1. Ứng dụng CNTT phục vụ hoạt động nội bộ cơ quan nhà nước:

- Hạ tầng kỹ thuật: Thành phố Pleiku hiện có trên 32.100 máy vi tính (gồm của người dân và các cơ quan nhà nước thuộc thành phố), trong đó máy tính trong các cơ quan nhà nước 590 chiếc (72 máy tính xách tay, 518 máy tính để bàn), 302 máy in, 35 máy scanner, 8 máy chiếu; 4 máy chủ. Tất cả các máy tính trên đều đã được kết nối internet bằng thông rộng được nối mạng cục bộ (LAN) và Thành ủy Pleiku có kết vào mạng diện rộng (WAN) của tỉnh Gia Lai. Hạ tầng công nghệ thông tin trên địa bàn thành phố Pleiku hiện nay cơ bản đáp ứng cho công tác triển khai ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Tỷ lệ máy tính đạt 1 máy/CBCC.

- Các ứng dụng nội bộ: Tình hình ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố Pleiku đã đạt được những kết quả rất cơ bản, tạo bước chuyển biến tích cực từ nhận thức đến hành động, nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tạo môi trường làm việc khoa học, hiệu quả đã góp phần đáng kể trong việc thực hiện cải cách hành chính, từng bước hiện đại hóa nền hành chính. Các cơ quan, đơn vị

thuộc thành phố Pleiku đã thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách thủ tục hành chính, tất cả các cơ quan, đơn vị đều sử dụng có hiệu quả phần mềm Quản lý văn bản và điều hành, một cửa điện tử, chữ ký số, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, phần mềm kế toán, phần mềm quản lý tài sản công, phần mềm quản lý tiền lương...

3.4.2. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp:

- Công thông tin điện tử: UBND thành phố đã đầu tư nâng cấp Trang thông tin điện tử thành phố và xây dựng Trang thông tin điện tử thành phần cho 23 xã, phường. Hiện nay đang hoạt động có hiệu quả, sinh động, đảm bảo việc chuyển tải thông tin 02 chiều liên quan về các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội trên địa bàn thành phố đến các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác. Đồng thời, đã đăng tải tất cả các thủ tục hành chính của thành phố và của các xã, phường lên trang thông tin điện tử phục vụ cho nhu cầu tìm kiếm thông tin, tra cứu hồ sơ của người dân...

- Dịch vụ công trực tuyến: UBND thành phố Pleiku đã công bố trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của tỉnh tại địa chỉ <http://dichvucong.gialai.gov.vn> được 52 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi, cũng như việc giảm thời gian, công sức của người dân và doanh nghiệp đến trực tiếp cơ quan nhà nước thực hiện các thủ tục hành chính.

- Ứng dụng CNTT tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của thành phố và cấp xã:

+ Hệ thống Một cửa của thành phố: Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, hiện tại việc tiếp nhận, trả kết quả hồ sơ TTHC của UBND thành phố đã được chuyển giao sang Bưu điện tỉnh để góp phần nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp; hoạt động chuyển giao được thực hiện chính thức từ 01/8/2019; với trang thiết bị điện tử và công nghệ thông tin chuyên dùng đảm bảo đúng quy định theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ, đảm bảo thời gian xử lý công việc theo quy định, tăng tính công khai, minh bạch trong giải quyết các nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Qua hơn ba năm hoạt động tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn của bộ phận giải quyết thủ tục hành chính tại Một cửa điện tử từng bước được nâng lên.

+ Hệ thống Một cửa liên thông tại các xã, phường: Hiện nay tại 23/23 xã, phường trên địa bàn thành phố Pleiku đã đưa hệ thống một cửa liên thông vào hoạt động, đã góp phần giải quyết các thủ tục hành chính được nhanh chóng và minh bạch, góp phần triển khai thành công chính quyền điện tử trên địa bàn thành phố Pleiku. Trang thiết bị tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

3.4.3. Hiện trạng ứng dụng CNTT trong giáo dục:

Ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố thời gian qua đã tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành, tất cả các trường học thuộc thành phố quản lý đều được kết nối internet do Viettel Gia Lai (thuộc Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội) cung cấp. Các thông tin trao đổi, giấy mời, thông báo... giữa Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo và các trường học được thực hiện bằng hộp thư điện tử. Một số phần mềm đã triển khai được cán bộ giáo viên thực hiện tốt, góp phần tin học hóa nền giáo

dục của thành phố, một số phần mềm đã được triển khai và sử dụng có hiệu quả như: sổ điểm điện tử, phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ giáo viên, giáo án điện tử, phần mềm phổ cập giáo dục...

3.4.4. Hiện trạng ứng dụng CNTT trong y tế:

- Triển khai phần mềm quản lý khám chữa bệnh có bảo hiểm y tế tại 23/23 xã, phường thuộc thành phố.

- Trung tâm y tế dự phòng đã xây dựng và đưa vào hoạt động phần mềm quản lý bệnh truyền nhiễm.

3.4.5. Hiện trạng ứng dụng CNTT trong du lịch và dịch vụ:

Thành phố Pleiku là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa – xã hội của tỉnh Gia Lai. Pleiku có tiềm năng du lịch sinh thái phong phú đầy hấp dẫn với những cảnh quan thiên nhiên quyến rũ, hùng vĩ. Đây còn là cái nôi của nhiều nền văn hoá lâu đời của các đồng bào dân tộc thiểu số như Bahnar và Jarai thể hiện qua văn hoá nhà rông, nhà mồ, tượng nhà mồ và các lễ hội truyền thống được bảo tồn cho đến ngày nay. Đặc biệt với Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên – Kiệt tác truyền khẩu phi vật thể của nhân loại đã được UNESCO công nhận càng khẳng định hơn nữa giá trị độc đáo của bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố Pleiku.

Bằng nguồn lực của Nhà nước và các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, những năm qua các điểm du lịch, điểm vui chơi giải trí của thành phố đã được đầu tư nâng cấp, sửa chữa, chỉnh trang các hạng mục đáp ứng được nhu cầu tham quan, giải trí của người dân địa phương và thu hút được du khách trong và ngoài nước như: Làng văn hóa du lịch Plei - Ôp, Công viên Diên Hồng, Công viên Đồng Xanh, Khu di tích văn hóa danh thắng Biển Hồ, Nhà Lao Pleiku, Đền tưởng niệm Mộ liệt sỹ Hội Phú, Nhà thiếu nhi tỉnh... Đặc biệt từ khi Công trình Tượng đài Bác Hồ với các dân tộc Tây Nguyên được khánh thành đã thu hút nhiều đoàn khách đến Pleiku tham quan.

Để quảng bá hình ảnh địa phương, thành phố Pleiku đã liên kết trang giới thiệu Du lịch Pleiku vào Trang thông tin điện tử thành phố để quảng bá du lịch.

3.4.6. Hiện trạng ứng dụng CNTT trong giao thông; an ninh trật tự:

- *Hệ thống giao thông, thoát nước đô thị:* Hiện thành phố chưa ứng dụng công nghệ thông tin trong giao thông, thoát nước.

- *Điện chiếu sáng đô thị:*

- + Hiện nay tổng số các tuyến đường chính có tên đã lắp đặt hệ thống điện chiếu 207/207 tuyến với 7.690 bộ đèn cao áp các loại tương đương 272,342 km /275 km đạt tỷ lệ 99,03% với 261 trạm điều khiển chiếu sáng tự động.

- + Điện chiếu sáng đường hẻm 145,792 km/732,472km đạt tỷ lệ 19,91% với 2.776 bộ bóng đèn các loại; trong đó điện chiếu sáng đường hẻm khu vực nội thị là 2.725 bóng với 167,585km/ 299,258km chiếu sáng đạt 56%, khu vực ngoại thành là 51 bóng với 3,57km/ 437,925km đạt 1%.

- + Hiện nay trên thành phố đã có 25 chốt đèn tín hiệu giao thông và 40 chốt đèn cảnh báo giao thông (trong đó có 28 chốt sử dụng năng lượng mặt trời).

- + 261 trạm điều khiển chiếu sáng tự động hiện chỉ quản lý theo vùng, chưa có trạm điều khiển trung tâm nên việc quản lý còn bất cập.

- *An ninh trật tự:*

Thành phố đã ban hành Chỉ thị số 03/CT-CT ngày 17/3/2017 về việc tăng cường trật tự kỷ cương trong công tác quản lý lòng đường, vỉa hè trên địa bàn thành phố Pleiku và Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của UBND thành phố Pleiku về việc thành lập Đoàn kiểm tra, xử lý trật tự đô thị trên địa bàn thành phố Pleiku:

+ Tổng số hộ vi phạm: 8.315 trường hợp (Vi phạm về mái che, bảng quảng cáo không đúng quy định: 6.385 trường hợp; Vi phạm về vỉa hè, bụi bặm, nhà, vật kiến trúc lấn chiếm chỉ giới xây dựng và không đúng quy định: 1.930 trường hợp).

+ UBND các xã, phường tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân trên địa bàn tự nguyện tháo dỡ tạo ra sự lan tỏa lớn trên khắp thành phố về chấp hành pháp luật về trật tự đô thị với sự đồng thuận rất cao của nhân dân 77,43% (6.438 /8.315). Tuy nhiên một số trường hợp chưa chấp hành vì công trình vi phạm có tính chất quy mô lớn, công trình đã có sở hữu nên cần có thời gian để tiếp tục vận động các hộ tự tháo dỡ.

+ Hệ thống camera giám sát an ninh công cộng hiện tại được phân bổ 24 vị trí thuộc 6 phường trên địa bàn thành phố. Với số lượng 24 camera trên không thể đáp ứng việc quản lý giao thông, an ninh trật tự trên địa bàn vì vậy cần bổ sung thêm camera và trạm điều khiển trung tâm nhằm kịp thời phát hiện, xử lý an toàn giao thông cũng như công tác an ninh trật tự.

3.4.7. Hiện trạng ứng dụng CNTT tài nguyên và môi trường:

Hiện nay, tại Phòng Tài nguyên và Môi trường và Chi nhánh Văn Phòng đăng ký có 02 máy chủ (server), 50 máy tính cá nhân để phục vụ công việc. Cơ sở dữ liệu được lưu trữ phân tán tại các máy tính cá nhân, máy chủ chỉ lưu một số thông tin cơ bản, chưa được xem là cơ sở dữ liệu địa chính, chưa kết nối được dữ liệu địa chính và dữ liệu thuộc tính, chưa kết xuất được cơ sở dữ liệu từ hệ thống này.

Lĩnh vực quan trắc môi trường, trạm quan trắc nước thải khu công nghiệp, Cụm công nghiệp, hiện nay đang được Sở Tài nguyên Môi trường quản lý, việc kết nối thông tin này UBND cấp huyện chưa được thông suốt.

Hệ thống hồ sơ cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường, kết quả giám sát bảo vệ môi trường, các cơ sở nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng... của các cơ sở kinh doanh, sản xuất trên địa bàn chỉ thẩm định trên giấy, chưa xác định vị trí cụ thể trên bản đồ, chưa xây dựng được hệ thống quản lý các thông tin này.

Trong lĩnh vực quản lý rừng, hiện các ban quản lý rừng đang sử dụng phần mềm MapInfor để kiểm tra, quản lý thông tin liên quan đến rừng.

Trong xử lý công việc và giải quyết hồ sơ cho nhân dân, hiện tại đang tồn tại 3 hệ thống xử lý độc lập, chưa kết nối được (Hệ thống một cửa, hệ thống Văn bản điều hành, hệ thống quản lý hồ sơ riêng (dùng FileMaker – phần mềm tương tự như Access)).

3.4.8. Hiện trạng ứng dụng CNTT trong quản lý đô thị:

Về quy hoạch xây dựng, trên địa bàn thành phố hiện có 43 đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt với tổng diện tích quy hoạch là 3.214ha, bên cạnh đó đã lập và phê duyệt 9 đồ án quy hoạch nông thôn mới ở 9 xã, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020. Đây chính là nền tảng, cơ sở

để xây dựng, đầu tư phát triển đô thị và quản lý phát triển đô thị Pleiku, qua đó góp phần phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Tuy nhiên, ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực đô thị vẫn chưa được đẩy mạnh triển khai.

3.4.9. Các dự án CNTT do UBND thành phố Pleiku đã triển khai:

- Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành và các xã, phường trên địa bàn thành phố.

- Phần mềm Một cửa điện tử thành phố và các xã, phường trên địa bàn thành phố.

- Trang thông tin điện tử thành phố và Trang thông tin điện tử thành phần cho 23/23 xã, phường

- Xây dựng 01 điểm Wifi công cộng tại Quảng trường Đại Đoàn Kết thành phố Pleiku.

- Hiện nay thành phố Pleiku có 01 điểm cầu Hội nghị truyền hình trực tuyến; năm 2019 thành phố tiếp tục đầu tư xây dựng thêm 05 điểm cầu hội nghị truyền hình trực tuyến phục vụ cho các cuộc họp trực tuyến giữa thành phố và các xã, phường (01 điểm cầu tại Hội trường 19/5 và 04 điểm cầu cấp xã).

- Triển khai mở rộng phần mềm giao việc đến các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường thuộc thành phố. Xây dựng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành cho các trường học (Trường Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở) thuộc thành phố quản lý.

- Nâng cấp hệ thống máy chủ đảm bảo vận hành các phần mềm ứng dụng hiện có và tiếp tục phát triển các ứng dụng, dịch vụ đô thị thông minh.

- Triển khai chữ ký số trong quản lý và điều hành của chính quyền thành phố và trong dịch vụ công trực tuyến.

4. Các chỉ tiêu dự kiến giai đoạn 2019-2025 nếu triển khai Đề án:

Số TT	Chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2018	Bình quân giai đoạn 2019-2025	
				Thực hiện Đề án	Không thực hiện Đề án
I	Kinh tế				
1	Tốc độ tăng giá trị sản xuất (giá so sánh 2010)	%	10,19	>9,0%	9,0%
2	Cơ cấu GTSX theo giá hiện hành				
	+ Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	4,86	5,0	5,1
	+ Công nghiệp, xây dựng	%	43,97	40,0	41,6
	+ Dịch vụ	%	51,16	55,0	53,3
3	Tổng vốn đầu tư phát triển	Tỷ đồng	6.309	>12.000	12.000
4	Tổng thu NSNN theo phân cấp	Tỷ đồng	926,5	>1.600	1.600
II	Văn hóa xã hội				
5	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,1	1,1	1,1
6	Thu nhập bình quân đầu người/năm đến năm 2025	Tr đồng	61,11	>130	130
7	Tỷ lệ hộ nghèo (Nghèo đa chiều)	%	0,82	<0,60	0,60
8	Lao động				

	+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	58,00	>62%	62%
	+ Số LĐ được giải quyết việc làm mới	Người	5.500	5.800	5.800
9	Tỷ lệ thôn/làng/tổ dân phố văn hóa	%	91,1	>90,00	90,00
10	Tỷ lệ cơ quan/đơn vị đạt chuẩn văn hóa	%	>95,00	>95,00	95,00
11	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng	%	4,22	<4,20	4,20
III	Quốc phòng - An ninh				
12	Tỷ lệ giao quân; xây dựng lực lượng, huấn luyện, diễn tập, giáo dục quốc phòng - an ninh.	%	100	100	100
13	Tỷ lệ xã, phường đạt loại I về ANTT	%	100	100	100

III. XÂY DỰNG THÀNH PHỐ PLEIKU THEO HƯỚNG ĐÔ THỊ THÔNG MINH

1. Quan điểm, mục tiêu:

1.1. Quan điểm:

- Phù hợp với chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các định hướng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với đặc thù của thành phố Pleiku.

- Là một nội dung quan trọng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, sử dụng các phương tiện hỗ trợ công nghệ thông tin truyền thông (ICT) và các phương tiện khác góp phần thúc đẩy nâng cao sức cạnh tranh, đổi mới, sáng tạo, minh bạch, tinh gọn, hiệu lực hiệu quả quản lý của chính quyền các đô thị, nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, năng lượng và các nguồn lực phát triển, cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường sống đô thị, kích thích tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội.

- Lấy người dân làm trung tâm, hướng tới mục tiêu để mọi thành phần trong xã hội có thể được thụ hưởng lợi ích, tham gia đầu tư xây dựng và giám sát, quản lý đô thị thông minh, góp phần quan trọng thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và các mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh Gia Lai nói riêng và Việt Nam nói chung.

- Dựa trên thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến, ứng dụng các công nghệ hiện đại, đồng bộ, đảm bảo tính trung lập về công nghệ, có khả năng tương thích với nhiều nền tảng, đảm bảo an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và bảo vệ thông tin cá nhân của người dân, đảm bảo sự đồng bộ giữa các giải pháp công nghệ và phi công nghệ.

- Khuyến khích sự tham gia đầu tư, xã hội hóa phát triển đô thị thông minh trên nguyên tắc tính đúng, tính đủ các chi phí và rủi ro, hài hòa lợi ích của các bên có liên quan, khuyến khích sử dụng các sản phẩm, dịch vụ trong nước. Tổ chức thực hiện thí điểm điển hình, rút kinh nghiệm trước khi nhân rộng, tiến hành dần từng bước, có những tiến bộ cụ thể và vững chắc, dựa trên đặc điểm riêng của đô thị, hài hòa giữa yêu cầu phát triển dài hạn của đô thị với nhu cầu bức thiết của người dân, đảm bảo hiệu quả đầu tư ngắn hạn và dài hạn,

- Ưu tiên xây dựng các nội dung cơ bản bao gồm: Quy hoạch đô thị thông

minh; Xây dựng và quản lý đô thị thông minh; Cung cấp các tiện ích đô thị thông minh cho các tổ chức, cá nhân trong đô thị với Cơ sở nền tảng là Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị và hệ thống hạ tầng ICT trong đó bao gồm cơ sở dữ liệu không gian đô thị thông minh được kết nối liên thông và hệ thống tích hợp hai hệ thống trên.

- Các nội dung của Đề án phải đảm bảo kế thừa các thành quả đã đạt được của thành phố Pleiku nói riêng và của tỉnh Gia Lai nói chung.

- Phù hợp với Khung kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai được ban hành theo Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Gia Lai (Phiên bản 1.0) và các phiên bản nâng cấp được phê duyệt (nếu có).

- Bảo đảm an toàn, an ninh mạng luôn song hành, gắn kết chặt chẽ với quá trình xây dựng đô thị thông minh. An toàn, an ninh mạng là điều kiện cơ bản, yếu tố sống còn để triển khai đô thị thông minh thành công một cách nhanh chóng và bền vững.

- Đến năm 2025, thực hiện giai đoạn 1 thí điểm phát triển đô thị thông minh. Trong đó, tiến hành xây dựng, hoàn thiện hành lang pháp lý trên cơ sở sơ kết, tổng kết việc thực hiện thí điểm ở một số phường trung tâm; ưu tiên cho các lĩnh vực phản ánh hiện trường, giám sát, điều hành giao thông, an ninh trật tự của đô thị, giám sát an toàn thông tin... Định hướng đến năm 2030, hoàn thành thí điểm giai đoạn 1, theo đó từng bước triển khai nhân rộng theo lĩnh vực, khu vực, hình thành mạng lưới liên kết các xã/phường, có khả năng lan tỏa.

1.2. Mục tiêu:

1.2.1. Mục tiêu tổng quát: Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh nhằm khai thác, phát huy các tiềm năng, lợi thế, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực, bảo vệ môi trường bền vững; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và các dịch vụ đô thị; hạn chế các rủi ro và nguy cơ tiềm ẩn; đồng thời đảm bảo tạo điều kiện đối với các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng, giám sát, quản lý phát triển đô thị; nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế của thành phố, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội phát triển, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể cho từng lĩnh vực:

1.2.2.1. Hạ tầng Công nghệ thông tin và truyền thông:

- Nâng cấp, mở rộng hạ tầng kỹ thuật tạo nền tảng phát triển các ứng dụng, dịch vụ đô thị thông minh.

- Xây dựng trung tâm điều hành, nền tảng tích hợp đảm bảo kết nối thông suốt với các hệ thống thông tin thành phần của ĐTTM.

- Nâng cấp Trung tâm Tích hợp dữ liệu để đảm bảo hạ tầng triển khai các hệ thống thông tin phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử và cung cấp nền tảng, dịch vụ đô thị thông minh.

- Quy hoạch, kế thừa và tối ưu các hệ thống hạ tầng CNTT đã được đầu tư.

1.2.2.2. Chính quyền điện tử:

- Kết nối, tích hợp, chia sẻ các cơ sở dữ liệu (CSDL), các ứng dụng của các ngành, địa phương trong thành phố; xây dựng công cụ hỗ trợ báo cáo, thống kê, tổng hợp, phân tích, dự báo, cảnh báo.

- Cung cấp dữ liệu mở (Open data) cho người dân, doanh nghiệp.
- Xây dựng, nâng cấp các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành; khai thác hiệu quả công nghệ để hỗ trợ các cấp, các ngành đưa ra những quyết định điều hành, quản lý chính xác, nhanh chóng.
- Tiếp tục triển khai thực hiện mục tiêu hiện đại hóa nền hành chính (cải cách hành chính). Đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 để tạo điều kiện thuận lợi cho người cho tổ chức, công dân trong giao dịch với cơ quan nhà nước.
- Tăng cường tương tác giữa chính quyền với người dân và doanh nghiệp thông qua các hệ thống thông tin điện tử.

1.2.2.3. Du lịch, dịch vụ:

- Xây dựng hệ thống cung cấp thông tin du lịch, tăng cường tương tác giữa cơ quan quản lý với doanh nghiệp và du khách.
- Xây dựng Cổng thông tin du lịch; tạo lập cơ sở dữ liệu (CSDL) về du lịch, đồng thời cung cấp các ứng dụng du lịch thông minh hỗ trợ du khách, không chỉ cung cấp thông tin mà còn gợi ý, đề xuất lịch trình, chi phí dự kiến... Du khách cũng có thể tham khảo, lựa chọn các cơ sở lưu trú từ khách sạn đến homestay, ẩm thực, các địa điểm mua sắm... Tạo “cầu nối” giữa doanh nghiệp du lịch và du khách, đồng thời là trợ lý hữu ích với cho du khách trước, trong và sau hành trình.
- Kết nối chặt chẽ giữa nhà quản lý, doanh nghiệp và khách du lịch, nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách, đồng thời, giúp cho việc quản lý thuận tiện hơn; kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin khác như: quản lý lưu trú, quản lý thuế, dịch vụ vận tải.... Cùng với đó là hệ thống hạ tầng được công nghệ hóa, nhằm ứng dụng công nghệ triet để phục vụ khách du lịch, từ việc đặt các dịch vụ tại khách sạn, nhà hàng, xin cấp visa, mua vé máy bay... Tăng cường xúc tiến, quảng bá, hỗ trợ doanh nghiệp.

1.2.2.4. An ninh trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc phòng:

- Xây dựng, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ gắn kết với hạ tầng đô thị phục vụ công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội,...
- Hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, chia sẻ thông tin giữa các đơn vị, các ngành, phục vụ công tác giám sát, quản lý, chỉ đạo, điều hành.
- Hoàn thiện các hệ thống, trung tâm thu thập và giám sát, điều hành tình hình an ninh trên địa bàn thành phố, triển khai quản lý tập trung công tác an ninh và ứng cứu khẩn cấp với hệ thống quản lý thông minh.
- Đảm bảo an ninh thông tin nhằm phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh có hiệu quả với các âm mưu, thủ đoạn của thế lực thù địch, phản động và các loại tội phạm lợi dụng công nghệ thông tin và truyền thông gây phương hại an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.
- Nâng cao vai trò của người dân trong việc tham gia báo tin, đóng góp ý kiến với các vấn đề mất an ninh, an toàn đô thị theo thời gian thực.

1.2.2.5. Quản lý môi trường:

- Xây dựng, hình thành và quản lý tập trung toàn bộ cơ sở dữ liệu về môi trường; hỗ trợ hiệu quả công tác giám sát, báo cáo, thống kê, chia sẻ thông tin môi trường, ứng phó sự cố.
- Kết nối với người dân, doanh nghiệp trong việc công khai thông tin về

chất lượng môi trường.

- Ứng dụng CNTT nâng cao năng lực hoạt động xử lý môi trường, thu gom vận chuyển chất thải.

- Ứng dụng CNTT nâng cao hiệu quả mạng lưới quan trắc môi trường trên địa bàn thành phố. Hệ thống tự động, kết nối trực tuyến về trung tâm giám sát, cung cấp khả năng giám sát, cảnh báo sớm và hỗ trợ việc ban hành quyết định cho nhà quản lý.

1.2.2.6. Quy hoạch, quản lý đô thị:

- Cung cấp đầy đủ các thông tin và tiện ích thiết thực về quy hoạch liên quan trực tiếp đến điều kiện sống của người dân.

- Xây dựng hệ thống thông tin công khai quy hoạch đô thị; hệ thống thông tin về phát triển đô thị; các hoạt động xây dựng nhằm hỗ trợ mô phỏng, đánh giá công tác quy hoạch, xây dựng; lập kế hoạch, theo dõi, phân tích, dự báo và đưa ra quyết định.

- Hoàn thiện và tích hợp các cơ sở dữ liệu trong các lĩnh vực quản lý xây dựng phục vụ công tác quản lý nhà nước, chia sẻ thông tin và phối hợp liên ngành.

- Chia sẻ, dùng chung thông tin giữa các ngành trên các hệ thống thông tin địa lý, dữ liệu không gian.

- Tiết kiệm năng lượng, hỗ trợ xây dựng mô hình các đô thị xanh, thân thiện.

1.2.2.7. Giáo dục:

- Đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng CNTT, ứng dụng CNTT trong các cơ sở giáo dục.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, dạy và học, góp phần đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, nâng cao chất lượng giáo dục.

- Nâng cao trình độ CNTT cho đội ngũ nhân lực trong ngành giáo dục phục vụ công tác quản lý và công tác chuyên môn.

- Phát triển hệ thống thông tin liên thông, kết nối các trường học với cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo.

- Phát triển CSDL chuyên ngành giáo dục và đào tạo, đồng thời tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các dữ liệu của các lĩnh vực khác phục vụ công tác quản lý, quy hoạch phát triển giáo dục.

- Triển khai thí điểm các mô hình hiện đại hóa, đổi mới dạy và học như trường học thông minh, lớp học thông minh, camera giám sát trường học... cho một số trường học tại thành phố.

1.2.2.8. Y tế:

- Triển khai các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác khám, chữa bệnh cho các bệnh viện, cơ sở y tế. Xây dựng và hoàn thiện các hệ thống quản lý thông tin bệnh viện (HIS) cho phép hợp lý hóa và tự động hóa các quy trình thủ tục khám chữa bệnh của người dân.

- Triển khai phần mềm quản lý y tế cơ sở, quản lý nhà thuốc và các lĩnh vực khác của ngành Y tế.

- Xây dựng, hình thành các CSDL của ngành Y tế phục vụ công tác quản lý nhà nước, hoạt động khám chữa bệnh cho nhân dân,... kết nối, tích hợp với

với các hệ thống dữ liệu của các ngành khác như bảo hiểm y tế, ngân hàng...

- Xây dựng, triển khai hệ thống dữ liệu hồ sơ sức khỏe điện tử của người dân.

1.2.2.9. Giao thông:

- Số hóa, tạo lập CSDL về hạ tầng giao thông tích hợp với bản đồ thông tin địa lý để nâng cao hiệu quả quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông.

- Xây dựng và hình thành CSDL dùng chung phục vụ công tác quản lý của ngành và nhu cầu của các ngành khác, của người dân và doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh phát triển các hình thức vận tải hành khách công cộng, ứng dụng CNTT trong giám sát các hoạt động vận chuyển hành khách công cộng.

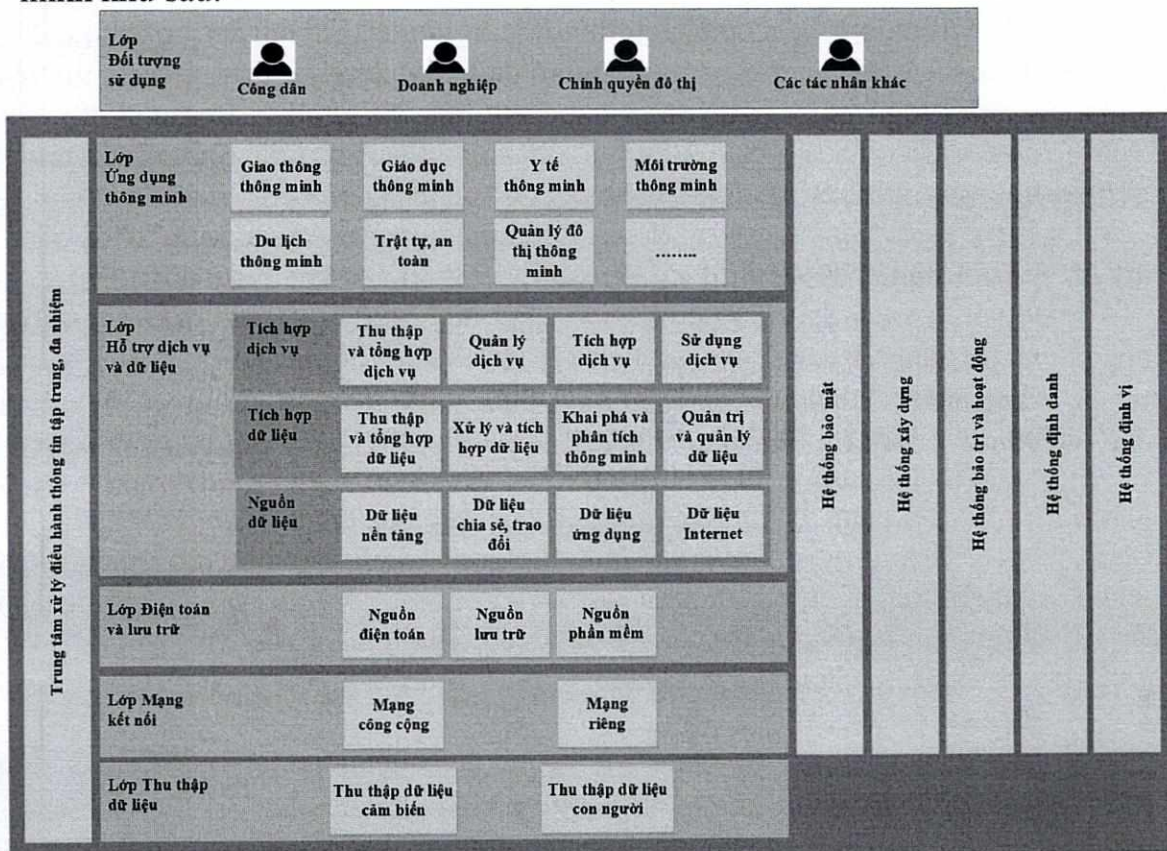
- Áp dụng công nghệ để giám sát giao thông tại các đường giao thông quan trọng của thành phố và hỗ trợ công tác điều khiển giao thông, xử lý vi phạm giao thông, xử lý tai nạn giao thông.

- Cung cấp thông tin cần thiết cho người dân, giúp người dân lựa chọn phương thức di chuyển hợp lý nhất.

- Quản lý, vận hành khai thác cơ sở hạ tầng và dịch vụ giao thông một cách hiệu quả, linh hoạt.

2. Kiến trúc tổng thể xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh:

Theo Quyết định số 829/QĐ-BTTTT ngày 31/5/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Khung tham chiếu ICT phát triển đô thị thông minh (phiên bản 1.0), kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh cần tuân thủ Khung tham chiếu ICT phát triển đô thị thông minh do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành, do vậy Khung tham chiếu ICT phát triển đô thị thông minh như sau:



*Hình - Sơ đồ tổng thể Khung tham chiếu ICT phát triển đô thị thông minh
của thành phố Pleiku*

Các thành phần của Khung tham chiếu ICT phát triển đô thị thông minh đã được định nghĩa tại Quyết định số 829/QĐ-BTTTT ngày 31/5/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Các nhiệm vụ xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh:

Trong phạm vi của Đề án, các nhóm nhiệm vụ xây dựng, phát triển hạ tầng trọng tâm cần ưu tiên thực hiện trong giai đoạn từ nay đến năm 2025 như sau:

3.1. Nhóm nhiệm vụ về phát triển hạ tầng kỹ thuật

3.1.1. Xây dựng Trung tâm Điều hành đô thị thông minh của thành phố Pleiku

- Trung tâm Điều hành đô thị thông minh của thành phố Pleiku là đầu mối theo dõi, giám sát, điều phối xử lý các vấn đề liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của thành phố như: Phản ánh hiện trường; giám sát giao thông; an ninh công cộng; ứng cứu khẩn cấp, cứu nạn, cứu hộ; chiếu sáng đô thị; cấp, thoát nước... để hỗ trợ ra quyết định, phục vụ chỉ đạo, điều hành kịp thời; đồng thời tiếp nhận và trả lời ý kiến người dân thông qua các ứng dụng di động (app), qua các hệ thống tích hợp camera và cảm biến, hệ thống giám sát an ninh...

- Trung tâm Điều hành đô thị thông minh của thành phố Pleiku được đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật hiện đại để triển khai các hệ thống thông tin vận hành trực tiếp tại Trung tâm và vận hành, sử dụng các dịch vụ đô thị thông minh trên cơ sở kết nối, chia sẻ, sử dụng các nền tảng đô thị thông minh, các hệ thống thông tin phục vụ chính quyền điện tử do Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh Gia Lai (do Sở Thông tin và Truyền thông quản lý) cung cấp.

- Để xây dựng, hình thành Trung tâm Điều hành đô thị thông minh, ngoài các yêu cầu về đầu tư cơ sở hạ tầng, hạ tầng kỹ thuật, cần có các giải pháp cơ chế hoạt động (điều phối, phối hợp với các cơ quan liên quan...) và công tác về nhân sự, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý vận hành đáp ứng yêu cầu vận hành của Trung tâm điều hành đô thị thông minh thuộc thành phố Pleiku quản lý.

Cơ quan chủ trì: UBND thành phố Pleiku.

* Phù hợp với Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành (chỉ số 7.2: Lớp Hiệu quả hoạt động của bộ máy Chính quyền đô thị; chỉ số 7.3.1.2: Chia sẻ tài nguyên).

3.1.2. Nâng cấp mở rộng mạng diện rộng trong phạm vi thành phố Pleiku:

Mạng WAN của tỉnh Gia Lai hiện nay đang kết nối các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh để thực hiện trao đổi thông tin trong nội bộ các đơn vị, địa phương nhằm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin. Đối với các kết nối từ cấp xã, phường (thuộc thành phố Pleiku) vào hệ thống mạng WAN chủ yếu vẫn sử dụng công nghệ mạng riêng ảo (VPN). Để đáp ứng tốt nhu cầu truyền dẫn, triển khai các ứng dụng phục vụ đô thị thông minh cần nâng cấp hệ thống mạng diện rộng trên phạm vi thành phố Pleiku; đồng thời đảm bảo kết nối thông suốt với

hệ thống mạng diện rộng của tỉnh (WAN).

Cơ quan chủ trì: UBND thành phố Pleiku.

* Phù hợp với Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành (chỉ số 7.3.2.1: An toàn thông tin).

3.1.3. Phát triển chiếu sáng đô thị thông minh:

Giám sát, điều khiển hệ thống đèn chiếu sáng từ xa trên địa bàn thành phố Pleiku. Giúp tiết kiệm nguồn năng lượng, công sức vận hành, quản lý.

Sử dụng hạ tầng có sẵn của CNTT và viễn thông để điều khiển hệ thống đèn chiếu sáng, theo dõi trạng thái, hoặc hẹn giờ bật/tắt đèn tự động.

Cảnh báo mất điện: Cảnh báo nếu điện lưới thay đổi (Mất hoặc có) trong suốt quá trình bật đèn.

Cơ quan chủ trì: UBND thành phố Pleiku.

* Phù hợp với Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành (chỉ số 7.2.3.1: b) Tình hình sử dụng thiết bị chiếu sáng thông minh).

3.1.4. Phát triển hệ thống, dịch vụ phản ánh hiện trường:

Hiện nay thành phố Pleiku vẫn chưa có hệ thống thông tin để người dân có thể phản ánh mọi vấn đề bất cập của đô thị một cách kịp thời và giúp chính quyền thành phố Pleiku tiếp nhận, giải quyết các bất cập nhanh chóng, chính xác và hiệu quả. Cho phép người dân theo dõi kết quả xử lý phản ánh một cách công khai và minh bạch.

Hệ thống thông tin phản ánh hiện trường là giải pháp triển khai nhằm mục đích cho thành phố Pleiku tiếp nhận các vấn đề phản ánh của công dân, tổ chức đối với các vấn đề bất cập trong xã hội. Gồm các chức năng chính như:

- Công khai kết quả phản ánh của thành phố Pleiku.
- Cung cấp chức năng tương tác: Trong trường hợp kết quả xử lý chưa đáp ứng, công dân, tổ chức có thể trao đổi, yêu cầu làm rõ .v.v. về kết quả xử lý của thành phố Pleiku.
- Đánh giá mức độ hài lòng kết quả xử lý: Cá nhân, tổ chức có thể đánh giá mức độ hài lòng đối với kết quả xử lý của thành phố Pleiku.

Hệ thống thông tin phản ánh hiện trường gồm các hệ thống các trang thiết bị phần cứng, phần mềm, hạ tầng truyền thông như: Camera giám sát hiện trường; hệ thống mạng truyền dẫn; các phần mềm tiếp nhận, phản hồi phản ánh từ tổ chức, công dân; hệ thống tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống tin khác phục vụ đô thị thông minh, hệ thống thông tin phục vụ Chính quyền điện tử của tỉnh...

Cơ quan chủ trì: UBND thành phố Pleiku.

* Phù hợp với Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành (chỉ số 7.1.2.1: Người dân tham gia phản hồi thông tin cho Chính quyền đô thị).

3.1.5. Hệ thống quản lý cây xanh đô thị:

Hệ thống quản lý cây xanh được ứng dụng nhằm mục đích quản lý toàn bộ hiện trạng và quy hoạch hệ thống cây xanh đường phố, cây xanh công viên trên bản đồ, trợ giúp công tác quản lý thông tin lý lịch, hồ sơ, đến từng cây xanh cũng như hỗ trợ công việc kiểm tra, chăm sóc, chặt hạ, dịch chuyển cây xanh...

Thu thập dữ liệu phục vụ lập bản đồ cây xanh đô thị bằng điện thoại di

động: cho phép thu thập thông tin vị trí, hình ảnh cũng như các thông tin mô tả đặc tính khác của cây xanh tại thực địa bằng ứng dụng di động được cài đặt trên thiết bị di động (điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng). Dữ liệu sau khi thu thập được đồng bộ trực tiếp từ thiết bị di động về hệ thống để phục vụ lập bản đồ cây xanh.

Biên tập, cập nhật bản đồ cây xanh đô thị: hỗ trợ lập bản đồ cây xanh từ nguồn dữ liệu thu thập tại thực địa hoặc từ các nguồn dữ liệu hiện có khác như: số liệu đo GPS, bản vẽ/ bản đồ đã thành lập trước đây hoặc kết hợp cả hai nguồn dữ liệu này. Cung cấp các công cụ thiết yếu để hỗ trợ lập bản đồ cây xanh: nhập dữ liệu từ nhiều định dạng khác nhau; các công cụ vẽ bản đồ; các công cụ chỉnh sửa bản đồ; các công cụ cập nhật thông tin lý lịch cây xanh; cập nhật hồ sơ, tài liệu, hình ảnh đính kèm; các công cụ hỗ trợ trình bày các lớp bản đồ cây xanh.

Quản lý lý lịch cây xanh trực quan trên bản đồ cây xanh đô thị: hỗ trợ quản lý quy hoạch hệ thống cây xanh gắn với tuyến cây và khu vực, có thể tổng hợp cây xanh theo nhiều tiêu chí theo loại cây và chủng loại. Cung cấp khả năng để cho phép người dùng chủ động điều chỉnh, mở rộng các thông tin quản lý hồ sơ, lý lịch cây xanh hiện có cũng như cập nhật các dự án cây xanh mới. Cho phép theo dõi, ghi nhận nội dung và kết quả của công tác kiểm tra, duy trì, chăm sóc gắn với từng cây xanh, tuyến cây xanh.

Hỗ trợ lập kế hoạch chăm sóc cây xanh: trợ giúp lên phương án, lập kế hoạch các tuyến cây xanh cần chăm sóc dựa trên các dữ liệu về kiểm tra và lịch sử chăm sóc cây xanh. Đồng thời hỗ trợ điều chỉnh, xét duyệt kế hoạch chăm sóc.

Cơ quan chủ trì: UBND thành phố Pleiku.

* Phù hợp với Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành (chỉ số 7.2.3.1: Bảo vệ môi trường).

3.1.6. Hệ thống giám sát, quản lý giao thông thông minh:

Giai đoạn từ 2020 đến năm 2025, lựa chọn để triển khai xây dựng các hệ thống thông tin hỗ trợ di chuyển, giám sát, quản lý giao thông như: Các dịch vụ trực tuyến để truy cập đến thông tin của các phương tiện công cộng trên địa bàn thành phố; hệ thống điều khiển, hướng dẫn cho người tham gia giao thông; hệ thống dựa trên GPS cho việc theo dõi các phương tiện giao thông tham gia cung cấp dịch vụ vận tải theo thời gian thực; hệ thống giám sát từ xa giao thông công cộng và các tuyến đường, bến bãi đậu đỗ xe; hệ thống phân tích dữ liệu hình ảnh, hỗ trợ quản lý, xử lý vi phạm giao thông, khắc phục sự cố một cách hiệu quả;...đồng thời cung cấp các kênh khác nhau cho người dân để phản ánh các vấn đề, sự cố về giao thông.

Cơ quan chủ trì: UBND thành phố Pleiku.

* Phù hợp với Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành (chỉ số 7.2.1.2: Dịch vụ giao thông).

3.1.7. Xây dựng hệ thống Wifi công cộng trên địa bàn thành phố Pleiku:

Xây dựng các điểm thu phát sóng (Access Point) chuyên dụng; phủ sóng các khu vực trung tâm thành phố nhằm tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp, du khách dễ dàng sử dụng dịch vụ công và tiếp cận thông tin của thành

phổ và truy cập internet miễn phí.

Cơ quan chủ trì: UBND thành phố Pleiku.

* Phù hợp với Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành (chỉ số 7.3.1.1: a) Tình hình phổ cập Wifi tại các điểm công cộng).

3.1.8. Quy hoạch phát triển hạ tầng thành phố Pleiku:

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào thực hiện việc quy hoạch, định hướng để phát triển hạ tầng kỹ thuật như: hạ tầng giao thông, cấp thoát nước, hệ thống cây xanh...; để từ đó hình thành các cơ sở dữ liệu về hạ tầng một các đồng bộ, cung cấp các dữ liệu được số hóa phục vụ công tác quản lý, xây dựng đô thị thông minh.

Cơ quan chủ trì: UBND thành phố Pleiku.

* Phù hợp với Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành (làm nền tảng để triển khai thực hiện các chỉ số).

3.2. Nhiệm vụ về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin:

Triển khai bảo đảm an toàn, an ninh mạng đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật tại Luật An toàn thông tin mạng, Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/5/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, Thông tư 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và các đề án, quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về an toàn thông tin mạng. Tập trung ưu tiên cho một số nội dung như sau:

3.2.1. Đầu tư, xây dựng trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng tập trung (SOC):

- Mục tiêu là để giám sát, quản lý bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho các hệ thống của đô thị thông minh nói riêng và đảm bảo an toàn, an ninh mạng trên địa bàn tỉnh nói chung.

- Ưu tiên kinh phí triển khai cho hạng mục ATTT trong các dự án xây dựng hệ thống thông tin phục vụ đô thị thông minh, đảm bảo đáp ứng kết nối với SOC và chủ động ứng phó với các cuộc tấn công mạng.

- Kết nối chia sẻ thông tin về mã độc với các hệ thống kỹ thuật thuộc Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định tại Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại.

Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

* Phù hợp với Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành (chỉ số 7.3.2.1: An toàn thông tin).

3.2.2. Kiểm tra, đánh giá, nâng cao năng lực quản lý ATTT cho các hệ thống thông tin

- Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao nhận thức và kỹ năng bảo đảm ATTT cho lãnh đạo quản lý và cán bộ chuyên trách ATTT, cán bộ kỹ thuật vận hành, khai thác hệ thống thông tin phục vụ đô thị thông minh.

- Định kỳ kiểm tra, đánh giá ATTT cho các hệ thống thông tin.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, trách nhiệm và kỹ năng bảo đảm ATTT.

* Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

* Phù hợp với Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành (chỉ số 7.3.2.1: An toàn thông tin).

3.3. Nhóm nhiệm vụ về cơ sở dữ liệu:

- Tiếp tục vận hành, duy trì, mở rộng các hệ thống cơ sở dữ liệu đã được triển khai xây dựng theo Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án “Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin các ngành, lĩnh vực dựa trên nền hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ quản lý nhà nước tỉnh Gia Lai” để làm nền tảng cho triển khai đô thị thông minh, chính quyền điện tử.

Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Tiếp tục vận hành, duy trì, mở rộng các hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường đã được triển khai theo Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp Trung tâm Công nghệ thông tin và xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường.

Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Duy trì, xây dựng, phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kết nối vào hệ thống tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP); đồng thời tích hợp, kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia do các bộ, ngành Trung ương triển khai.

Cơ quan chủ trì: Các ngành liên quan.

* Phù hợp với Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành. Đây là nền tảng để triển khai Chính quyền điện tử, ĐTTM (chỉ số 7.3.1.2: Chia sẻ tài nguyên).

3.4. Nhóm nhiệm vụ về xây dựng chính quyền điện tử:

3.4.1. Đầu tư, nâng cấp các hệ thống thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp và phát triển chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai

a) Đầu tư, nâng cấp Trung tâm Tích hợp dữ liệu phục vụ Chính quyền điện tử và triển khai các nền tảng đô thị thông minh.

Tỉnh Gia Lai đã đầu tư Trung tâm Tích hợp dữ liệu (data center) với quy mô nhỏ được đầu tư trong giai đoạn 2010-2018; hiện nay đang được bổ sung các thiết bị mạng, bảo mật, máy chủ, lưu trữ,... để phục vụ cho các ứng dụng dùng chung của tỉnh. Tuy nhiên hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu hiện tại đặt trong khu dân cư, diện tích sàn nhỏ nên chưa bố trí hệ thống điện dự phòng (máy phát điện) để đảm bảo cho hệ thống hoạt động liên tục 24/7 và rất dễ xảy ra hỏa hoạn (gần tiệm vải) nên công tác đảm bảo an toàn an ninh thông tin thấp, chưa đảm bảo... Do vậy, Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh chưa thể đáp ứng tốt cho nhu cầu đầu tư xây dựng hệ thống CNTT phục vụ Chính quyền điện tử, cũng như triển khai các nền tảng phục vụ đô thị thông minh với các hệ thống thông tin dữ liệu lớn, đồng bộ... Để đáp ứng tốt các yêu cầu xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, triển khai các nền tảng đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh, cần đầu tư nâng cấp Trung tâm Tích hợp dữ liệu (về cơ sở hạ tầng, hạ tầng kỹ thuật) trong thời gian đến. Nhu cầu dự kiến đối với cơ sở vật chất, hệ thống thông tin, hệ thống máy chủ thuộc trung tâm dữ liệu trong tương lai như sau:

- Bố trí trụ sở mới và đầu tư cơ sở vật chất để đáp ứng việc triển khai, vận hành Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Gia Lai nhằm phục vụ Chính quyền điện tử; phục vụ triển khai các nền tảng, dịch vụ đô thị thông minh; phục vụ vận hành Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng tập trung (SOC), hệ thống phòng chống mã độc tập trung để kết nối với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng Quốc gia theo Chỉ thị số 14/2019/CT-TTg ngày 07/6/2019 về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại và theo Quyết định số 1017/QĐ-TTg ngày 14/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ Chính phủ điện tử đến năm 2020, định hướng đến 2025. Trung tâm tích hợp dữ liệu hiện nay sẽ được bố trí làm dự phòng khi xảy ra sự cố.

- Chuyển đổi Trung tâm tích hợp dữ liệu hiện nay thành Trung tâm tích hợp dữ liệu dự phòng nhằm đảm bảo cho việc bảo toàn dữ liệu và khôi phục lại hệ thống công nghệ thông tin khi có sự cố làm ảnh hưởng đến hoạt động của Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Gia Lai.

- Triển khai đầy đủ máy chủ, đáp ứng yêu cầu cài đặt và triển khai các chương trình phần mềm Chính quyền điện tử, các chương trình hỗ trợ tại trung tâm dữ liệu của tỉnh, tại các trung tâm phục vụ hành chính công, cung cấp nền tảng dịch vụ đô thị thông minh của tỉnh Gia Lai.

- Triển khai các giải pháp về hệ thống lưu trữ, sao lưu, đáp ứng yêu cầu lưu trữ và sao lưu dữ liệu của các hệ thống thông tin phục vụ chính quyền điện tử và các hệ thống thông tin, dữ liệu phục vụ đô thị thông minh.

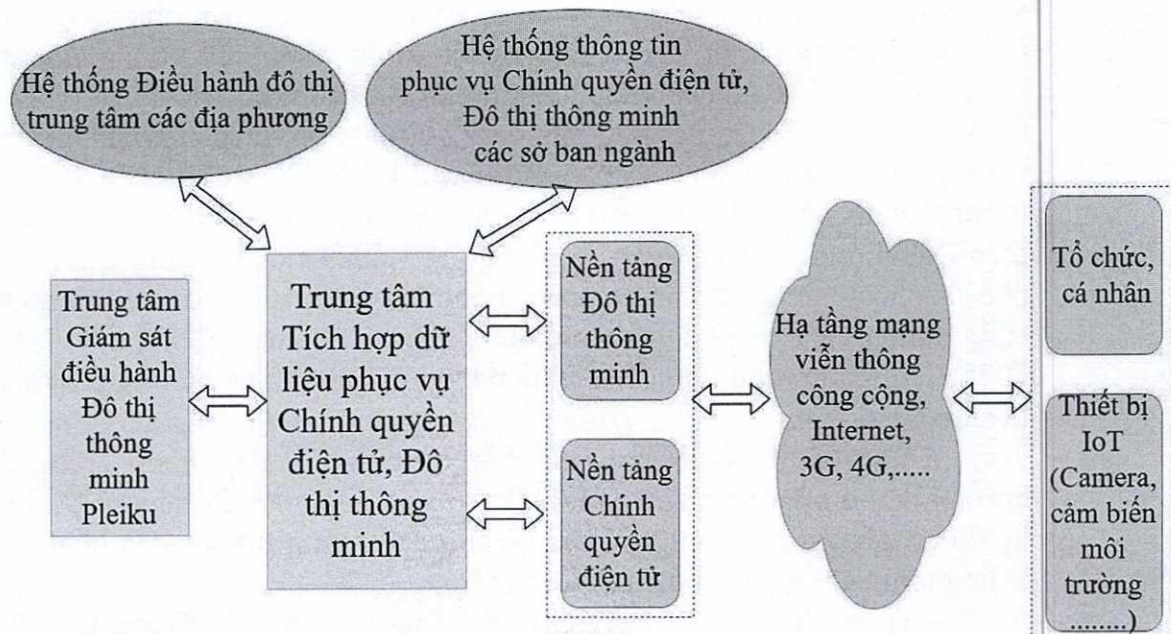
- Triển khai các phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu, phần mềm hệ thống, phần mềm máy chủ, phần mềm lớp giữa, phần mềm dịch vụ, phần mềm tiện ích tại trung tâm dữ liệu của tỉnh và tại các trung tâm hành chính công. Triển khai dịch vụ Giám sát dịch vụ công; hệ thống hiển thị trực quan thông tin phục vụ giám sát, điều hành (Dashboard).

- Triển khai hệ thống phần mềm bảo vệ chống lại virus, malware, spyware..., đảm bảo tính bảo mật dữ liệu và hiệu quả hoạt động của hệ thống CNTT.

- Hình thành tổ chức, nhân sự quản trị hệ thống trung tâm dữ liệu: có đủ số lượng, đáp ứng yêu cầu kiến thức, chuyên môn trong việc quản trị hệ thống máy chủ, thiết bị lưu trữ, phần mềm hệ thống và giải pháp công nghệ nền tảng phát triển Chính quyền điện tử.

- Ban hành, hoàn thiện các cơ chế, chính sách cấp tỉnh về an toàn thông tin đảm bảo cơ chế truy cập hệ thống máy chủ, máy trạm, thiết bị lưu trữ an toàn, hiệu quả.

* Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Gia Lai thực hiện chức là trung tâm vận hành các hệ thống thông tin phục vụ Chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai; giám sát, đảm bảo an toàn, an ninh mạng và cung cấp các nền tảng, dịch vụ cho đô thị thông minh. Đây là một thành phần cốt lõi trong mô hình hệ thống đô thị thông minh, chi tiết theo mô hình sau:



Hình – Mô hình các thành phần của hệ thống đô thị thông minh

Trong đó:

- Hệ thống thông tin chính quyền điện tử: Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; phần mềm Quản lý giao việc; hệ thống Thư điện tử công vụ; hệ thống Một cửa điện tử liên thông; Cổng dịch vụ công của tỉnh; các dịch vụ công trực tuyến; hệ thống Cổng/trang thông tin điện tử;...

- Các nền tảng, dịch vụ đô thị thông minh được vận hành tại Trung tâm: là hệ thống kỹ thuật được xây dựng hỗ trợ toàn bộ các dịch vụ và ứng dụng, dịch vụ đô thị thông minh. Nền tảng đô thị thông minh tích hợp các hệ thống đang có và các ứng dụng, dịch vụ trong tương lai của đô thị một cách hiệu quả, bảo mật và có khả năng mở rộng và gắn kết với chính quyền điện tử.;

- Kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, trung tâm phục vụ đô thị thông minh như: Trung tâm điều hành đô thị thông minh của thành phố Pleiku; các hệ thống điều hành thông minh từ các địa phương, các hệ thống thông tin của các sở, ban, ngành,... Trong giai đoạn hiện nay, các dịch vụ nền tảng của đô thị thông minh phục vụ phát triển thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh được cung cấp đồng thời theo mô hình quản lý tập trung và phân tán để Trung tâm điều hành đô thị thông minh của thành phố Pleiku tích hợp, sử dụng. Các dịch vụ đô thị thông minh được cung cấp thực hiện 3 khối chức năng chính:

- + Giám sát, phân phối: Là hoạt động giám sát được hỗ trợ bởi công nghệ thông minh để nhận diện các vấn đề cần quan tâm của đô thị thông minh. Kết quả giám sát sẽ được phân phối đến cơ quan chuyên môn liên quan để nắm thông tin hoặc cơ quan có thẩm quyền để xử lý. Phối hợp với các cơ quan theo dõi, giám sát, đôn đốc việc xử lý.

- + Điều hành, điều phối: Cho phép điều hành (trên cơ sở uỷ quyền), điều phối các cơ quan chuyên môn triển khai hoạt động, công việc thuộc thẩm quyền quản lý.

- + Hỗ trợ ra quyết định, chỉ huy: tổng hợp thông tin, phân tích dữ liệu giúp lãnh đạo ra quyết định điều hành, phát triển thành phố. Đảm bảo sẵn sàng

các điều kiện, quy trình hỗ trợ cho lãnh đạo ra quyết định chỉ đạo, chỉ huy các vụ việc nóng, nhạy cảm có tính tức thời, điều hành hoạt động các lực lượng xử lý tại hiện trường trong các trường hợp khẩn cấp (như chống bạo loạn, biểu tình, thiên tai bão lụt .v.v.)...

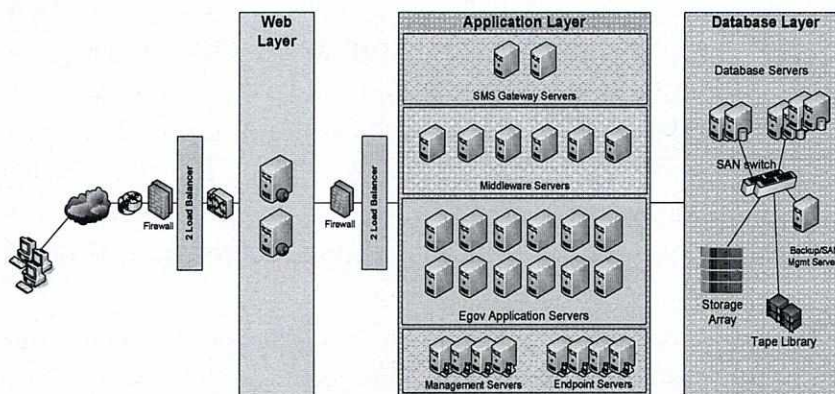
Hướng đầu tư:

Giai đoạn 1:

- Bố trí trụ sở mới để phục vụ vận hành Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Gia Lai (Chính quyền điện tử), giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Gia Lai; Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng tập trung (SOC) tỉnh Gia Lai...

- Xây dựng trung tâm dữ liệu bảo đảm nền tảng triển khai các ứng dụng CNTT (như mạng truyền dẫn, hệ thống máy chủ, mạng, thiết bị bảo đảm an toàn, an ninh thông tin,...) của các hệ thống thành phần Chính quyền điện tử, đô thị thông minh, SOC tập trung toàn tỉnh. Đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục 24/7 phục vụ tốt cho việc khai thác thông tin của công dân và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin,...

- Đầu tư, kết nối các hệ thống, thành phần của đô thị thông minh trên toàn tỉnh.



Giai đoạn 2:

- Bổ sung máy chủ, lưu trữ, phần mềm nền tảng, phần mềm CSDL, hệ thống SOC (an ninh mạng).

- Dịch chuyển các máy chủ đơn lẻ từ các cơ quan, sở ngành về tập trung tại Trung tâm tích hợp dữ liệu.

- Triển khai giải pháp điện toán đám mây cho Trung tâm dữ liệu để đảm bảo triển khai dịch vụ dữ liệu lớn (BigData).

- Chuyển Trung tâm tích hợp dữ liệu hiện nay (địa chỉ 105 Hùng Vương, Pleiku, Gia Lai) thành Trung tâm tích hợp dữ liệu dự phòng.

* Phù hợp với Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành (chỉ số 7.1.2.1: Sự sẵn sàng của hạ tầng giúp người dân tham gia phản hồi thông tin cho Chính quyền điện tử).

Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

b) Triển khai hệ thống chatbot tra cứu thủ tục hành chính, hướng dẫn một số vấn đề người dân quan tâm nhiều:

Triển khai chatbot trên Cổng thông tin điện tử thành phố Pleiku,

(<http://pleiku.gov.vn>) hoặc các ứng dụng cung cấp dịch vụ đô thị thông minh của thành phố Pleiku. Thông qua chatbot, công dân và doanh nghiệp có thể được tư vấn thủ tục hành chính, tình trạng hồ sơ ngay tức thời, mọi lúc, mọi nơi, tạo sự thuận tiện cho tổ chức, công dân, và giảm chi phí vận hành cho cơ quan nhà nước. Sau đó triển khai nhân rộng trên phạm vi toàn tỉnh.

Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

* Phù hợp với Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành (chỉ số 7.2.1.1: c) Hỗ trợ thực hiện thủ tục hành chính ứng dụng ICT).

c) Cập nhật, nâng cấp các Hệ thống thông tin phục vụ chính quyền điện tử:

Các hệ thống thông tin đang triển khai cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đã lâu, tần suất sử dụng ngày càng tăng lên, công nghệ ngày càng phát triển, yêu cầu sử dụng ngày càng cao, do vậy cần phải tiến hành nâng cấp, cập nhật để kịp thời đáp ứng yêu cầu của sự phát triển. Trong đó ưu tiên các hệ thống dùng chung như: Quản lý văn bản và điều hành; Một cửa điện tử; Thư điện tử công vụ; các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4...

Cơ quan thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

* Phù hợp với Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành (chỉ số 7.2: Lớp Hiệu quả hoạt động của bộ máy Chính quyền đô thị).

3.4.2. Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật các cơ quan thuộc UBND thành phố Pleiku:

Đầu tư cơ sở hạ tầng cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố để tiếp tục ứng dụng các phần mềm dùng chung của tỉnh đã được triển khai, như : máy vi tính, máy in, thiết bị mạng, hệ thống mạng nội bộ...Đồng thời đáp ứng yêu cầu triển khai các hệ thống thông tin phục vụ đô thị thông minh.

Cơ quan chủ trì: UBND thành phố Pleiku.

* Phù hợp với Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành (chỉ số 7.2: Lớp Hiệu quả hoạt động của bộ máy Chính quyền đô thị).

3.4.3. Triển khai chữ ký số trong dịch vụ công trực tuyến; trong các thiết bị di động:

Hiện tại, thành phố Pleiku đã triển khai các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 nhưng chưa được tích hợp chữ ký số. Hệ thống quản lý văn bản và điều hành đã được tích hợp chữ ký số do Ban Cơ yếu Chính phủ cung cấp, nhưng chưa triển khai chữ ký số trên các thiết bị di động. Do vậy, cần triển khai chữ ký số trong các dịch vụ công trực tuyến và chữ ký số trên các thiết bị di động để tạo thuận lợi trong việc xử lý thủ tục hành chính và gửi văn bản điện tử trên địa bàn thành phố Pleiku, sau đó nhân rộng trên phạm vi toàn tỉnh.

Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

* Phù hợp với Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành (chỉ số 7.3.2.1: An toàn thông tin).

3.4.4. Triển khai số hóa tài liệu giấy:

Với phương pháp quản lý tài liệu lưu trữ truyền thống, chúng ta phải bảo quản tài liệu với các vật mang tin của từng loại hình tài liệu lưu trữ riêng, như:

tài liệu giấy, tài liệu phim ảnh, phim điện ảnh, tài liệu ghi âm..., vì các chế độ bảo quản tài liệu như chế độ nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng khác nhau; hoặc thiết bị phục vụ khai thác, sử dụng từng tài liệu đó cũng khác nhau. Nhưng với dữ liệu số, chúng ta đã loại trừ được hầu hết sự khác biệt đó, tạo thuận lợi cho người sử dụng.

Đồng thời, việc triển khai số hóa các tài liệu giấy sẽ hình thành kho lưu trữ dữ liệu số, làm nền tảng để triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin trong tương lai của UBND thành phố Pleiku.

Cơ quan chủ trì: UBND thành phố Pleiku.

* Phù hợp với Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành (chỉ số 7.3.1.2: Chia sẻ tài nguyên).

3.4.5. Triển khai hệ thống bốc số tự động qua mạng để đăng ký thực hiện các thủ tục hành chính tại Trung tâm phục vụ hành chính công:

Thay vì xếp hàng chờ ở bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ (gọi tắt là bộ phận 1 cửa), công dân có thể nhắn tin qua điện thoại hay đăng ký trên website lấy số thứ tự để giải quyết hồ sơ.

Công dân muốn đặt giờ giải quyết thủ tục sẽ gửi tin nhắn đến tổng đài với cú pháp theo quy định chung (do thành phố tự định nghĩa). Hệ thống sẽ tiếp nhận tin nhắn, điều khiển việc cấp số, phần mềm tự động phân tải người đợi,... Đồng thời tổng đài gửi lại tin nhắn phản hồi kèm số thứ tự, giờ xử lý,... đến công dân

Khi hoàn tất việc nhắn tin, hệ thống tự động ghi nhận và chuyển về máy tính tiếp nhận ở Bộ phận 1 cửa để sắp xếp thứ tự theo thời gian thực với công dân đến lấy số trực tiếp. Ai đăng ký trước có số trước, không phân biệt hình thức xếp hàng truyền thống hay đặt chỗ trực tuyến. Mọi số thứ tự sẽ hiển thị trên màn hình LED TV lắp đặt tại Bộ phận 1 cửa....

Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

* Phù hợp với Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành (chỉ số 7.2.1.1: c) Hỗ trợ thực hiện thủ tục hành chính ứng dụng ICT).

3.4.6. Xây dựng cổng dữ liệu mở tỉnh Gia Lai:

Dữ liệu mở là các dữ liệu chuyên ngành do nhà nước công bố, cấp phép để các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng lại hoặc phân phối. Triển khai hệ thống dữ liệu mở là một hợp phần không thể thiếu của xây dựng đô thị thông minh, nhằm bảo đảm quyền truy cập tới các dữ liệu của chính phủ, đảm bảo tính công khai, minh bạch và sự tham gia hợp tác của người dân, doanh nghiệp tạo ra các sản phẩm, giá trị mới cho xã hội.

Cổng thông tin dữ liệu mở (Open Data Portal) là nơi công bố dữ liệu công khai. Dữ liệu được kết xuất tự động từ các CSDL nền, CSDL chuyên ngành, từ các hệ thống thông tin, ứng dụng đô thị thông minh hoặc từ điều tra, khảo sát.

Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

* Phù hợp với Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành (chỉ số 7.3.1.2: Chia sẻ tài nguyên).

3.4.7. Xây dựng ứng dụng đô thị thông minh trên di động:

Ứng dụng hoạt động trên các thiết bị di động như điện thoại thông minh,

máy tính bảng,...cung cấp, kết nối đến các dịch vụ của đô thị thông minh, cung cấp các thông tin cần thiết cho người dân và khả năng tương tác giữa người dân và chính quyền về chất lượng dịch vụ công, tiếp nhận phản ánh về các vấn đề của đô thị (an ninh an toàn, môi trường, mỹ quan đô thị,...)

Cơ quan thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

* Phù hợp với Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành (chỉ số 7.2.1.3: c) Tình hình ứng dụng ICT trong đăng ký khám chữa bệnh; chỉ số 7.2.1.5: b) Tình hình ứng dụng ICT trong kết nối gia đình và nhà trường; chỉ số 7.2.1.6: a) Tình hình phổ biến thông tin việc làm...).

3.5. Nhóm nhiệm vụ về kinh tế:

3.5.1. Ứng dụng CNTT trong nông nghiệp:

Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại sẽ tạo ra các công nghệ hoàn toàn mới là động lực thúc đẩy cho sản xuất phát triển theo chiều sâu, giảm hẳn tiêu hao năng lượng và nguyên liệu, giảm tác hại cho môi trường, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của sản xuất. Đặc biệt, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 có nhiều tác động đến đời sống xã hội trên nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực nông nghiệp. Với lợi thế tiềm năng của thành phố, lĩnh vực nông nghiệp cần phát triển theo hướng nông nghiệp thông minh, giúp cho việc canh tác nông nghiệp được kiểm soát một cách chặt chẽ và mang lại năng suất, hiệu quả, chất lượng sản phẩm cao hơn.

Trong mô hình này nhiều ứng dụng công nghệ được sử dụng như: Bản đồ công nghệ dùng để mô phỏng, GIS, GPS; hệ thống giám sát (năng suất, bản đồ năng suất, đất, cây trồng, cỏ dại, và xác định bệnh, định lượng và mối quan hệ của chúng); công nghệ cảm biến và công nghệ điều khiển; công nghệ bón phân, bộ điều khiển tưới thông minh, độ ẩm đất và cảm biến chất lượng cũng như sinh lý của cây trồng; hệ thống thu hoạch chính xác; hệ thống thông tin quản lý, hệ thống hỗ trợ quyết định...

Đầu tư hạ tầng kỹ thuật cần thiết vận hành hệ thống.

Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Gia Lai để phục vụ chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo tỉnh.

* Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

* Phù hợp với Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành (chỉ số 7.2.1.4: Dịch vụ an toàn vệ sinh thực phẩm).

3.5.2. Ứng dụng CNTT trong lĩnh vực du lịch:

3.5.2.1. Xây dựng Cổng thông tin và ứng dụng du lịch thông minh phục vụ du khách trên thiết bị di động tích hợp bản đồ số:

Xây dựng Cổng thông tin và ứng dụng du lịch thông minh phục vụ du khách trên thiết bị di động tích hợp bản đồ số nhằm tạo kênh truyền thông trực tuyến hiệu quả trong công tác xúc tiến, quảng bá du lịch, giới thiệu hình ảnh du lịch Gia Lai nói chung và thành phố Pleiku nói riêng đến với du khách trong và ngoài nước. Hỗ trợ người dân, du khách tìm hiểu thông tin, lên kế hoạch chuyến đi trước khi đến Gia Lai cũng như dễ dàng truy cập, tra cứu thông tin, sử dụng các tiện ích trực tuyến khi tham quan, lưu trú tại tỉnh. Các ứng dụng này ngoài cung cấp đầy đủ thông tin du lịch còn có các tiện ích tương tác thông minh: bản đồ tương tác, tạo lịch trình tự động, tìm kiếm bằng giọng nói, từ điển chuyển

đổi, thăm quan ảo, nhận diện điểm đến, hướng dẫn viên ảo...

Cổng thông tin đồng thời là cầu nối trung gian, hỗ trợ, quảng bá các sản phẩm, dịch vụ cho các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch trong tỉnh, kết nối doanh nghiệp - du khách.

Đầu tư hạ tầng kỹ thuật cần thiết vận hành hệ thống.

Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Gia Lai để phục vụ chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo tỉnh.

Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

* Phù hợp với Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành (chỉ số 7.3.1.2: Chia sẻ tài nguyên).

3.4.2.2. Kết nối CSDL ngành du lịch, hệ thống thông tin tiếp thị điểm đến, bản đồ các cơ sở văn hóa - du lịch - nhà hàng - khách sạn:

Phát triển hệ thống bản đồ thông tin du lịch trên nền dữ liệu GIS (hiện có) kết hợp số hóa thông tin các điểm đến, sản phẩm du lịch, dữ liệu về văn hóa, bảo tàng,... để tạo lập các CSDL chuyên ngành du lịch của địa phương (trong đó có thành phố Pleiku).

Xây dựng kênh quảng bá du lịch trực tuyến nhằm quảng bá thông tin du lịch tỉnh Gia Lai nói chung và thành phố Pleiku nói riêng dưới nhiều hình thức; triển khai hệ thống tin nhắn SMS tự động tương tác với du khách, hệ thống trao đổi tư vấn qua các kênh thông tin như mạng xã hội, Zalo,.... kết hợp thương mại điện tử, marketing và truyền thông xã hội....

Minh bạch hóa thông tin dịch vụ du lịch của tỉnh, xây dựng công cụ tiếp thị cho các bên liên quan tại địa phương như khách sạn, nhà hàng, đơn vị tổ chức sự kiện, công ty lữ hành... Xây dựng các hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành như nhằm công khai, minh bạch thông tin tạo ra môi trường du lịch an toàn, thân thiện hơn với du khách.

Cung cấp thông tin đô thị cần thiết; tích hợp, kết nối các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến các hoạt động du lịch như: đăng ký lưu trú, kê khai hải quan, thanh toán trực tuyến... thông qua các ứng dụng du lịch thông minh để tạo thuận tiện cho doanh nghiệp, du khách.

Đầu tư hạ tầng kỹ thuật cần thiết vận hành hệ thống.

Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Gia Lai để phục vụ chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo tỉnh.

Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

* Phù hợp với Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành (chỉ số 7.3.1.2: Chia sẻ tài nguyên).

3.6. Nhóm nhiệm vụ về y tế, chăm sóc sức khỏe dân cư:

3.6.1. Xây dựng và triển khai cơ sở dữ liệu, phần mềm Hồ sơ sức khỏe công dân:

CSDL bệnh nhân là nơi tập hợp thông tin số hóa của các bệnh nhân đã và đang điều trị tại các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Pleiku. Thông tin bệnh nhân được chuẩn hóa theo các chuẩn do Bộ Y tế ban hành để có thể liên thông chia sẻ dữ liệu giữa các tuyến, các cơ sở y tế, và các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ... giảm thiểu tối đa phiền hà cho người bệnh và tăng hiệu quả khám chữa trị.

Phần mềm Hồ sơ sức khỏe công dân: Giải pháp thay thế bệnh án, y bạ

thông thường viết trên giấy thành hồ sơ sức khỏe điện tử lưu trữ trên hệ thống CNTT. Người dân có thể theo dõi và sử dụng số y bạ điện tử trên các thiết bị di động. Giải pháp có thể tích hợp với phần mềm Y tế Cơ sở, phần mềm quản lý bệnh viện HIS và công tích hợp dữ liệu về Y tế.

Đầu tư hạ tầng kỹ thuật cần thiết vận hành hệ thống.

Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Gia Lai để phục vụ chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo tỉnh.

Cơ quan chủ trì: Sở Y tế.

* Phù hợp với Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành (chỉ số 7.2.1.3: Dịch vụ y tế).

3.6.2. Xây dựng và triển khai hệ thống hỗ trợ khám chữa bệnh từ xa:

Triển khai sản giao dịch y tế điện tử nhằm kết nối giữa người bệnh và các y bác sỹ (trong và ngoài tỉnh) trong công tác khám, chữa bệnh, hỗ trợ người bệnh được tiếp cận các bác sỹ giỏi mà không bị giới hạn về không gian, thời gian, hỗ trợ giảm tải cho các bệnh viện của tỉnh. Tiến tới hình thành CSDL bệnh nhân trên địa bàn thành phố.

Đầu tư hạ tầng kỹ thuật cần thiết vận hành hệ thống.

Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Gia Lai để phục vụ chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo tỉnh.

Cơ quan chủ trì: Sở Y tế.

* Phù hợp với Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành (chỉ số 7.2.1.3: Dịch vụ y tế).

3.6.3. Xây dựng cơ sở dữ liệu về vệ sinh an toàn thực phẩm và hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm:

Cơ sở dữ liệu cơ sở thực phẩm tập hợp thông tin về các cơ sở nuôi trồng, chế biến và kinh doanh thực phẩm trên địa bàn thành phố Pleiku, cùng với các thông tin chuyên ngành như Giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm, loại thực phẩm đang kinh doanh và các chứng chỉ - giấy phép có liên quan. Quản lý tất cả các chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm đã cấp cho các cơ sở kinh doanh thực phẩm, cũng như nội dung và kết quả thanh kiểm tra tại các cơ sở và phản ánh của cộng đồng về tình trạng vệ sinh an toàn thực phẩm, qua đó siết chặt và nâng cao hiệu quả giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các cơ sở kinh doanh thực phẩm.

Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm: Ứng dụng CNTT để dán nhãn và nhập thông tin về quá trình sản xuất, vận chuyển, buôn bán thực phẩm trên toàn bộ chuỗi cung ứng từ cơ sở nuôi trồng cho đến nơi tiêu thụ, qua đó cho phép người dân và cơ quan quản lý có thể truy xuất được nguồn gốc thực phẩm khi có sự cố vệ sinh an toàn thực phẩm xảy ra (qua SMS, QR Code, mạng xã hội); trước tiên triển khai cho Trung tâm thương mại Pleiku, sau đó nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

Việc thực hiện cần phải đảm bảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 về việc phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc; quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Quyết định số 2979/QĐ-BKHCN ngày 14/10/2019 về ban hành Kế hoạch của Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc.

Đầu tư hạ tầng kỹ thuật cần thiết vận hành hệ thống.

Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Gia Lai để phục vụ chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo tỉnh.

Cơ quan chủ trì: Sở Y tế; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

* Phù hợp với Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành (chỉ số 7.2.1.4: Dịch vụ an toàn vệ sinh thực phẩm).

3.6.4. Xây dựng cổng thông tin điện tử ngành Y tế và các đơn vị điều trị trên địa bàn thành phố Pleiku, tích hợp cung cấp các tiện ích phục vụ người dân:

Cổng thông tin điện tử ngành Y tế được hình thành sẽ cung cấp thông tin đầy đủ về mạng lưới y tế (trong đó có hệ thống y tế trên địa bàn thành phố) phục vụ nhu cầu người dân; giúp cơ quan quản lý nhà nước quản lý chặt chẽ hoạt động cung ứng các dịch vụ công của ngành y tế, tăng cường công khai, minh bạch hoạt động giải quyết thủ tục hành chính công trên môi trường mạng, cũng như cung cấp nhiều thông tin chuyên ngành đặc thù về ngành Y tế, cung cấp các tiện ích phục vụ người dân và doanh nghiệp trong việc thực hiện các thủ tục hành chính, thực hiện các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4,...

Tích hợp tiện ích lấy số tự động hoạt động với mô hình: Người bệnh có thể nhắn tin qua điện thoại hay đăng ký trên cổng thông tin điện tử ngành Y tế để lấy số thứ tự vào phòng khám. Hệ thống bao gồm máy chủ tiếp nhận tin nhắn, điều khiển việc cấp số, phần mềm tự động phân tải người đợi, màn hình LED TV báo số thứ tự tại bệnh viện. Bệnh nhân muốn đặt giờ khám sẽ gửi tin nhắn đến tổng đài với cú pháp do Bệnh viện tự định nghĩa. Tổng đài gửi lại tin nhắn phản hồi kèm số thứ tự, giờ khám, số đang khám tại khoa được đăng ký. Khi hoàn tất việc nhắn tin, hệ thống tự động ghi nhận và chuyển về máy tính tiếp nhận ở bệnh viện để sắp xếp thứ tự theo thời gian thực với bệnh nhân đến lấy số trực tiếp (Ai đăng ký trước có số trước, không phân biệt hình thức xếp hàng truyền thống hay đặt chỗ trực tuyến). Mọi số thứ tự sẽ hiển thị trên màn hình LED TV lắp đặt tại phòng khám hay hành lang bệnh viện...Để tra cứu thông tin số thứ tự nào đang khám, bệnh nhân nhắn tin hoặc vào cổng thông tin điện tử ngành Y tế để tra cứu. Hệ thống tin nhắn cũng cho phép sử dụng dịch vụ báo tin nhắc khi gần tới lượt, trước 2-3 người, giúp người bệnh sắp xếp thời gian di chuyển. Trước mắt sẽ thí điểm cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh, sau đó mở rộng cho các bệnh viện khác.

Đầu tư hạ tầng kỹ thuật cần thiết vận hành hệ thống.

Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Gia Lai để phục vụ chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo tỉnh.

Cơ quan chủ trì: Sở Y tế.

* Phù hợp với Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành (chỉ số 7.2.1.3: Dịch vụ y tế).

3.6.5. Xây dựng hồ sơ bệnh án điện tử:

Theo Thông tư số 46/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế “V/v quy định hồ sơ bệnh án điện tử” thì lộ trình thực hiện từ năm 2019-2023 các cơ sở khám chữa bệnh hạng I (hiện Bệnh viện Đa khoa tỉnh đang xây dựng lên hạng I); giai đoạn 2024-2028 tất cả các cơ sở khám, chữa bệnh trên toàn quốc phải triển khai hồ sơ bệnh án điện tử.

Đầu tư hạ tầng kỹ thuật cần thiết vận hành hệ thống.

Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Gia Lai để phục vụ chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo tỉnh.

Cơ quan chủ trì: Sở Y tế.

* Phù hợp với Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành (chỉ số 7.2.1.3: Dịch vụ y tế).

3.7. Nhóm nhiệm vụ về giáo dục:

3.7.1. Xây dựng trường học thông minh cho các trường Trung học phổ thông:

Để xây dựng được một nền giáo dục chất lượng cao, hướng tới nền giáo dục thông minh, đòi hỏi ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố phải tiếp tục đổi mới một cách cơ bản và toàn diện, trên tất cả các mặt, trong đó có đổi mới về phương pháp, hiện đại hóa môi trường giảng dạy và học tập của các cấp học. Lấy công nghệ thông tin làm phương tiện để thay đổi, giúp mở rộng không gian, thời gian, tài liệu dạy học và phương pháp, hình thức dạy học, giúp vượt qua các giới hạn của bài giảng trên lớp thông thường:

- Xây dựng hạ tầng mạng kết nối thí điểm các trường, cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Pleiku với các cơ quan quản lý Giáo dục và Đào tạo thành phố, của tỉnh.

- Đầu tư các trang thiết bị, xây dựng, triển khai các ứng dụng, phần mềm để hỗ trợ quản lý giáo dục và quản trị nhà trường, phục vụ giảng dạy và học tập, phù hợp với xu thế phát triển công nghệ thông tin - truyền thông; lấy địa bàn thành phố làm địa bàn trọng tâm để triển khai, đánh giá, nhân rộng trên phạm vi toàn tỉnh.

- Đầu tư hạ tầng kỹ thuật cần thiết vận hành hệ thống.

- Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Gia Lai để phục vụ chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo tỉnh.

Cơ quan chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo.

* Phù hợp với Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành (chỉ số 7.2.1.5: Dịch vụ giáo dục).

3.7.2. Xây dựng hệ thống E-learning (học trực tuyến):

E-learning được hiểu một cách chung nhất là quá trình học thông qua các phương tiện điện tử, quá trình học thông qua mạng Internet và các công nghệ Web. Nhìn từ góc độ kỹ thuật, có thể định nghĩa “E-learning” là hình thức đào tạo có sự hỗ trợ của công nghệ điện tử, quá trình học thông qua web, qua máy tính, lớp học ảo và sự liên kết số. Nội dung được phân phối đến các lớp học thông qua mạng Internet, intranet/extranet, băng audio và video, vệ tinh quảng bá, truyền hình, CD-ROM, và các phương tiện điện tử khác. E - learning được xem là hình thức học tập lấy người học làm trung tâm, giáo viên đóng vai trò hỗ trợ. Theo đó, học sinh làm chủ quá trình học của mình, sử dụng máy tính để tự học các bài giảng mà giáo viên đã soạn sẵn, hoặc xem các đoạn phim về các tiết dạy của giáo viên, hoặc có thể trao đổi trực tuyến với giáo viên thông qua mạng Internet.

Cơ quan chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo.

* Phù hợp với Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành (chỉ số 7.2.1.5: Dịch vụ giáo dục).

3.8. Nhóm nhiệm vụ về quản lý trật tự xã hội:

Xây dựng hệ thống camera giám sát an ninh; giám sát vi phạm giao thông tại các tuyến đường, điểm du lịch, khu vực công cộng và các khu vực trọng yếu trong thành phố. Đảm bảo giám sát an ninh các khu vực trọng yếu cần phải bảo vệ một cách kịp thời, an toàn và tự động.

Huy động nguồn lực trong dân cư để kết nối các hệ thống camera của người dân đã đầu tư nhằm mở rộng mạng lưới camera đồng thời giảm ngân sách đầu tư.

Xây dựng trung tâm giám sát an ninh; triển khai các hệ thống nhận dạng (nhận dạng biển số, hình ảnh, khuôn mặt,...), hệ thống cung cấp hình ảnh hiện trường, phân tích, đánh giá các nguy cơ mất trật tự để gửi cảnh báo kịp thời cho các lực lượng chức năng; kết nối với các cơ sở dữ liệu về tội phạm để hỗ trợ công tác phòng chống tội phạm của các cơ quan chức năng,....

Hệ thống thông tin được chia sẻ để đồng thời hỗ trợ công tác quản lý trật tự đô thị của các lực lượng chức năng của chính quyền thành phố.

Cung cấp các tiện ích giúp cư dân đô thị có thể giao tiếp cung cấp thông tin, hỗ trợ cho hoạt động quản lý an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Gia Lai để phục vụ chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo tỉnh.

Cơ quan chủ trì: Công an tỉnh.

* Phù hợp với Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành (chỉ số 7.2.2.2: An ninh trật tự và phòng cháy chữa cháy của đô thị).

3.8. Nhóm nhiệm vụ về môi trường:

3.9.1. Xây dựng hệ thống quan trắc nước của thành phố tập trung:

Hiện nay, thành phố Pleiku hay bất kỳ thành phố nào cũng đối diện với vấn đề nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp. Các hệ thống thu gom và các trạm xử lý nước thải trên khắp địa bàn thành phố Pleiku đang được giám sát, điều khiển rời rạc và quản lý riêng lẻ, khó kiểm soát. Chưa có công cụ để giám sát, quản lý tập trung toàn hệ thống. Do vậy, cần triển khai hệ thống quan trắc để giám sát nước thải trong thành phố, nhất là tại các khu công nghiệp, khu dân cư đông đúc,...góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Đồng thời lắp đặt các trạm quan trắc chất lượng nước để đo các chất gây ô nhiễm như đo nồng độ oxy (COD), phosphates tổng (TP), Nitơ tổng (TN), v.v... các thông số khác tại các khu vực nguồn cấp nước cho thành phố để đảm bảo chất lượng nước sinh hoạt cho thành phố.

Đầu tư hạ tầng kỹ thuật cần thiết vận hành hệ thống.

Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Gia Lai để phục vụ chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo tỉnh.

Cơ quan chủ trì: UBND thành phố Pleiku.

* Phù hợp với Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành (chỉ số 7.2.3.1: Bảo vệ môi trường).

3.9.2. Hệ thống thu gom rác thải thông minh:

Triển khai, lắp đặt các thùng rác gắn cảm biến thông minh tại các khu vực công cộng, tập trung đông người, giúp cung cấp chính xác tình trạng rác thải và gửi về hệ thống thông tin quản lý rác thải để tiến hành thu gom kịp thời.

Đầu tư xây dựng, nâng cấp nhà máy thu gom, xử lý rác thải với hệ thống dây chuyền công nghệ phân loại, tận dụng, tái chế rác để sản xuất điện năng, phân bón,...

Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Gia Lai để phục vụ chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo tỉnh.

Cơ quan chủ trì: UBND thành phố Pleiku.

* Phù hợp với Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành (chỉ số 7.2.3.1: Bảo vệ môi trường).

3.9.3. Hệ thống quan trắc không khí

Triển khai các trạm quan trắc không khí tự động (AQMS) để đo tốc độ gió, hướng, các thông số thời tiết khác, nồng độ các chất ô nhiễm không khí (như SO₂, NO_x, CO, O₃, THC v.v...), và các mục cụ thể khác liên tục quanh năm tại các điểm du lịch, khu vực trường học, khu thương mại, các khu dân cư tập trung đông người... để thu thập các dữ liệu về môi trường không khí.

Triển khai các trạm quan trắc khí thải tự động (CEMS) là thiết bị để lưu lượng, bụi, nồng độ các chất gây ô nhiễm trong không khí (như SO₂, NO_x, CO v.v...) và các chất ô nhiễm khác theo yêu cầu tại các khu vực có nhiều cơ sở chế biến, khu công nghiệp (Trà Đa, Tây Pleiku,...) để thu thập thông tin, xác định các nguồn gây ô nhiễm,...

Các thông tin thu thập từ các trạm được truyền tải đến các hệ thống thông tin quản lý để giúp các cơ quan chức năng có các giải pháp kịp thời, bảo vệ môi trường không khí của thành phố.

Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Gia Lai để phục vụ chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo tỉnh.

Cơ quan chủ trì: UBND thành phố Pleiku.

* Phù hợp với Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành (chỉ số 7.2.3.1: Bảo vệ môi trường).

3.10. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin cho đô thị thông minh:

Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin là giải pháp có ý nghĩa quyết định đối với việc xây dựng đô thị thông minh. Trọng tâm là tuyển dụng nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao, kết hợp với đào tạo bổ sung, cập nhật kiến thức mới cho nhân lực hiện có. Tạo ra thị trường cho các nhóm đối tượng trong xã hội thực hiện đào tạo theo hướng đổi mới nội dung chương trình, mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu của thị trường.

Phát triển các hình thức liên kết đào tạo; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ về công nghệ thông tin. Chú trọng đào tạo chuyên sâu về kỹ năng ứng dụng, sử dụng và khai thác có hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin. Đẩy mạnh công nghệ giáo dục thông minh cho việc đào tạo nguồn nhân lực CNTT.

Đào tạo cán bộ công chức: Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phổ cập thường xuyên cho cán bộ công chức trong toàn tỉnh về kiến thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, an toàn an ninh thông tin để có thể thực hiện các quy trình tin học hóa về nghiệp vụ và tác nghiệp. Đồng thời, tiến hành đào tạo, tập huấn cho các cán bộ, công chức tuyển dụng mới về kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin tích hợp của đô thị thông minh.

Đào tạo cán bộ chuyên trách CNTT: Triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về xây dựng, quản lý và giám sát các dự án ứng dụng CNTT, an toàn, an ninh thông tin cho cán bộ chuyên trách CNTT; tổ chức đào tạo chuyên sâu, đào tạo được một số chuyên gia, triển khai ứng dụng thông minh của các lĩnh vực.

Đào tạo cán bộ lãnh đạo CNTT (CIO): Triển khai các chương trình đào tạo tập huấn về quản lý, chỉ đạo tổ chức ứng dụng CNTT để giải quyết các vấn đề nghiệp vụ, quản lý chi phí và rủi ro; kỹ năng nhận diện và đánh giá những phát triển công nghệ mới; kỹ năng tư duy và chuyển giao các dự án ứng dụng thông minh để thực hiện tốt chiến lược xây dựng và phát triển đô thị thông minh.

Triển khai các chương trình đào tạo công dân điện tử phù hợp với từng mức độ, từng địa phương đáp ứng nhu cầu khai thác, sử dụng các ứng dụng thông minh, dịch vụ cung cấp cho người dân và doanh nghiệp.

Tăng cường đào tạo, nâng cao nhận thức, phát huy năng lực của thanh niên, lực lượng nòng cốt đi đầu để hình thành công dân thông minh.

Đào tạo nguồn nhân lực an toàn thông tin cho việc vận hành, quản lý... đô thị thông minh.

Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nội vụ; UBND thành phố Pleiku.

* Phù hợp với Bộ chỉ số đô thị thông minh Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành (chỉ số 7.3.3.1: b) Sự sẵn sàng về nguồn nhân lực ICT cho xây dựng ĐTTM).

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhóm giải pháp về chính sách:

- Lồng ghép, đưa các nhiệm vụ của Đề án vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; kế hoạch đầu tư công; kế hoạch ứng dụng CNTT của tỉnh (trong đó phân công từng đơn vị chủ trì thực hiện các nhiệm vụ/dự án nêu tại Phần III)...để làm căn cứ triển khai thực hiện.

- Khai thác hiệu quả các ứng dụng công nghệ thông tin trong đô thị thông minh nhằm tăng cường quản lý tác nghiệp, phục vụ cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp, quản lý nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp.

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để nâng cao nhận thức cho các cơ quan nhà nước, các tổ chức, doanh nghiệp, người dân về xây dựng đô thị thông minh tạo sự đồng thuận trong các cấp chính quyền và nhân dân trong tỉnh.

- Rà soát, điều chỉnh Quy chế đảm bảo an toàn thông tin theo Luật An ninh mạng; tăng cường quản lý an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng đô thị thông minh; tăng cường quản lý và tạo điều kiện thúc đẩy công tác hợp tác khu vực và quốc tế về xây dựng đô thị thông minh.

- Ban hành chính sách, quy định công khai cơ sở dữ liệu chuyên ngành được phép chia sẻ từ các cơ quan chuyên môn của tỉnh; khuyến khích người dân và doanh nghiệp thực hiện các giao dịch điện tử, sử dụng các dịch vụ công trực

tuyển, ứng dụng công nghệ, dịch vụ thông minh vào cuộc sống để nâng cao chất lượng sinh hoạt, học tập và làm việc.

- Hoàn thiện hệ thống pháp lý, chuẩn hoá thông tin, chuẩn hoá các chỉ số báo cáo, thống kê, đảm bảo dữ liệu đầy đủ và chính xác phục vụ mục đích phát triển, khai thác các ứng dụng thông minh.

- Đẩy mạnh thực hiện hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin; thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu đối với các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực thông tin và truyền thông. Việc triển khai thực hiện một số nội dung, nhiệm vụ theo hình thức thuê dịch vụ CNTT phải đảm bảo nguyên tắc nâng cao hiệu quả về đầu tư và quản lý; các dịch vụ theo hình thức thuê phải đảm bảo tính tương thích về công nghệ, liên thông, kết nối và khai thác tối đa các hệ thống thông tin đã có; ưu tiên áp dụng hình thức thuê dịch vụ tập trung đối với các dịch vụ công nghệ thông tin có tính chất, tính năng giống nhau mà nhiều cơ quan, đơn vị cùng có nhu cầu sử dụng và công nghệ có sự thay đổi nhanh về công nghệ cần phải liên tục đầu tư. Thông tin, dữ liệu hình thành trong quá trình thuê dịch vụ và phần mềm được đặt hàng riêng để phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ (nếu có) là tài sản thuộc sở hữu của bên thuê.

2. Nhóm giải pháp về tài chính, nguồn vốn:

Về nguồn vốn, tổng mức đầu tư thực tế cho các nhóm nhiệm vụ, dự án thành phần trong Đề án sẽ được các đơn vị chủ trì khảo sát, tính toán khi thực hiện bước phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc lập dự án đầu tư, trong đó:

- Một số nội dung ngân sách nhà nước phải đầu tư: Ngân sách nhà nước đảm bảo vốn đầu tư theo chủ trương đầu tư hoặc dự án đầu tư trong phạm vi đề án được phê duyệt; ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các chương trình, dự án ứng dụng và phát triển CNTT hàng năm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương để đẩy mạnh ứng dụng CNTT phục vụ mô hình thành phố thông minh.

- Đề nghị hỗ trợ từ Trung ương trong lĩnh vực phát triển ứng dụng CNTT và truyền thông.

- Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước; nghiên cứu, áp dụng các mô hình hợp tác công tư PPP, vốn xã hội hóa và các mô hình đầu tư khác để đầu tư chiều sâu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, đầu tư hạ tầng kỹ thuật đô thị thông minh, trang thiết bị phục vụ quản lý đô thị và thực hiện các nội dung nhiệm vụ khác của Đề án.

- Huy động nguồn lực từ nhân dân, các thành phần trong xã hội; huy động các doanh nghiệp công nghệ thông tin, viễn thông tổ chức đầu tư theo hình thức thuê dịch vụ; các doanh nghiệp đầu tư, cơ quan nhà nước thuê để giảm chi phí ngân sách hàng năm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để tổ chức thực hiện Đề án.

3. Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực:

- Tổ chức đào tạo, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức; đặc biệt là cán bộ trẻ các kỹ năng ứng dụng CNTT, đi đầu trong sử dụng thành thạo ứng dụng CNTT, ứng dụng đô thị thông minh.

- Có chính sách thu hút nhân lực CNTT, trong đó có nhân lực CNTT chất lượng cao về công tác tại các cơ quan chuyên môn tham mưu triển khai các ứng dụng CNTT của tỉnh.

- Thành lập Trung tâm Điều hành thành phố thông minh trực thuộc UBND thành phố Pleiku để triển khai các nhiệm vụ nêu tại mục 3.3.2.

- Hỗ trợ người dân tiếp cận các ứng dụng CNTT, ứng dụng thông minh. Hằng năm, cần tiếp tục tổ chức cuộc thi Tin học trẻ cho học sinh các cấp để tiếp tục thúc đẩy việc nghiên cứu, học tập CNTT trong học sinh. Tổ chức các hoạt động, các sự kiện khoa học công nghệ (trong đó có lĩnh vực CNTT-TT) từ đó để hình thành thói quen, tư duy về đô thị thông minh trong các tầng lớp công dân của tỉnh.

- Phát huy vai trò của lãnh đạo, đặc biệt là người đứng đầu trong việc thu hút, thuyết phục các chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực CNTT về công tác tại thành phố hoặc phối hợp nghiên cứu, hợp tác trong các dự án của thành phố.

- Huy động sự hợp tác tham gia tư vấn, chuyển giao kinh nghiệm của các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức từ các tỉnh thành trong cả nước.

- Các cơ quan nhà nước cần phát huy hơn nữa việc ứng dụng CNTT; tăng cường sử dụng các ứng dụng có liên quan tới công dân, để giúp công dân tăng khả năng ứng dụng CNTT trong việc giao tiếp với cơ quan nhà nước. Tổ chức các mô hình đa dạng bồi dưỡng, đào tạo nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng, hướng dẫn sử dụng các tiện ích về đô thị thông minh.

4. Nhóm giải pháp về tuyên truyền, hợp tác, huy động nguồn lực xã hội:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cơ quan quản lý nhà nước, các thành phần kinh tế - xã hội và cộng đồng về vai trò và lợi ích về đô thị thông minh; tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về vai trò, ý nghĩa của đô thị thông minh, khuyến khích sự chủ động tham gia; tạo sự đồng thuận trong các cấp chính quyền và nhân dân trong triển khai thực hiện.

- Tổ chức các sự kiện, truyền thông về phát triển đô thị thông minh nhằm cung cấp thông tin về tình hình triển khai cũng như thu hút sự quan tâm, góp ý của các cấp, các ngành và cộng đồng xã hội.

- Định kỳ tổ chức các sự kiện về phát triển đô thị thông minh nhằm cung cấp thông tin về tình hình triển khai cũng như thu hút sự quan tâm, góp ý của các cấp, các ngành và cộng đồng xã hội.

- Định kỳ tổ chức đánh giá, công bố, biểu dương khen thưởng các tổ chức cá nhân có thành tích tiêu biểu, các đơn vị đã đạt được hiệu quả tích cực trong triển khai xây dựng phát triển đô thị thông minh.

- Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, áp dụng các mô hình hợp tác công tư PPP, vốn xã hội hóa và các mô hình đầu tư khác để đầu tư chiều sâu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, đầu tư hạ tầng kỹ thuật đô thị thông minh, trang thiết bị phục vụ quản lý đô thị và thực hiện các nội dung nhiệm vụ khác của Đề án.

- Đẩy mạnh các giải pháp thu hút nguồn lực xã hội trong hỗ trợ kỹ thuật, kêu gọi đầu tư để phát triển nghiên cứu, ứng dụng có hiệu quả công nghệ giải pháp phát triển đô thị thông minh.

- Ban hành các cơ chế chính sách ưu tiên, ưu đãi về thuế, tín dụng, đất đai và các ưu đãi khác để khuyến khích thu hút các thành phần tham gia phát triển đô thị thông minh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai thực hiện Đề án.

- Tham mưu cho UBND tỉnh các vấn đề liên quan đến chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án công nghệ thông tin trong việc xây dựng ĐTTM với chức năng là cơ quan quản lý ngành, đảm bảo sự đồng bộ của toàn bộ hệ thống.

- Chủ trì tham mưu xây dựng cơ chế, kế hoạch, hướng dẫn và tổ chức thực hiện; trong đó hàng năm xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh, phù hợp với Đề án này.

- Tham mưu, đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển công nghệ thông tin trong xây dựng ĐTTM trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định để hướng dẫn và tổ chức thực hiện; sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện chương trình, kế hoạch theo yêu cầu của tỉnh.

- Tăng cường mối quan hệ, tranh thủ sự giúp đỡ của các Bộ, ngành Trung ương, đặc biệt là sự chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ và sự hỗ trợ, tăng cường năng lực quản lý, ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về công nghệ thông tin trong xây dựng ĐTTM của mọi lĩnh vực trong đời sống kinh tế xã hội.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các chương trình, dự án ĐTTM trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt trong phạm vi nhiệm vụ được giao; đồng thời phối hợp đề xuất huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai Đề án.

- Phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo triển khai trên địa bàn tỉnh các nhiệm vụ trong Chương trình quốc gia phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Phối hợp với Sở TT&TT đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào lĩnh vực xây dựng ứng dụng thông minh trên địa bàn tỉnh. Đề xuất các giải pháp nhằm huy động các nguồn lực, thu hút đầu tư trong và ngoài nước để phát triển công nghiệp, công nghệ thông tin.

- Tổng hợp danh mục các dự án triển khai thực hiện đề án (thuộc nguồn vốn đầu tư phát triển) do các cơ quan được giao nhiệm vụ trình báo cáo UBND tỉnh và đưa vào kế hoạch đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công.

3. Sở Tài chính:

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở ngành liên quan và UBND thành phố Pleiku tham mưu, trình cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án phù hợp với từng giai đoạn và danh mục ưu tiên của Đề án theo phân cấp ngân sách khi Đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đúng với quy định của Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các sở ngành có liên quan để tham mưu UBND tỉnh bố trí trụ sở mới để đảm bảo hạ tầng phục vụ vận

hành Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh (triển khai Chính quyền điện tử); điều hành đô thị thông minh tỉnh Gia Lai; Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng tập trung (SOC)...

(Vi hiện tại, vị trí đặt Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh Gia Lai không đảm bảo về diện tích, không đảm bảo an toàn để phục vụ các hệ thống thông tin của tỉnh).

4. Sở Xây dựng:

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông để hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai thực hiện Đề án; đảm bảo sự đồng bộ giữa hạ tầng kỹ thuật đô thị thành phố và hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông phục vụ xây dựng, phát triển đô thị thông minh.

5. Sở Nội vụ:

- Phối hợp với UBND thành phố Pleiku, Sở Thông tin và Truyền thông, các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh các nội dung liên quan đến công tác bố trí nhân sự vận hành, quản lý điều hành đô thị thông minh.

- Đưa nội dung thu hút, phát triển nguồn nhân lực cho đô thị thông minh vào Đề án, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức hàng năm và giai đoạn của tỉnh.

6. Các sở, ngành thuộc tỉnh Gia Lai:

Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị liên quan, thực hiện, hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ, dự án ĐTTM trong lĩnh vực mình phụ trách. Trong đó tuân thủ Khung tham chiếu về công nghệ thông tin và truyền thông trong đô thị thông minh, Khung kiến trúc Chính quyền điện tử và các hướng của cơ quan chuyên ngành liên quan đến phát triển đô thị thông minh, nhằm đảm bảo sự kết nối, chia sẻ số liệu và đồng bộ trong triển khai, thực hiện các nhiệm vụ, dự án đã đề ra.

7. Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku:

- Chủ trì thực hiện Đề án; xây dựng Kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện và tổ chức đánh giá, báo cáo tiến độ, kết quả triển khai trên địa bàn thành phố cho UBND tỉnh và cơ quan liên quan định kỳ trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.

- Đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển thành phố theo hướng đô thị thông minh; ưu tiên nguồn lực để triển khai thực hiện Đề án; lựa chọn triển khai thí điểm ở những nơi, khu vực đủ điều kiện từ đó đánh giá, rút kinh nghiệm và triển khai nhân rộng trong phạm vi thành phố.

- Có trách nhiệm phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện các chương trình, dự án trên địa bàn, đảm bảo tính thống nhất giữa ngành với địa phương và của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành để triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng phù hợp để đáp ứng các yêu cầu, nhiệm vụ của Đề án; trong đó trọng tâm là việc triển khai xây dựng, quản lý, vận hành Trung tâm Điều hành đô thị thông minh.

8. Các doanh nghiệp, hiệp hội:

Trong xây dựng chiến lược kinh doanh cần đảm bảo phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển Đô thị thông minh của tỉnh, vừa bảo đảm mục tiêu kinh doanh của đơn vị, vừa góp phần thiết thực thúc đẩy sự nghiệp phát triển

kinh tế xã hội nói chung và phát triển thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh nói riêng.

VI. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

Đánh giá trên nhiều phương diện từ định hướng phát triển, hiện trạng, nhu cầu của các đơn vị của thành phố Pleiku; tính phù hợp với định hướng của Đảng và Nhà nước và xu hướng chung trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, Đề án đã xác định tính tất yếu để xây dựng ĐTTM cho thành phố Pleiku. Tuy nhiên, việc triển khai ĐTTM là một quá trình phức tạp, dài hạn đòi hỏi sự tham gia của nhiều thành phần xã hội, nhiều lực lượng, đòi hỏi sự đồng lòng và quyết tâm của Đảng bộ và nhân dân thành phố Pleiku và các Sở, ngành, các cấp chính quyền. Đề án đề xuất thực hiện trước các giải pháp công nghệ, nhiệm vụ cho phát triển các lĩnh vực chính quyền điện tử, du lịch, môi trường, quản lý đô thị, an ninh trật tự,...

Sau khi đề ra các nội dung định hướng tổng thể cho việc xây dựng ĐTTM tại thành phố Pleiku, Đề án đã đề xuất lộ trình triển khai các giải pháp công nghệ trong giai đoạn 2019- 2025, định hướng 2030. Đồng thời, đề án đã đề xuất những đầu việc, giải pháp phi công nghệ để hỗ trợ cho việc triển khai thực hiện. Các giải pháp về công nghệ và phi công nghệ trên sẽ hỗ trợ cho tinh tập trung sử dụng tốt hơn các nguồn lực, cho phép triển khai các giải pháp mang tính tổng thể - liên ngành, tiến xa hơn là các khả năng dự báo, phân tích dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo,... giúp giải quyết các vấn đề tổng thể của chính quyền các cấp, phát huy vai trò của người dân.

Xu hướng triển khai xây dựng ĐTTM là xu hướng tất yếu của bất kỳ đô thị nào trên thế giới trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đang diễn ra trên toàn cầu, tạo ra một thế giới kết nối của vạn vật, tận dụng được sức mạnh tổng hợp của tất cả các nguồn dữ liệu nhằm giải quyết các vấn đề mà mô hình quản trị đô thị truyền thống không thể giải quyết được một cách hiệu quả. Việc triển khai xây dựng ĐTTM là giải pháp cần thiết để thành phố Pleiku giải quyết các vấn đề đang vướng mắc, nâng cao chất lượng cuộc sống, thúc đẩy phát triển kinh tế, hình thành nên một mô hình đô thị phát triển bền vững, hiện đại./.

PHU LUC :
DANH MỤC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN TRỌNG TÂM ƯU TIÊN THỰC HIỆN
ĐỀ ÁN "XÂY DỰNG THÀNH PHỐ PLEIKU THEO HƯỚNG ĐÔ THỊ THÔNG MINH"
GIẢI ĐOẠN 2020-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN 2030

Ghi chú:

- Các dự án/nhiệm vụ sử dụng Ngân sách nhà nước thực hiện theo hình thức nhà nước đầu tư hoặc thuê dịch vụ.
- Ngoài các nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên trong danh mục này, các sở, ngành, địa phương có thể đề xuất thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu thực tế hoặc theo chỉ đạo của Trung ương trên cơ sở báo cáo UBND tỉnh quyết định.

Số TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí (dự kiến)
I	Nhóm nhiệm vụ về phát triển hạ tầng kỹ thuật				
1	Xây dựng Trung tâm điều hành đô thị thông minh TP Pleiku	UBND thành phố Pleiku	Sở TT&TT; Sở Nội vụ	2020-2021	Ngân sách nhà nước
2	Nâng cấp mở rộng mạng diện rộng trong phạm vi thành phố Pleiku	UBND thành phố Pleiku	Các Sở, ngành; UBND cấp huyện	2022	Ngân sách nhà nước
3	Phát triển chiếu sáng đô thị thông minh	UBND thành phố Pleiku	Điện lực Gia Lai; các doanh nghiệp	2020	Ngân sách nhà nước; xã hội hóa
4	Phát triển hệ thống phản ánh hiện trường	UBND thành phố Pleiku	Các sở, ngành liên quan	2020	Ngân sách nhà nước
5	Hệ thống quản lý cây xanh đô thị	UBND thành phố Pleiku	Sở Xây dựng	2020-2025	Ngân sách nhà nước; Xã hội hóa
6	Hệ thống giám sát, quản lý giao thông thông minh	UBND thành phố Pleiku	Sở Giao thông Vận tải; Công an tỉnh	2020-2025	Ngân sách nhà nước
7	Xây dựng hệ thống Wifi công cộng trên địa bàn thành phố Pleiku	UBND thành phố Pleiku	Sở TT&TT	2020-2025	Xã hội hóa
8	Quy hoạch phát triển hạ tầng thành phố Pleiku	UBND thành phố Pleiku	Các Sở, ngành	2020-2025	Ngân sách nhà nước

II	Nhóm nhiệm vụ về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin				
1	Đầu tư, xây dựng trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng tập trung (SOC)	Sở TT&TT	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư	2020-2021	Ngân sách nhà nước
2	Kiểm tra, đánh giá, nâng cao năng lực quản lý ATTT cho các hệ thống thông tin	Sở TT&TT	Các ngành liên quan; UBND cấp huyện	2020-2025	Ngân sách nhà nước
III	Nhóm nhiệm vụ về cơ sở dữ liệu				
1	Tiếp tục vận hành, duy trì, đầu tư mở rộng các cơ sở dữ liệu GIS theo Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh Gia Lai	Sở TT&TT	Các Sở ngành	2020-2025	Ngân sách nhà nước
2	Tiếp tục vận hành, duy trì, mở rộng các hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường đã được triển khai theo Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 của UBND tỉnh Gia Lai	Sở TN&MT	Các ngành liên quan; UBND thành phố Pleiku	2020-2025	Ngân sách nhà nước
3	Xây dựng, phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kết nối vào hệ thống tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP); đồng thời tích hợp, kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia do các bộ, ngành Trung ương triển khai.	Các Sở ngành liên quan		2020-2025	Ngân sách nhà nước
IV	Nhóm nhiệm vụ về xây dựng chính quyền điện tử				
1	Đầu tư, nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu phục vụ Chính quyền điện tử và triển khai các nền tảng đô thị thông minh	Sở TT&TT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính	2020-2022	Ngân sách nhà nước
2	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật các cơ quan thuộc	UBND thành	Sở TT&TT	2020-	Ngân sách

	UBND thành phố Pleiku	phố Pleiku		2025	nhà nước
3	Triển khai hệ thống Chatbot tra cứu thủ tục hành chính, hướng dẫn một số vấn đề người dân quan tâm	Sở TT&TT	UBND thành phố Pleiku	2021-2023	Ngân sách nhà nước
4	Triển khai chữ ký số trong dịch vụ công trực tuyến; trong các thiết bị di động	Sở TT&TT	UBND thành phố Pleiku; Các Sở ngành	2020-2022	Ngân sách nhà nước
5	Triển khai số hóa tài liệu giấy	UBND thành phố Pleiku	Sở TT&TT	2020-2025	Ngân sách nhà nước
6	Triển khai hệ thống bốc số tự động qua mạng tại bộ phận 1 cửa	UBND thành phố Pleiku	Sở TT&TT	2020-2022	Ngân sách nhà nước; xã hội hóa
7	Xây dựng cổng dữ liệu mở tỉnh Gia Lai	Sở TT&TT	UBND thành phố Pleiku; Các Sở ngành, địa phương	2020-2021	Ngân sách nhà nước
8	Xây dựng ứng dụng đô thị thông minh trên di động	Sở TT&TT	UBND thành phố Pleiku	2020	Ngân sách nhà nước
9	Cập nhật, nâng cấp các hệ thống thông tin phục vụ Chính quyền điện tử	Sở TT&TT	Các Sở, ngành; UBND cấp huyện	2022	Ngân sách nhà nước
V	Nhóm nhiệm vụ về kinh tế				
1	Ứng dụng CNTT trong nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND thành phố Pleiku, Sở TT&TT	2020-2022	Ngân sách nhà nước; xã hội hóa
2	Ứng dụng CNTT trong lĩnh vực du lịch				
2.1	Xây dựng Cổng thông tin và ứng dụng du lịch thông minh phục vụ du khách trên thiết bị di động tích hợp bản đồ số	Sở VH TT&DL	Sở TT&TT	2020-2022	Ngân sách nhà nước; xã hội hóa; PPP
2.2	Kết nối CSDL ngành du lịch, hệ thống thông tin	Sở VH TT&DL	UBND thành phố	2020-	Ngân sách nhà

	tin tiếp thị điểm đến, bản đồ các cơ sở văn hóa - du lịch - nhà hàng - khách sạn		Pleiku, Sở TT&TT	2025	nước; xã hội hóa; PPP
VI	Nhóm nhiệm vụ về y tế, chăm sóc sức khỏe dân cư				
1	Xây dựng và triển khai cơ sở dữ liệu, phần mềm Hồ sơ sức khỏe công dân	Sở Y tế	UBND thành phố Pleiku, Sở TT&TT	2020-2022	Ngân sách nhà nước
2	Xây dựng và triển khai hệ thống hỗ trợ khám chữa bệnh từ xa	Sở Y tế	UBND thành phố Pleiku, Sở TT&TT	2020-2022	Ngân sách nhà nước; Xã hội hóa
3	Xây dựng cơ sở dữ liệu về vệ sinh an toàn thực phẩm và hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm	Sở Y tế, Sở NN&PTNT	Sở KH&CN; UBND thành phố Pleiku	2020-2025	Ngân sách nhà nước; Xã hội hóa
4	Xây dựng cổng thông tin điện tử ngành Y tế và các đơn vị điều trị trên địa bàn thành phố Pleiku, tích hợp hệ thống lấy số tự động qua mạng, đăng ký khám chữa bệnh qua mạng	Sở Y tế	Sở TT&TT	2020-2021	Ngân sách nhà nước; Xã hội hóa; PPP
5	Xây dựng hồ sơ bệnh án điện tử	Sở Y tế		2020-2025	Ngân sách nhà nước
VII	Nhóm nhiệm vụ về giáo dục				
1	Xây dựng trường học thông minh cho các trường phổ thông.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở TT&TT	2020-2025	Ngân sách nhà nước; xã hội hóa
2	Xây dựng hệ thống E-learning (học trực tuyến)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở TT&TT	2020-2022	Ngân sách nhà nước; xã hội hóa
VIII	Nhóm nhiệm vụ về quản lý trật tự xã hội.				
1	Xây dựng hệ thống camera giám sát trật tự an toàn xã hội	Công an tỉnh	UBND thành phố Pleiku, Sở TT&TT	2020-2025	Ngân sách nhà nước; xã hội hóa; PPP
IX	Nhóm nhiệm vụ về môi trường				

1	Xây dựng hệ thống quan trắc nước thải thành phố tập trung	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND thành phố Pleiku, Sở TT&TT	2020-2025	Ngân sách nhà nước
2	Hệ thống thu gom rác thải thông minh	UBND thành phố Pleiku	Sở Tài nguyên và Môi trường	2020-2025	Ngân sách nhà nước; xã hội hóa
3	Hệ thống quan trắc không khí	UBND thành phố Pleiku	Sở Tài nguyên và Môi trường	2020-2025	Ngân sách nhà nước
X	Bố trí nhân lực, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin cho đô thị thông minh	Sở TT&TT; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nội vụ; UBND thành phố Pleiku.	Các Sở ngành; UBND thành phố Pleiku	2020-2025	Ngân sách nhà nước; Xã hội hóa